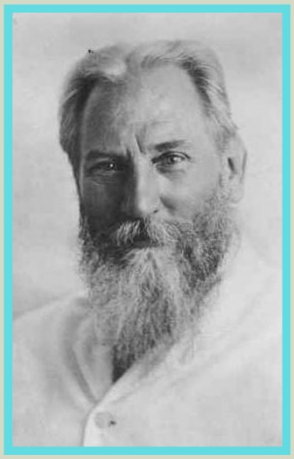
C.W. Leadbeater



CÁC TRẢI NGHIỆM HUYỀN LINH

My Occult Experiences

minhtrietmoi.org

MY OCCULT EXPERIENCES

The Theosophist 1913 May p249

The Theosophist 1913 June p389

The Theosophist 1913 July p581

by

Johan van Manen, F. T. S.

(with Explanatory Notes by CW Leadbeater, F. T. S.)

MỤC LỤC

MỤC LỤC....3
Introduction—Dẫn nhập....5
I. CHILDHOOD—I. THỜI THƠ ẤU....7
I.1. Astral Nakedness....8
I.2. The Wrong End of the Telescope....10
I.3. Turned Inside Out....10
II. PROPHETIC VISIONS AND DREAMS—II. THỊ KIẾN VÀ GIẤC MƠ TIÊN TRI....11
II.4. An Inverted Icarus....12
II.5. A Troubled Dinner....13
III. MEDITATIONAL EXPERIENCES—III. NHỮNG KINH NGHIỆM TRONG THAM THIỀN....14
III.6. A Vision of Brotherhood....15
III.7. The Master's Love for Humanity....16
IV. PSYCHOLOGY—IV. TÂM LÝ HỌC....19
IV.8. A Living Portrait....19
IV.9. A Spiritual Duel....20
V. SEEING IDEAS—V. THẤY CÁC Ý TƯỞNG....23
V.10. The Secrets of the Master's Mind....24
V.11. The Chains of Humanity....25
V.12. In Him We live and move and have Our Being....27
VI. ILLUSTRATIONS—VI. MINH HOẠ....29
VI.13. The Size of the Earth....30
VII. OBJECTIVE THINGS—VII. NHỮNG SỰ VẬT KHÁCH QUAN....31
VII.14. The Blue Lotus....32
VII.15. Higher Dimensions....34
VIII. PHENOMENA OF THE HALF-AWAKENED STATE—VIII. HIỆN TƯỢNG CỦA TRẠNG THÁI NỬA THỨC....38
VIII.16. Brain Dramatisations....39
VIII.17. Bliss - of a Sort....39
VIII.18. A Piece of Mysterious Tapestry....40
VIII.19. A Sheet of the Vâhan....42
VIII.20. On the Verge....44
IX. False Dreams—IX. Những Giấc mơ Giả....45
IX.21. A Salutary Object Lesson....46

X. MUSICAL FORMS—X. CÁC HÌNH THỂ ÂM NHẠC....49
X.22. A Cathedral and Angels....49
XI. NATURAL BEAUTY—XI. VẺ ĐẸP THIÊN NHIÊN....51
XI.23. In the Vosges....51
XII. LECTURING EXPERIENCES—XII. NHỮNG TRẢI NGHIỆM KHI DIỄN THUYẾT....53
XII.24. A Sea of Light and Lightness....53
XII.25. Other Phenomena connected with Lecturing which are not of my own experiencing..54
XIII. APPARITION AT A DISTANCE—XIII. SỰ HIỆN THÂN Ở XA....56
XIII.26. Advice at a Distance....56
XIII.27. A Visit aboard a Steamer....57
XIV. KARMIC PROBLEMS—XIV. CÁC VẤN ĐỀ NGHIỆP QUẢ....58
XIV.28. Trick Cycling....58
XIV.29. In the Gorges d'Héric....59
XV. UNPLEASANT EXPERIENCES—XV. NHỮNG TRẢI NGHIỆM KHÓ CHỊU....63
XV.30. An Unwelcome Visitor....63
XV.31. Undesirable Cattle....64
XVI. SUNDRIES—XVI. LINH TINH....65
XVI.32. Thought-Action on Dreamers....65
XVI.33. Dream Interpretation....66
XVI.34. Running water....67
XVI.35. An Anecdote....68

Introduction—Dẫn nhập

There exists an old letter of H. P. B.'s, copies of which are now exceedingly rare, addressed some thirty years ago to the members of the London Lodge of the Theosophical Society. It is a confidential admonition to the Lodge concerning spiritual endeavour, and contains a paragraph which struck me very forcibly when I read it. This passage says that if members only gave proper attention to the little experiences of life they might find revealed in them unsuspected occult teachings or unthought-of instances of occult influence. In the light of this injunction I have kept a close watch on such tiny rays of light as have filtered through, from time to time, into my own every-day consciousness, and have analysed carefully the slight glimpses into the something-else which now and then have been vouchsafed to me.

Có một bức thư cũ của Bà H. P. B., nay bản sao còn lại vô cùng hiếm, được gửi cách đây chừng ba mươi năm cho các hội viên của Chi bộ London thuộc Hội Thông Thiên Học. Đó là một lời khuyên kín dành cho Chi bộ về nỗ lực tinh thần, và chứa một đoạn đã gây ấn tượng mạnh nơi tôi khi đọc. Đoạn ấy nói rằng nếu các hội viên chịu chú tâm đúng mức đến những trải nghiệm nhỏ trong đời, họ có thể khám phá trong đó những giáo huấn huyền môn không ngờ, hoặc những trường hợp ảnh hưởng huyền môn không nghĩ tới. Dưới ánh sáng của lời chỉ giáo này, tôi đã luôn canh chừng kỹ những tia sáng nhỏ bé vẫn thỉnh thoảng lọt qua vào tâm thức hằng ngày của riêng tôi, và đã cẩn thận phân tích những thoáng thấy mơ hồ về một cái-gì-khác thỉnh thoảng được ban cho tôi.

I am not a clairvoyant, and I wish at the outset to prevent any possible misconstruction of what I am going to lay before my readers. I am not able to turn on the tap of astral or any other sight as one might switch on or off the electric light. That is only for the masters in the art. It is of the utmost importance for the sane and solid development of the Theosophical movement that the strictest probity should prevail in all reports and relations of psychic experiences, and that no one should suffer to cluster round himself exaggerated opinions concerning his occult powers. Such incorrect estimation, if spread widely within our ranks, would ultimately annihilate all sound standards of judgment, falsify doctrine and turn into chaos what should be an ordered whole of testimony and description. The temptation to promote, or at least not to prevent, such a state of things is very great in our Society, and there are minor deities in our ranks who have sinned heavily

Tôi không phải là người thông nhãn, và ngay từ đầu tôi muốn ngăn ngừa mọi lầm hiểu có thể có về những gì tôi sắp bày ra trước độc giả. Tôi không có khả năng "mở vòi" thị kiến cảm dục hay bất cứ thị kiến nào khác như người ta bật tắt đèn điện. Điều ấy chỉ dành cho những bậc thầy trong nghệ thuật ấy. Đối với sự phát triển lành mạnh và vững chắc của phong trào Thông Thiên Học, điều tối quan trọng là đức liêm chính nghiêm nhặt phải ngự trị trong mọi tường thuật và liên hệ về các trải nghiệm thông linh, và không ai được để cho chung quanh mình kết tụ những ý kiến thổi phồng về năng lực huyền môn của mình. Sự đánh giá sai lệch như thế, nếu lan rộng trong hàng ngũ chúng ta, rốt cuộc sẽ thủ tiêu mọi chuẩn mực phán đoán lành mạnh, bóp méo giáo lý và làm hỗn loạn cái lẽ ra phải là một tổng thể có trật tự của chứng từ và mô tả. Cám dỗ để dung túng, hoặc ít nhất là không ngăn ngừa, một tình trạng như thế là rất lớn trong Hội của chúng ta, và có những "tiểu thần" trong hàng

in this respect.

ngũ đã phạm lỗi nặng nề ở phương diện này.

What I have to present then is a sober record of whatever experiences I recollect as I write, in so far as they seem to have an illustrative value, especially selecting those examples which seem to be capable of some interpretation. I divide them into groups as their nature suggests.

Vì vậy, điều tôi trình bày chỉ là một ghi chép điềm đạm về bất kỳ trải nghiệm nào tôi hồi tưởng được khi viết, trong chừng mực chúng có vẻ mang giá trị minh họa, nhất là tuyển chọn những ví dụ dường như có thể diễn giải phần nào. Tôi chia chúng thành từng nhóm tùy theo tính chất gợi ý.

It seems to me that such an autobiographical fragment may be of some value as furnishing material for comparison. It may also incite others to relate their similar experiences. In the hands of some other "James" these "varieties of religious experience" may then be ultimately welded into an instructive whole. It should, however, be well understood that any such relation can have value only if the experience has been very carefully observed and, so far as possible, analysed, keen introspection having taken place at the time. The experience may have been religious, but the description must be scientific; the value may have been mystical, but the process must be recognised as psychological. Above all, the giving of premature (Theosophical or other) explanations to such experiences must be avoided. That is a matter for the experts, psychologists or occultists. We are only concerned with one end of the line, that of truthfully reporting. The explainers stand at the other end. So, for instance, no special 'plane' should be assigned to any phenomenon or sensation. Only an occultist can do that. A subjective feeling of the highest rapture may well have been produced by a dulling of the general sensibility, and that only: the felicity of tamas is something else than that of sattva.

Theo tôi, một mảnh tự truyện như vậy có thể có giá trị như cung cấp chất liệu để đối chiếu. Nó cũng có thể khơi gợi những người khác thuật lại các trải nghiệm tương tự. Trong tay một "James" nào khác, những "dạng thức của kinh nghiệm tôn giáo" này rồi có thể được hàn lại thành một toàn thể có tính giáo huấn. Tuy nhiên, cần hiểu rõ rằng mọi liên thuật như vậy chỉ có giá trị nếu trải nghiệm ấy đã được quan sát rất cẩn thận và, trong chừng có thể, được phân tích, với sự hướng nội sắc bén đã diễn ra ngay khi đó. Trải nghiệm có thể mang tính tôn giáo, nhưng mô tả phải mang tính khoa học; giá trị có thể huyền nhiệm, nhưng tiến trình phải được nhận diện là tâm lý học. Trên hết, cần tránh việc vội vã gán cho các trải nghiệm như thế những lời giải (dù là Thông Thiên Học hay khác). Đó là việc của các chuyên gia, các nhà tâm lý hoặc các nhà huyền môn. Chúng ta chỉ quan tâm đến một đầu của sợi dây, tức việc tường thuật trung thực. Những người giải thích đứng ở đầu kia. Do đó, chẳng hạn, không nên gán một "cõi" đặc biệt nào cho bất kỳ hiện tượng hay cảm thọ nào. Chỉ một nhà huyền môn mới làm được điều đó. Một cảm thọ chủ quan của hỷ lạc cao nhất vẫn có thể chỉ do sự cùn mòn của cảm năng chung tạo ra, và chỉ thế thôi: cái lạc của tamas khác với cái lạc của sattva.

Many readers may recognise in the few experiences I have to relate some of their own, or at least find an affinity with them. Perhaps

Nhiều độc giả có thể nhận ra trong vài trải nghiệm tôi thuật lại bóng dáng của chính mình, hoặc ít nhất cũng thấy sự đồng cảm với

they may have thought that such experiences were too isolated, infrequent and unimportant to note down. Here, however. the value of H.P.B.'s remark shows itself. I too attach very little value or importance to most of the experiences which I relate, and none at all to some of them, but I see equally well that, taken together - despite their infrequency - they indicate that my mind comes now and then into touch with a mysterious other-world of consciousness, where, it seems, forms of thought prevail other than those which we know here. They tell me that if I could always have present the symbolic vision and synthetic thought or the heightened sensibility of which I have only experienced momentary and intermittent flashes, I should be so much the richer as a conscious being and, I think, a step higher in the scale as an evolving entity. The mere experience, once, leads me to believe that there may be a possibility of experiencing it always and uninterruptedly. In short, I regard these things as forebodings, foreshadowings, promises even, for distant days to come, and as my own *personal* and invaluable little certitudes for that hope of inner unfoldment which, roughly, is sketched out by modern Theosophical literature, but which, after all, is and must remain unprovable by books alone. In other words: our occultists testify to their higher experiences. From their vast masses of testimony I think I have perceived the existence of a few atoms; and the existence of one atom of gold is enough to prove that gold exists.

chúng. Có lẽ họ từng nghĩ rằng những trải nghiệm như vậy quá rời rạc, hiếm hoi và không quan trọng để ghi chép. Tuy nhiên, chính ở đây nhận xét của Bà H. P. B. tỏ ra giá trị. Tôi cũng coi rất ít trải nghiệm mình thuật là có giá trị hay quan trọng, và với vài cái thì chẳng có giá trị gì, nhưng tôi cũng thấy rõ rằng, khi đặt chung lại — bất chấp tính hiếm hoi — chúng cho thấy rằng tâm trí tôi đôi khi chạm vào một thế-giới-bí-ẩn khác của tâm thức, nơi, dường như, có những dạng tư tưởng khác với những gì chúng ta biết ở đây. Chúng cho tôi biết rằng nếu tôi có thể luôn hiện tiền tầm nhìn biểu tượng và tư tưởng tổng hợp, hoặc cảm năng được nâng cao mà tôi chỉ trải nghiệm bằng những tia chớp chốc lát và gián đoạn, thì tôi sẽ giàu có hơn nhiều như một hữu thể có ý thức và, tôi nghĩ, cao hơn một bậc trên nấc thang như một đơn vị đang tiến hóa. Một lần trải nghiệm thôi cũng dẫn tôi tin rằng có thể có khả năng để trải nghiệm điều ấy luôn luôn và không gián đoạn. Tóm lại, tôi coi những điều này như là những điềm báo, những bóng dự, thậm chí là những hứa hẹn cho những ngày xa tới, và như những điều *cá nhân* và vô giá, dầu nhỏ bé, xác quyết cho hy vọng về sự khai mở nội tâm, điều mà, nói chung, văn hiến Thông Thiên Học hiện đại phác họa, nhưng xét cho cùng, là và phải vẫn không thể chứng minh chỉ bằng sách vở. Nói cách khác: các nhà huyền môn của chúng ta làm chứng về những trải nghiệm cao hơn của Các Ngài. Từ khối lượng lớn lao những chứng từ ấy, tôi nghĩ mình đã nhận ra sự hiện hữu của vài nguyên tử; và sự hiện hữu của một nguyên tử vàng cũng đủ để chứng minh rằng vàng hiện hữu.

I. CHILDHOOD—I. THỜI THƠ ẤU

From the days of my childhood I recollect only two experiences. The first is trifling but

Từ những ngày thơ ấu, tôi chỉ nhớ hai trải nghiệm. Trải nghiệm đầu tiên nhỏ nhặt

amusing, and became intelligible to me only afterwards.

nhưng thú vị, và chỉ về sau tôi mới hiểu.

I.1. Astral Nakedness.

I.1. Sự trần truồng ở cõi cảm dục.

I was asleep, and was walking in one of the streets of the little town in which I was then living. I was amusing myself as children do at that age, but suddenly I became aware that I was clad only in my nightshirt (pyjamas being a fairly recent invention as far as Holland is concerned). I experienced a feeling of intense shame and felt as if all passers-by in the street were looking at me. I awoke with a start and felt still very much ashamed. Later on in reading about the astral plane I found the clue to this dream which, by its extraordinary vividness, made a strong impression on me.

Tôi đang ngủ, và đang đi bộ trên một trong những con phố của thị trấn nhỏ nơi tôi sống khi đó. Tôi đang tự vui như lũ trẻ ở tuổi ấy, nhưng bất chợt tôi nhận ra rằng mình chỉ mặc mỗi áo ngủ (đồ pyjama còn khá mới mẻ ở Hà Lan thời ấy). Tôi trải một cảm giác xấu hổ dữ dội và thấy như tất cả người qua đường đều đang nhìn tôi. Tôi giật mình tỉnh dậy và vẫn còn rất xấu hổ. Về sau, khi đọc về cõi cảm dục, tôi tìm thấy manh mối cho giấc mơ này, vốn bằng sự sống động khác thường của nó đã để lại ấn tượng mạnh nơi tôi.

[Notes by CWL]. (I very heartily congratulate my friend, Mr. Van Manen; first on his courage in coming forward thus openly to relate experiences many of which are of a somewhat private character; secondly, on the clearness and force with which he has stated them; and thirdly and chiefly, on the experiences themselves.

[Ghi chú của CWL]. (Tôi rất chân thành chúc mừng người bạn của tôi, Ông Van Manen; thứ nhất, vì lòng can đảm khi thẳng thắn bước ra để thuật lại những trải nghiệm mà nhiều cái có phần riêng tư; thứ hai, vì sự rõ ràng và sức mạnh trong cách Ông trình bày; và thứ ba, chủ yếu nhất, vì chính các trải nghiệm ấy.

For, though to those unversed in these studies they may at first glance appear disconnected, anyone who has fully opened the higher consciousness will at once recognise them all as parts of a coherent whole. True, many of them are glimpses only, but they are glimpses of the higher world, giving to him who experiences them a momentary foretaste of what will in the future be the everyday possibilities of his life.

Vì, tuy đối với những người chưa từng học các môn này, chúng thoạt nhìn có thể rời rạc, nhưng ai đã mở trọn tâm thức cao đều sẽ lập tức nhận ra tất cả chúng là những phần của một toàn thể nhất quán. Đúng là nhiều cái chỉ là thoáng thấy, nhưng đó là những thoáng thấy của thế giới cao, đem lại cho người trải nghiệm một vị nếm chốc lát về những gì trong tương lai sẽ là những khả thể hằng ngày của đời y.

Again and again our author explains that he cannot do justice to his subject - that words fail to express what be has seen and felt. We have all felt that, and we can well appreciate his difficulty; but, nevertheless, even though the attempt at description fails, as it cannot

Hết lần này đến lần khác, tác giả của chúng ta giải thích rằng Ông không thể làm trọn công bằng cho đề tài — rằng ngôn từ bất lực để diễn đạt điều Ông đã thấy và cảm. Tất cả chúng ta đều từng cảm như vậy, và rất thấu hiểu cái khó của Ông; nhưng dẫu sao, dù nỗ lực mô tả có

but fail, there are still touches in it which are unmistakable to those who have seen. He is assuredly quite right in regarding these experiences as foreshadowings of days still to come; and it is easy to appreciate his remark that even the simplest direct experience gives one a certainty as to the existence of other worlds which is not to be gained by any amount of mere study.

thất bại, như tất yếu sẽ thất bại, vẫn có những nét chấm phá trong đó không thể lầm đối với những ai đã thấy. Ông hoàn toàn đúng khi coi những trải nghiệm này như bóng dự của những ngày còn ở phía trước; và rất dễ hiểu nhận xét của Ông rằng ngay cả một trải nghiệm trực tiếp đơn giản cũng cho ta xác quyết về sự hiện hữu của các thế giới khác mà không bất cứ lượng học hỏi thuần túy nào có thể đem lại.

He hardly does himself and his experiences justice when he says that "a subjective feeling of the highest rapture may have been produced by a dulling of general sensibility." The dulling of sensibility *does* give a blissful feeling of complete repose, of escape from the ever-present weight and weariness of physical life which we ordinarily fail to recognise, because we have been born into it, and know no other condition; but the essence of this feeling is *relief*, which is a kind of negative sensation. The bliss of the higher worlds has in it an intensity of positive vivid life - life in the most vigorous activity, life raised to the *n*th power - which is quite unmistakable, and by no means to be confused with the other. At least, so it seems to me.

Ông hầu như đã tự mình và cho các trải nghiệm của mình phần nào bất công khi nói rằng "một cảm thọ chủ quan của hỷ lạc cao nhất có thể đã được tạo ra do sự cùn mòn của cảm năng chung." Sự cùn mòn cảm năng *đúng là* đem lại một cảm giác lạc thú của sự an nghỉ hoàn toàn, của sự thoát khỏi sức nặng và mệt mỏi luôn hiển diện của đời sống hồng trần — điều mà bình thường ta không nhận ra, vì ta sinh vào trong nó và không biết trạng thái nào khác; nhưng bản chất của cảm giác này là *nhẹ nhõm*, vốn là một dạng cảm thọ tiêu cực. Còn lạc phúc của các thế giới cao thì trong đó có cường độ sống động tích cực — sự sống trong hoạt động mãnh liệt nhất, sự sống được nâng lên đến lũy thừa mũ n — điều ấy hoàn toàn không thể lẫn, và tuyệt nhiên không thể nhầm với điều kia. Ít nhất, đối với tôi là như thế.

The first experience which he notes for us is by no means uncommon - that of finding oneself in some public place with much less than the usual amount of clothing. It has often been said in Theosophical literature that in the astral and higher worlds people clothe themselves as they choose by a mere effort of the will. Very often this will seems to act unconsciously, so that most people appear in some quite ordinary costume with which their friends are familiar; but where through forgetfulness or for some other reason the active will fails to attend to this matter, the subconscious part of it gives us an automatic

Trải nghiệm đầu tiên Ông ghi nhận cho chúng ta không hề hiếm — việc thấy mình ở nơi công cộng với ít hơn mức y phục thường lệ. Văn hiến Thông Thiên Học đã nhiều lần nói rằng ở cõi cảm dục và cao hơn, con người tự khoác y phục theo ý muốn chỉ bằng một nỗ lực ý chí. Rất thường khi ý chí này dường như hành động vô thức, đến nỗi hầu hết người ta hiện ra trong một y phục khá bình thường mà bằng hữu họ quen biết; nhưng khi vì quên lãng hay vì lý do khác mà ý chí chủ động không chăm lo việc này, thì phần vô thức của nó cho ta một bản sao tự động của bộ y phục mà thể xác đang mặc vào lúc ấy, như trong trường hợp tác giả

reproduction of the garment which is actually worn by the physical body at the moment, as in the case which our author describes.)

của chúng ta mô tả.)

I.2. The Wrong End of the Telescope. The second experience is one which I can only describe, not understanding it at all up to this day. Fairly often when lying in bed prior to falling asleep it seemed as if the walls of the room and perhaps also the objects therein were beginning to recede and recede unendingly, and they would appear as if seen through the wrong end of a telescope. This recession, however, was not so much in a straight line as rather in a most curious twirling motion, as if every point in them was turning itself inside out. To put it graphically, it was as if every point, as well as the whole total, was moving away in the manner of a ring of smoke, blown by an expert in these matters. I believe that I at least once saw small heinzel-männchen-like figures in the distance. Of course I did not analyse these things at the time in such detail, but I remember the experience clearly. As a matter of fact I was rather afraid of this sort of thing.

I.2. Đầu ngược của kính viễn vọng. Trải nghiệm thứ hai là điều mà cho đến nay tôi chỉ có thể tả lại, chứ hoàn toàn không hiểu. Khá thường khi, lúc nằm trên giường trước khi ngủ, dường như các bức tường của căn phòng, và có lẽ cả những đồ vật trong đó, bắt đầu lùi xa và lùi xa vô tận, và chúng hiện ra như thể được nhìn qua đầu ngược của một kính viễn vọng. Tuy nhiên, sự lùi xa này không phải theo đường thẳng mà là theo một chuyển động xoáy cực kỳ lạ lùng, như thể mọi điểm trong chúng đang lộn mình từ trong ra ngoài. Nói hình họa ra, như thể mỗi điểm, cũng như toàn thể, đang rời đi theo kiểu một vòng khói do người thổi khói điệu nghệ tạo ra. Tôi tin rằng ít nhất một lần tôi đã thấy ở đằng xa những hình nhân nhỏ giống "Heinzelmännchen". Dĩ nhiên tôi đã không phân tích những điều đó cụ thể như thế ngay lúc ấy, nhưng tôi nhớ rất rõ trải nghiệm. Thực ra tôi khá sợ kiểu chuyện như vậy.

I.3. Turned Inside Out. I may add that in later times I have had on several occasions a sensation analogous to the above, only it was not accompanied by visual impressions. Several times I have experienced in concentration the *feeling* (in the body) of such a turn-inside-out movement, going on like a propeller in the air. I always expected that the next turn should lead somewhere (where exactly I could never locate), but it always ended in nothing. Sometimes this sensation is not felt inside the body but in the space around the body, and then the impression is that one ascends, or as the case may be descends, ever and ever more highly or deeply. Yet one never arrives, though firmly expecting to arrive somewhere.

I.3. Lộn từ trong ra ngoài. Tôi có thể thêm rằng về sau này tôi đã vài lần có một cảm giác tương tự như trên, chỉ khác là nó không đi kèm ấn tượng thị giác. Vài lần, trong định tâm, tôi đã trải *cảm giác* (trong thân) của một chuyển động lộn-từ-trong-ra-ngoài như thế, quay đều như cánh quạt trên không. Tôi luôn chờ rằng vòng quay kế tiếp sẽ dẫn đi đâu đó (chính xác nơi nào tôi không xác định được), nhưng nó luôn kết thúc trong hư không. Đôi khi cảm giác này không ở bên trong thân mà ở không gian quanh thân, và khi đó ấn tượng là người ta đang thăng lên, hoặc tùy trường hợp, hạ xuống, cao hơn nữa hoặc sâu hơn nữa. Thế mà vẫn không bao giờ tới nơi, dù kiên quyết trông chờ sẽ tới một chốn nào đó.

[CWL note] (The second and third experiences are very characteristic and instantly recognisable, yet impossible fully to describe or to make clear to those who have never felt anything of the kind. The change from the physical to the astral consciousness usually takes place so quickly that it has no observable stages; and even when the stages are observed, some people naturally select one group of phenomena for special attention, while others concentrate themselves on a quite different group. When one does reach the astral plane, its consciousness is by no means equally developed in all of us. Some of us, for example, invariably associate with it the power to see fourth-dimensionally, while most have as yet no glimpse of that quality. This peculiar spiral turning inside-out which is mentioned here clearly indicates the possession of knowledge of that sort, and the quaint way in which, when the author is just about to pass into that condition of consciousness, he experiences the change some times in himself, sometimes outside himself, and sometimes in connection with partially seen physical objects - all these again are thoroughly characteristic of that condition of half-awakened consciousness. When this is attained in meditation it ought of course to lead to something, as Mr. Van Manen very properly says; but all who have experimented in these matters know well how frequently one fails upon the very brink of success, and how many times one has to try before results are finally achieved.)

[Ghi chú của CWL] (Trải nghiệm thứ hai và thứ ba rất điển hình và lập tức có thể nhận ra, song hoàn toàn bất khả mô tả trọn vẹn hay làm sáng tỏ đối với những ai chưa từng cảm được điều gì tương tự. Sự chuyển đổi từ tâm thức hồng trần sang tâm thức cảm dục thường diễn ra nhanh đến mức không có các giai đoạn có thể quan sát; và ngay cả khi các giai đoạn được ghi nhận, vài người tự nhiên chọn một nhóm hiện tượng để chú ý đặc biệt, trong khi những người khác lại tập trung vào một nhóm hoàn toàn khác. Khi người ta đạt đến cõi cảm dục, tâm thức thuộc cõi ấy quyết không phát triển như nhau ở tất cả chúng ta. Chẳng hạn, một số người luôn gắn nó với năng lực nhìn theo chiều thứ tư, trong khi đa số thì chưa hề thoáng thấy phẩm tính đó. Cái xoáy lạ lùng lộn từ trong ra ngoài được nói đến ở đây rõ ràng chỉ thị sự sở đắc tri thức theo kiểu ấy, và cách thức độc đáo mà, khi tác giả sắp sửa chuyển vào trạng thái tâm thức đó, Ông trải sự chuyển đổi đôi khi trong chính mình, đôi khi ở ngoài mình, và đôi khi liên quan đến những đối tượng hồng trần chỉ thấy một phần — tất cả những điều này lại một lần nữa hoàn toàn điển hình cho trạng thái tâm thức nửa-tỉnh ấy. Khi điều này đạt được trong tham thiền, dĩ nhiên nó phải dẫn đến điều gì đó, như Ông Van Manen rất đúng khi nói; nhưng tất cả những ai từng thử nghiệm các vấn đề này đều biết rõ người ta thường thất bại ngay bên bờ thành công như thế nào, và phải thử bao nhiêu lần trước khi rốt cuộc đạt được kết quả.)

II. PROPHETIC VISIONS AND DREAMS—II. THỊ KIẾN VÀ GIẤC MƠ TIÊN TRI

After these two preliminary incidents I will deal with those of later years, now roughly classifying the examples. The two following experiences are of necessity of an intimate

Sau hai tình tiết dạo đầu này, tôi sẽ bàn về những chuyện các năm sau, nay tạm phân loại đại khái. Hai trải nghiệm sau đây tất yếu mang tính thâm mật, và tôi phải xin lỗi vì đã nêu

nature, and I have to apologise for mentioning them, in order not to be accused of vanity. They are, however, the only two of the class I have, and so I cannot leave them out without making my record, so far as it goes, incomplete. I need not say that I myself have not consciously invented their interpretation; the interpretation came simultaneously with the pictures as part and parcel of them. I have nothing to do with it. Besides, it may be false, and also the first part in each story is not flattering to me, nothing to boast of.

chúng ra, để khỏi bị cáo buộc là khoe khoang. Tuy vậy, chúng là hai cái duy nhất thuộc loại này tôi có, nên tôi không thể bỏ chúng mà vẫn muốn cho bản ghi của mình, trong giới hạn của nó, được đầy đủ. Tôi không cần nói rằng bản thân tôi không tự ý bịa ra lời diễn giải; lời giải xuất hiện đồng thời với các bức ảnh như là phần nội tại của chúng. Tôi không can dự gì. Hơn nữa, nó có thể sai, và cả phần đầu trong mỗi câu chuyện đều không có gì tâng bốc tôi, chẳng có gì đáng tự phụ.

II.4. An Inverted Icarus.

As far as I recollect, soon after my entrance into the Theosophical Society I would see, or a picture of it would arise in my consciousness, a little figure, standing as if on a strip of seashore. I remember quite well one morning, while dressing, how I stared a long time at that little figure, naked, on the beach, before me. I saw with the 'mind's eye,' whatever that may mean. There was no objective picture, no beach anywhere near, yet I saw the picture. That little shining figure was somehow about an inch or two high, though how I could assign length I don't know, unless I stared through the window-sill, which may have furnished a sort of general background of measure. Anyhow the little figure was *me*, not in the sense of a pre-incarnational me, but he *signified* me, he was meant to *indicate* me. While I watched I saw that the little figure was meant to do something, but was tarrying and tarrying. Strange - the figure was there and did nothing, but I knew that he was doing something very hard: he was *waiting*, losing time. I saw what he was doing: he was doing *nothing*, he was *positively at work* at doing nothing. At last, very much at last, the figure made up his mind and with one mighty jump soared upwards into the sky like a rocket, leaving a silvery track, and, reaching the sky

II.4. Một Icarus đảo chiều.

Theo tôi nhớ, chẳng bao lâu sau khi tôi gia nhập Hội Thông Thiên Học, tôi thường thấy, hoặc một bức ảnh của nó hiện lên trong tâm thức tôi, một hình nhân nhỏ, đứng như trên một dải bờ biển. Tôi nhớ rất rõ một buổi sáng, đang mặc quần áo, tôi đã ngây người nhìn thật lâu hình nhân nhỏ ấy, trần truồng, trên bãi biển, ngay trước mặt tôi. Tôi thấy bằng "con mắt trí", nghĩa là gì thì tùy hiểu. Không có bức ảnh khách quan nào, chẳng có bãi biển nào ở gần, vậy mà tôi lại thấy bức ảnh ấy. Hình nhân nhỏ sáng ấy bằng cách nào đó cao chừng một đến hai inch, dẫu tôi không biết làm sao có thể gán kích thước dài, trừ phi tôi đã nhìn xuyên qua bệ cửa sổ, thứ có thể đã cung cấp một nền chung để ước lượng. Dẫu sao, hình nhân nhỏ ấy là *tôi*, không phải theo nghĩa "tôi" tiền nhập thể, mà là y *biểu trưng* cho tôi, y có ý *chỉ định* tôi. Khi tôi nhìn, tôi thấy hình nhân nhỏ ấy được định làm một điều gì đó, nhưng lại dùng dằng mãi. Lạ thay — hình nhân ở đó và chẳng làm gì, nhưng tôi biết y đang làm một việc rất khó: y đang *chờ*, đang để lỡ thời gian. Tôi thấy y đang làm gì: y đang làm *không gì cả*, y đang *tích cực làm* cái không gì cả. Cuối cùng, rất rất lâu sau, hình nhân quyết ý và với một cú nhảy hùng mạnh, y phóng vút lên trời như một quả pháo thăng thiên, để lại một vệt bạc, và khi chạm trời bằng một đường cong duyên dáng,

with a graceful curve, disappeared.

This picture I saw several times during my younger days of membership. The explanation, neither sought for nor discussed, came simultaneously with, and as involuntarily as, the picture. It was that I should squander much time (and evidently many opportunities) in the first period (which may of course stretch over many lives, who knows?) of my endeavours to reach or tread the Path, but that once having reached it I should make rapid and brilliant progress.

Once more I only record my experience, and if I have constructed picture or explanation by the aid of my subconsciousness, then call my sub-ego vain but not me, for I myself do not accept responsibility for either.

II.5. A Troubled Dinner. The second case of prophetic character was a dream, and dates from a few years later than the previous story. I was living at the time in the Theosophical Headquarters in Amsterdam, and one night I dreamt very vividly that I was sitting at table with all, or most, of my fellow-inhabitants of Headquarters. I do not know whether Mrs. Besant and some other Theosophical leaders were present at the meal; I'm uncertain concerning that detail. We were eating the specially Dutch dish 'hutspot' (a kind of hodge-podge, mainly consisting of mashed potatoes and slices of carrot). I remarked that my neighbour and good friend, Mr. Wierts van Coehoorn, was eating away with fierce determination. When I made ready to fall to also, a regular flow of earwigs began to issue from the food on my plate. I began to kill them as they came along, and kept at it a long time. I felt that if I gave up the food as a bad job, I should fail in something very important. At last the stream of insects ceased; the last had

y biến mất.

Bức ảnh này tôi đã thấy nhiều lần trong những năm đầu là hội viên. Lời giải thích, không hề được tìm kiếm hay bàn luận, đến đồng thời và tự phát như bức ảnh. Rằng tôi sẽ phung phí nhiều thời giờ (và hiển nhiên nhiều cơ hội) trong giai đoạn đầu (điều này dĩ nhiên có thể kéo dài qua nhiều kiếp, ai biết?) của nỗ lực đạt đến hay bước lên Thánh Đạo, nhưng một khi đã đến đó, tôi sẽ tiến nhanh và rực rỡ.

Một lần nữa, tôi chỉ ghi lại trải nghiệm của mình, và nếu tôi đã kiến tạo bức ảnh hay lời giải bằng sự trợ giúp của tiềm thức, thì hãy gọi "tiểu-ngã" của tôi là tự phụ chứ đừng gọi tôi, vì bản thân tôi không nhận trách nhiệm cho cả hai.

II.5. Một bữa ăn rối rắm. Trường hợp tiên tri thứ hai là một giấc mơ, và có niên đại vài năm sau câu chuyện trước. Khi ấy tôi đang sống tại Trụ sở Thông Thiên Học ở Amsterdam, và một đêm tôi mơ rất sống động rằng tôi đang ngồi vào bàn ăn với tất cả, hoặc đa số, những người cùng cư ngụ Trụ sở. Tôi không biết Bà Besant và vài vị lãnh đạo Thông Thiên Học khác có hiện diện trong bữa ăn không; về chi tiết ấy tôi không chắc. Chúng tôi ăn món "hutspot" đặc biệt kiểu Hà Lan (một kiểu thập cẩm, chủ yếu gồm khoai tây nghiền và lát cà rốt). Tôi nhận thấy người bạn tốt ngồi cạnh tôi, Ông Wierts van Coehoorn, đang ăn với quyết tâm dữ dội. Khi tôi sắp sửa nhập tiệc, thì bắt đầu có một dòng dế tai đều đặn chảy ra từ món ăn trên đĩa tôi. Tôi bắt đầu giết chúng khi chúng bò ra, và cứ thế một lúc dài. Tôi cảm thấy rằng nếu tôi bỏ món ăn như một việc hỏng, tôi sẽ thất bại ở một điều gì đó rất quan trọng. Sau cùng, dòng côn trùng ngừng; con cuối cùng đã bị giết, và tôi ăn món ăn đó, dọn sạch đĩa. Tỉnh dậy buổi sáng, tôi đồng thời nhớ cả giấc mơ và lời giải.

been killed, and I ate the food, finishing it. Awakening in the morning I remembered simultaneously dream and explanation. The latter was similar to that of the previous experience. There were in my character as yet many flaws; I was united to a group of other people all striving for the higher life (eating the food spiritual). For me the task was very difficult. I had to slay several obnoxious skandhas, to work off several items of bad karma. But I must not leave off, must not turn away discouraged. After having overcome these difficulties I too would finish my plate, *i.e.*, attain.

Lời giải tương tự như ở trải nghiệm trước. Trong tính cách tôi còn nhiều tì vết; tôi được nối kết với một nhóm người khác, tất cả đều đang nỗ lực sống cao hơn (ăn món ăn tinh thần). Với tôi, nhiệm vụ rất khó. Tôi phải hạ sát nhiều uẩn đáng ghét, phải trả xong nhiều khoản nghiệp xấu. Nhưng tôi không được bỏ cuộc, không được quay đi nản chí. Sau khi vượt qua những khó khăn ấy, tôi cũng sẽ "dọn xong đĩa của mình", *tức* là, đạt thành.

True prophecy or not, I have a shrewd suspicion that I recognised some of the earwigs; some of them are not yet dead at the present day! I wonder whether if I had dreamed this dream in India instead of Holland, the earwigs would not have been cockroaches or ants?

Tiên tri đúng hay không, tôi ngờ rằng tôi đã nhận ra vài con dế ấy; vài con trong số chúng đến nay vẫn chưa chết! Tôi tự hỏi nếu tôi mơ giấc mơ này ở Ấn Độ thay vì Hà Lan, liệu dế tai có thành gián hay kiến không?

[CWL note] (Experiences four and five are obviously instances of the symbolical thought of the ego, which he is kind enough to throw down in this case into the lower mind along with a strong impression of its explanation. Our writer is fortunate in this, for it is far more common to receive the symbol without the explanation, and to be left to guess wildly. The first symbol is beautiful, the second distinctly unattractive; but no doubt the ego, which does not eat, would find it difficult to comprehend the idea that unpleasant forms of life would pollute food. Very characteristic also is the fact that, in the case of the little figure standing on the beach, the seer knows that he is wasting time in unnecessary hesitation, although he is in no way told that fact, nor is there anything in the vision itself to show it. I do not mean that the ego thinks in pictures such as these; but pictures such as these are the nearest representation that we

[Ghi chú của CWL] (Trải nghiệm bốn và năm hiển nhiên là những trường hợp của tư tưởng biểu tượng nơi chân ngã, mà Ông vui lòng ném xuống hạ trí kèm theo một ấn tượng mạnh về lời giải thích của nó. Tác giả thật may mắn ở điểm này, vì thường thì ta chỉ nhận được biểu tượng mà không có lời giải, và bị bỏ mặc phải đoán già đoán non. Biểu tượng thứ nhất đẹp, biểu tượng thứ hai thì rõ ràng kém hấp dẫn; nhưng hẳn chân ngã — vốn không "ăn" — sẽ khó hiểu được ý niệm rằng những dạng sống khó chịu có thể làm ô uế thực phẩm. Cũng rất điển hình là việc, trong trường hợp hình nhân nhỏ đứng trên bãi biển, người thấy biết rằng y đang phí thời giờ trong sự do dự không cần thiết, dù y không hề được nói điều ấy, và trong chính thị kiến cũng chẳng có gì cho thấy điều đó. Tôi không có ý nói rằng chân ngã nghĩ bằng những bức tranh như thế; nhưng những bức tranh như thế là hình dung gần nhất mà chúng ta có thể đem xuống đây về cách một

can get down here of the way in which an ego formulates thought. But his thought means and includes much more than can be represented in our picture.)

chân ngã cấu hình tư tưởng. Tuy vậy, tư tưởng của y còn hàm nghĩa và bao gồm nhiều hơn những gì có thể biểu hiện trong bức tranh của chúng ta.)

III. MEDITATIONAL EXPERIENCES—III. NHỮNG KINH NGHIỆM TRONG THAM THIỀN

Of these I will relate two. The first I have already published in this journal some years ago, but it may be repeated here as having a natural place in this report.

Về những điều này tôi sẽ kể hai chuyện. Chuyện thứ nhất tôi đã công bố trong tạp chí này vài năm trước, nhưng có thể nhắc lại ở đây vì nó có chỗ tự nhiên trong bản tường trình này.

III.6. A Vision of Brotherhood. Some years ago in meditation I tried several experiments with myself, and some of these led to results which I found rather interesting. When meditating on a single idea, such as purity, love, or unity, there would often come to me a sudden and vivid vision symbolising that idea, accompanied by a spontaneously-arising sonnet, the contents of which were always a poetic commentary on the vision.

III.6. Một thị kiến về tình huynh đệ. Vài năm trước, trong tham thiền, tôi đã thử vài thí nghiệm với chính mình, và một số trong đó dẫn đến những kết quả mà tôi thấy khá thú vị. Khi tham thiền trên một ý niệm đơn lẻ, như thanh khiết, tình thương, hay hợp nhất, thường sẽ xuất hiện nơi tôi một thị kiến bừng lên đột ngột và sống động tượng trưng cho ý niệm ấy, kèm theo một bài sonnet tự phát sinh, nội dung luôn là một lời bình thi vị cho thị kiến.

For example, one day when meditating on brotherhood there suddenly leaped into existence before my internal vision a magnificent temple, apparently Egyptian or Grecian in style. It had no outer walls, but consisted of a large number of pillars, supporting a graceful roof, and surrounding a small walled shrine, into which I did not see. I cannot express the vividness with which I felt that the building was instinct with meaning - impregnated, as it were, with a magnetism of intelligence which made it no mere vision, but an object lesson containing the very highest teaching. Simultaneously the explanatory sonnet unfolded itself, and described in its few terse compact lines how this was a symbol

Chẳng hạn, một ngày nọ khi tham thiền về tình huynh đệ, bỗng nhiên hiện lên trước nhãn quan nội tại của tôi một ngôi đền tráng lệ, dường như theo phong cách Ai Cập hay Hy Lạp. Đền không có tường ngoài, mà gồm một số lượng lớn những cột trụ, đỡ một mái vòm duyên dáng, và vây quanh một tịnh xá nhỏ có tường, bên trong tôi không thấy. Tôi không thể diễn tả sự sống động với đó tôi cảm rằng toàn công trình thấm đẫm ý nghĩa — như thể được thụ cảm, thấm nhuần một từ điện của trí tuệ khiến nó không chỉ là một thị kiến, mà là một bài học trực quan chứa đựng giáo huấn rất cao. Đồng thời, bài sonnet giải thích mở ra, và trong những câu ngắn gọn mà hàm súc, bài thơ mô tả rằng đây là một biểu tượng của tình

of true brotherhood - how all these pillars, all in different places, some bathed in the glorious sunlight, some forever in the half shade of the inner lines, some thick, some thin, some exquisitely decorated, some equally strong yet unadorned, some always frequented by devotees who used to sit near them, others always deserted - how all of them silently, ungrudgingly, perseveringly and equally bore together the one roof, protecting the inner hall and its shrine - all different and yet so truly all the same. And the sonnet ended: "In this see brotherhood."

huynh đệ chân chính — rằng tất cả những cột ấy, tất cả ở các vị trí khác nhau, có cái tắm trong ánh dương huy hoàng, có cái mãi mãi trong nửa bóng bên trong, cột thì dày, cột thì mảnh, cột thì trang trí tuyệt mỹ, cột kia cũng vững chắc mà không tô điểm, có cột luôn có người mộ đạo ngồi gần, cột khác luôn vắng vẻ — rằng tất cả đều âm thầm, không than vãn, bền bỉ và bình đẳng cùng nhau đỡ một mái chung, che chở tiền điện và tịnh xá bên trong — tất cả khác nhau mà lại thật sự đều như nhau. Và bài sonnet kết: "Trong điều này hãy thấy tình huynh đệ."

I could not reproduce it now, but the richness and fulness of its meaning, the deep wisdom so neatly wrapped up in those few words, made me see as if in the gleam of a search-light what true brotherhood really means - the sharing of service, the bearing one's part, regardless of all else but the work to be done.

Giờ tôi không thể chép lại nó, nhưng sự phong phú và đầy đặn của ý nghĩa, sự minh triết sâu xa được gói ghém gọn ghẽ trong những lời ít ỏi ấy, đã khiến tôi thấy — như dưới luồng sáng của một đèn pha — tình huynh đệ chân chính thật sự là gì — là cùng chia sẻ phụng sự, là gánh phần mình, bất kể mọi điều khác ngoài công việc phải làm.

A word of caution should be added. Cases are on record where glorious poems have been composed in states of meditation or rapture, but when written down these proved sometimes to be nothing more than insufferable doggerel. I never put my experiences along such lines to the test by writing them down.

Cần thêm một lời thận trọng. Có những trường hợp đã ghi nhận nơi những bài thơ tuyệt vời được sáng tác trong các trạng thái tham thiền hay ngây ngất, nhưng khi chép ra, chúng có khi chỉ là những câu vụng về không thể chịu được. Tôi chưa bao giờ đem những trải nghiệm theo hướng này ra thử thách bằng cách viết xuống.

III.7. The Master's Love for Humanity. At another time, whilst sitting in meditation, there appeared before me a figure of Master K. H., bearing a child on His arm. The appearance was like the image of a Roman Catholic saint, something similar to the figure of the Virgin with the Christ-child. Its height was about two or three feet - though I cannot find any reason why I should fix any definite measurement to the appearance, there being no point of comparison. Nevertheless the impression of size was there. My eyes were

III.7. Tình thương của Chân sư dành cho nhân loại. Một lần khác, khi đang ngồi tham thiền, trước tôi hiện ra hình ảnh Chân sư KH, bế một đứa trẻ trên tay Ngài. Hình ảnh giống như tượng một vị thánh Công giáo Rôma, tương tự hình Đức Mẹ bồng Hài Nhi. Chiều cao vào khoảng hai hay ba feet — dù tôi không tìm ra lý do để ấn định bất kỳ số đo chắc chắn nào cho hình ảnh, vì không có điểm so sánh. Tuy nhiên, ấn tượng về kích thước vẫn hiện diện. Tôi nhắm mắt và hình ảnh trôi vào trong (nội) thị và trôi ra khỏi đó, theo tôi nhớ thì không

closed and the figure drifted into (internal) vision and out of it, not fading away, as far as I can remember. The curious thing was that I was at the time not at all thinking of the Master, and the appearance was, as it were, an intrusion from without into the current of my consciousness.

phai dần. Điều lạ lùng là lúc ấy tôi hoàn toàn không nghĩ đến Chân sư, và hình ảnh như là một sự "xen ngang" từ bên ngoài vào dòng ý thức của tôi.

Now the chief importance of the phenomenon was that I *knew* that the child was humanity, and that I *felt* the immense and indescribable love of the Master for it. It was this love that was the central point in the experience. I have never before or since felt anything like it. It was overwhelming in its strength and virility, and at the same time in its softness and tenderness. It was mighty and holy and overflowingly full of life and reality and force. It was something beyond merely human capacity; mighty without violence, sweet without weakness; unique, and yet so natural. Of course I cannot describe it, of course I cannot remember - or better, recall it. I remember *that* it was, but not *how* it was, as, in after years, one remembers *that* some excruciating pain was once suffered, but the pain itself does not emerge again from the past. All I know now is that, since that time, I can laugh at any ordinary talk about love, even the highest and holiest descriptions. All love that I have heard about, or read about, or have seen manifested, or have been able to feel myself, is as a pale shadow of that great Love radiating from that picture, is in comparison to it a stone for bread, an empty husk for the fruit of life, is a dream, a delusion, a snare - is nothing.

Giờ đây điều quan trọng nhất của hiện tượng là tôi *biết* rằng đứa trẻ ấy là nhân loại, và tôi *cảm* được tình thương mênh mông và bất khả tả của Chân sư dành cho nhân loại. Chính tình thương ấy là điểm trung tâm của trải nghiệm. Tôi chưa bao giờ trước đó hay từ đó về sau cảm được điều gì giống như vậy. Nó áp đảo trong sức mạnh và nghị lực, đồng thời trong sự dịu dàng và âu yếm. Nó hùng tráng và thánh thiện và tràn trề sinh khí, thực tại và mãnh lực. Nó vượt quá khả năng thuần nhân loại; hùng mà không bạo, dịu mà không yếu; độc nhất, mà lại rất tự nhiên. Dĩ nhiên tôi không thể mô tả nó, dĩ nhiên tôi không thể nhớ — đúng hơn, không thể gợi lại nó. Tôi nhớ *rằng* nó đã có, nhưng không nhớ *như thế nào* nó đã có, như về sau người ta nhớ *rằng* mình từng chịu một nỗi đau đớn khôn tả, nhưng bản thân cơn đau thì không hiện lại từ quá khứ. Tất cả những gì tôi biết lúc này là, từ dạo ấy, tôi có thể cười nhạo mọi lời nói thường tình về tình yêu, ngay cả những mô tả cao cả và thánh thiện nhất. Mọi tình yêu mà tôi nghe nói, hay đọc thấy, hay chứng kiến, hay chính tôi có thể cảm, đều chỉ như một chiếc bóng nhạt của Đại Tình Thương tỏa ra từ bức ảnh ấy, so với nó thì chỉ là hòn đá thay cho bánh, là vỏ trấu thay cho trái sự sống, là một giấc mộng, một ảo tưởng, một cạm bẫy — là không gì cả.

When I speak here again of 'seeing,' it should be understood that in this as in other cases I do so only for want of other words. I had a visual impression, that is all. Of its nature I am wholly ignorant.

Khi tôi lại nói "thấy" ở đây, cần hiểu rằng trong trường hợp này cũng như các trường hợp khác, tôi làm thế chỉ vì thiếu các từ khác. Tôi có một ấn tượng thị giác, chỉ thế thôi. Về bản chất của nó tôi hoàn toàn không hay biết.

[CWL note] (The vision of brotherhood, and that other which indicates the Master's love for humanity, are deeper and more beautiful examples of the same faculty. The wonderful vision of the temple is a very fine example of thought in the causal body, and our author describes for us also how there comes along with it a poetical expression of its meaning - a sonnet which, however, he is unable to recover upon the physical plane. The thought of the ego is perfect; it is in itself at the same time a picture and a description, but in order to give upon the physical plane even the most imperfect expression of its wondrous fullness, it is necessary to call upon two of our modes of manifestation - painting and poetry. But for the ego the picture and the poetic description are one effort, and that no more of an effort than the flash of an ordinary thought into the brain is for us. The word of caution with which our author annotates this experiences - saying that what in a condition of rapture appear to be glorious poems often prove to be dreadful doggerel when written down - is not, strictly speaking, appropriate in this case, though true with regard to another and quite different type of experience - the partial recollection on waking of the memories of the physical brain, whose rather dull consciousness is apt to regard its geese as especially noble swans, and is quite capable of endowing doggerel with indescribable splendour. But this is a case of the consciousness of the ego, and consequently the poem, on its own plane, must have been perfect - indeed, what would seem to us super-perfect; though it is true that it is utterly impossible to bring such a thing down into ordinary human words, and that attempts to do so have frequently ended in bathos. But he need have no doubt that at its own level the poetical expression was as perfect as the picture, though less susceptible of translation. Such a thought as that, including all those

[Ghi chú của CWL] (Thị kiến về tình huynh đệ, và thị kiến kia chỉ bày tình thương của Chân sư dành cho nhân loại, là những ví dụ sâu hơn và đẹp hơn về cùng một năng lực. Thị kiến tuyệt diệu về ngôi đền là một ví dụ rất hay của tư tưởng nơi thể nguyên nhân, và tác giả của chúng ta cũng mô tả cho chúng ta cách có đi kèm một biểu đạt thi ca về ý nghĩa của nó — một bài sonnet, tuy nhiên, Ông không thể phục hồi lại được trên cõi hồng trần. Tư tưởng của chân ngã là toàn hảo; tự thân nó đồng thời là một bức tranh và một mô tả, nhưng để có thể cho ra ngay trên cõi hồng trần một biểu đạt dù bất toàn nhất về sự phong phú kỳ diệu của nó, cần phải cầu đến hai phương thức biểu lộ của chúng ta — hội họa và thi ca. Nhưng đối với chân ngã, bức tranh và mô tả thi ca là một nỗ lực, và nỗ lực ấy không hơn gì một tia lóe của một tư tưởng bình thường đánh xuống bộ não đối với chúng ta. Lời thận trọng mà tác giả chú thích cho trải nghiệm này — rằng những bài thơ vốn hiện ra huy hoàng trong trạng thái ngây ngất thường hóa ra đáng tệ khi viết xuống — nói đúng thì không thật thích hợp trong trường hợp này, dù đúng với một loại trải nghiệm khác và hoàn toàn khác — tức ký ức bán phần lúc tỉnh dậy của bộ não hồng trần, mà tâm thức khá đờ đẫn của nó thường coi ngỗng mình là thiên nga tuyệt mỹ, và hoàn toàn có thể gán cho câu vụng về một vẻ huy hoàng bất khả tả. Nhưng đây là trường hợp của tâm thức nơi chân ngã, và hệ quả là bài thơ, trên cõi của nó, hẳn đã toàn hảo — thực vậy, theo cách nhìn của chúng ta thì còn siêu-toàn-hảo; dù đúng là hoàn toàn bất khả đem một điều như thế xuống thành ngôn từ nhân loại thông thường, và những nỗ lực làm thế thường chấm dứt trong sự tầm thường. Tuy nhiên, Ông không cần hoài nghi rằng ở cấp độ riêng của mình, biểu đạt thi ca hoàn hảo chẳng kém gì bức tranh, chỉ là kém thích ứng để phiên dịch. Một tư tưởng như thế, bao gồm tất cả những nghĩa đa tạp ấy, và biểu hiện theo nhiều cách khác nhau, *chính là* tư tưởng

varied meanings, and manifesting in many different ways, *is* the thought "brotherhood" to an ego.

"huynh đệ" đối với một chân ngã.

In the second of these two experiences we have again the characteristic knowledge of the exact meaning of what was seen, without the reception of definite information; and again in the deep realisation of the intensity of the Master's love, so far beyond anything which language can express. Every word of the description at once evokes a mental response in those who have felt, but cannot describe. The figure *may* have been a thought-form called into existence by some other ego, but if that were so, the writer instantly accepted it, understood it and responded to it, and through it attained a realisation which can never be reached on the physical plane.)

Trong trải nghiệm thứ hai trong hai trải nghiệm này, ta lại thấy đặc điểm là biết chính xác ý nghĩa của điều được thấy, mà không nhận một thông tin rõ rệt; và một lần nữa, trong sự thâm cảm về cường độ của tình thương nơi Chân sư, vượt quá bất kỳ điều gì ngôn ngữ có thể biểu đạt. Mỗi lời trong mô tả lập tức gợi một hồi đáp nơi tâm những người từng cảm, nhưng không thể tả. Hình ảnh ấy *có thể* là một hình tư tưởng do một chân ngã nào khác gọi hiện, nhưng nếu thế, người viết lập tức tiếp nhận nó, hiểu nó và ứng đáp với nó, và qua nó đạt đến một nhận thức mà không thể nào đạt được trên cõi hồng trần.)

IV. PSYCHOLOGY—IV. TÂM LÝ HỌC

The next two experiences seem best classified as more directly psychological. The first appears very trivial, but as I have found that others also have observed a similar thing I record it.

Hai trải nghiệm kế tiếp có vẻ thuộc loại trực tiếp tâm lý học hơn. Trải nghiệm đầu có vẻ rất tầm thường, nhưng vì tôi nhận thấy những người khác cũng từng quan sát điều tương tự nên tôi ghi lại.

IV.8. A Living Portrait. During the first year of my membership in the Society I habitually put a portrait of H. P. B. on the table at which I worked. (The maidservant was afraid of that queer face; she thought it uncanny, and called it - out of *my* hearing - the spook.) Now, often looking up to the portrait, it seemed many a time to express a variety of moods in response to mine. I got the impression that it could clearly express approbation and discontentment, approval and reproach. Of course I do not refer to actual physical changes in the piece of cardboard, but its psychical impression changed according to circumstances; I felt the facial expression

IV.8. Bức chân dung sống động. Trong năm đầu tiên là hội viên Hội, tôi thường đặt một bức chân dung của Bà H. P. B. trên chiếc bàn nơi tôi làm việc. (Người hầu gái sợ khuôn mặt lạ lùng ấy; cô thấy nó "rờn rợn", và gọi — khi *không* có tôi nghe — là ma.) Nay, khi thường nhìn lên bức chân dung, nhiều lần dường như nó biểu thị nhiều tâm trạng khác nhau ứng đáp với tâm trạng của tôi. Tôi có ấn tượng rằng nó có thể biểu lộ rõ sự tán đồng và bất bình, bằng lòng và quở trách. Dĩ nhiên tôi không nói đến những biến đổi vật lý thật sự trong tấm bìa, nhưng ấn tượng tâm lý của nó thay đổi theo hoàn cảnh; tôi cảm nét mặt theo cách

differently.

For many years I have no longer observed similar impressions, and I recognise that I have perhaps lost a certain guilelessness which may probably be a prerequisite for receptivity in this direction.

To the second experience I attach more value; indeed, it afforded me some instruction and furnished me with some food for serious thought.

IV.9. A Spiritual Duel. In the Amsterdam Headquarters, where I resided at the time, the chief leader was Mrs. Meuleman, a striking and forceful character, of whom I still think with great gratitude and respect, and to whom I owe much in the way of help and guidance during a stage of my journey through life. She was a remarkable personality and, so far as I can gather, was of the H. P. B. type, though not, perhaps, of the same stature. She had all the ruggedness and incalculability of that type, as well as its constant self-contradictions; at the same time she was whole-heartedly devoted to the Theosophical cause, and was a true, loyal and tender friend. To me she has always been a living commentary on H. P. B. herself, and by living in close intimacy with her I have learned to understand much in Theosophical history which otherwise would have remained puzzling and unintelligible to me.

Temperamentally Mrs. Meuleman and myself were very different, and though I recognised her very many superior qualities, her manner and method were often unacceptable to me. In short, I felt often towards her a sort of inner rebellion wedded to outer assent - not so much a state of hypocrisy as a war of conflicting elements in my nature. Now the curious point about it was that this feeling chiefly manifested only in meditation and in dreams,

khác.

Trong nhiều năm tôi không còn ghi nhận những ấn tượng tương tự, và tôi nhận ra rằng có lẽ mình đã mất một phần nào đó sự vô tư chất phác, vốn có thể là điều kiện tiên quyết cho tính thụ cảm theo hướng này.

Trải nghiệm thứ hai tôi coi trọng hơn; quả vậy, nó đem lại cho tôi ít nhiều chỉ giáo và cung cấp nhiều điều đáng suy ngẫm.

IV.9. Một cuộc đấu tay đôi tinh thần. Tại Trụ sở Amsterdam, nơi tôi cư trú khi đó, người lãnh đạo chính là Bà Meuleman, một nhân cách nổi bật và mạnh mẽ, mà đến nay tôi vẫn nghĩ về Bà với lòng tri ân và kính trọng lớn lao, và tôi mắc nợ Bà nhiều điều về sự giúp đỡ và chỉ dẫn trong một chặng đường đời của tôi. Bà là một phàm ngã đặc sắc và, theo tôi có thể suy, thuộc kiểu H. P. B., dẫu có lẽ không cùng tầm vóc. Bà có tất cả cái góc cạnh và khó lường của kiểu ấy, cũng như những tự mâu thuẫn thường trực; đồng thời Bà hết lòng tận hiến cho sự nghiệp Thông Thiên Học, và là một người bạn chân thành, trung tín và dịu hiền. Với tôi, Bà luôn là một "bình chú sống" về chính Bà H. P. B., và bằng việc sống thân cận với Bà, tôi đã học hiểu được nhiều điều trong lịch sử Thông Thiên Học mà bằng không sẽ vẫn rối rắm và bất khả thấu hiểu.

Về khí chất, Bà Meuleman và tôi rất khác nhau, và tuy tôi nhận biết rất nhiều phẩm chất trổi vượt của Bà, cách thức và phương pháp của Bà thường không được tôi chấp nhận. Tóm lại, tôi thường cảm với Bà một thứ phản kháng nội tâm đi đôi với sự ưng thuận bên ngoài — không hẳn là trạng thái giả trá, mà là một cuộc giao tranh giữa các yếu tố xung đột trong bản tính tôi. Nay điểm lạ là cảm thức ấy chủ yếu chỉ biểu hiện trong tham thiền và trong mộng,

and little in the ordinary waking consciousness. Without intentionally seeking it, I would in meditation drift into veritable battles, true duels, of arguments and controversy with Mrs. Meuleman, or wake up from sleep with the memory of a vivid dream to the same effect. There was no question of insults or of unseemly fighting, but rather I felt as if my real self was 'having it out' with the real self of my antagonist. I had a sort of impression not as if the personalities were in conflict, but as if the egos were engaged, so that my own personality-consciousness was not only looking on, but also half identifying itself with something behind itself that fought the battle. As said before, I never consciously started this train of thought, it was rather as if some restrained and subdued subconscious impulse worked itself out on these occasions. (Mrs. Meuleman being an old lady and I a youngster, she holding the local headship of the E. S. whilst I was a novice, and all other points being similarly disproportionate, there could not be any frank discussion on the footing of equality. Some things must therefore needs remain unsolved.) I related the case to Mrs. Meuleman, and she gave a fine intuitive answer for which I am still grateful to her - which symbolised one of these large traits in her character - showing tolerance and insight - which made us all love her so much. She simply said: "That is a very good sign, my boy. Go on fighting until you have fought it out." And she spoke no more of it. Indeed, it has been a source of the greatest satisfaction to me to have been able to come to a definite conclusion, and be consequently at rest, with regard to Mrs. Meuleman's remarkable character a short time before her death. She was in many ways a great woman, who nobly and strongly held a responsible post during the period when there was no other to hold it.

ít xuất hiện trong tâm thức thức tỉnh bình thường. Không cố ý tìm kiếm nó, tôi lại trôi vào trong tham thiền những trận chiến thực thụ, những cuộc song đấu đúng nghĩa, bằng lý lẽ và tranh biện với Bà Meuleman, hoặc tỉnh dậy sau giấc ngủ với ký ức về một giấc mơ sống động cùng nội dung. Không có chuyện sỉ nhục hay đấu đá khiếm nhã nào, mà đúng hơn tôi cảm như "chân ngã" của tôi đang "giải quyết cho xong" với chân ngã của đối thủ. Tôi có một ấn tượng — không phải như là các phàm ngã đang xung đột, mà như thể các chân ngã lâm chiến, đến nỗi tâm thức phàm ngã của tôi không chỉ đứng nhìn, mà còn nửa phần đồng hóa với một cái gì đó đằng sau chính nó đang đánh trận. Như đã nói, tôi không bao giờ cố ý khởi động dòng tư tưởng này, mà đúng hơn như thể một xung lực tiềm thức bị ghì nén và kềm chế đã tự nó bung ra trong những dịp ấy. (Bà Meuleman là một quý bà lớn tuổi còn tôi là kẻ trẻ tuổi, Bà giữ cương vị lãnh đạo địa phương của E. S. còn tôi là người mới nhập môn, và các điểm khác cũng lệch nhau tương tự, nên không thể có một cuộc thảo luận thẳng thắn trên nền bình đẳng. Một số việc tất nhiên phải còn treo lại.) Tôi kể lại sự việc với Bà Meuleman, và Bà đã cho một đáp từ trực giác thật hay mà đến giờ tôi vẫn tri ân — điều tượng trưng cho một trong những nét lớn trong tính cách Bà — biểu lộ lòng khoan dung và thấu hiểu — nhờ đó tất cả chúng tôi đều rất mến Bà. Bà chỉ nói: "Đó là một dấu hiệu rất tốt, con trai ạ. Cứ chiến đấu cho đến khi con giải quyết xong." Rồi Bà không nhắc đến nữa. Quả thực, đối với tôi, có thể đi đến một kết luận dứt khoát, và nhờ đó được an ổn, về nhân cách đặc sắc của Bà Meuleman ít lâu trước khi Bà viên tịch, là một nguồn thỏa mãn lớn lao. Ở nhiều phương diện Bà là một phụ nữ lớn lao, đã kiên cường và xứng đáng giữ một vị trí trọng trách trong thời kỳ không ai khác có thể đảm nhiệm.

[CWL note] (The eighth item on our list sounds fantastic, yet is not so in reality. It must be remembered that every portrait is a definite link with its subject, and I have little doubt that that would be so to a far greater extent than is usual in the case of such a teacher as Madame Blavatsky. It is not probable that any change (other than a very slow and gradual one) took place in the physical expression of the face upon the cardboard; but it is certain that the author's frequent thought of Madame Blavatsky would attract her attention, and it is likely that in answer to it she would project enough of herself into that portrait to convey to him such impressions as he describes. These impressions would be by no means necessarily reflections of the moods of the owner of the portrait; they are far more likely to have been the comments of the original of the portrait upon those moods, or upon the actions which had led to them or resulted from them. A portrait is a very real centre of force, and when the person whom it represents has any degree of occult advancement it is often an actual means of communication to a quite considerable extent.

[Ghi chú của CWL] (Mục thứ tám trong danh sách của chúng ta nghe có vẻ kỳ quái, song thực ra không phải vậy. Cần nhớ rằng mỗi bức chân dung là một mối liên kết xác định với nhân vật của nó, và tôi ít nghi ngờ rằng điều đó sẽ còn đúng ở mức độ lớn hơn thường lệ trong trường hợp một vị đạo sư như Bà Blavatsky. Khó có khả năng có bất kỳ biến đổi nào (trừ một biến đổi rất chậm và tiệm tiến) xảy ra nơi biểu cảm hồng trần của khuôn mặt trên tấm bìa; nhưng chắc chắn rằng tư tưởng thường xuyên của tác giả hướng về Bà Blavatsky sẽ thu hút sự chú ý của Bà, và rất có khả năng để đáp lại, Bà sẽ phóng chiếu đủ "bản thân" vào bức chân dung ấy để truyền đạt cho Ông những ấn tượng như Ông mô tả. Những ấn tượng này quyết không nhất thiết là phản chiếu tâm trạng của người chủ bức chân dung; khả dĩ hơn nhiều là chúng là các lời bình của nhân vật nguyên thủy của bức chân dung đối với các tâm trạng ấy, hoặc đối với những hành vi đã dẫn đến chúng hay phát sinh từ chúng. Một bức chân dung là một trung tâm mãnh lực rất thực, và khi người mà nó biểu trưng có bất kỳ mức tiến bộ huyền môn nào, nó thường là một phương tiện giao tiếp thực thụ ở một phạm vi đáng kể.

Many of our students know that it is possible gradually to modify the expression of a portrait by long meditation upon it; but that is a phenomenon of a class different from that which is mentioned above. The fact that similar impressions are no longer received may possibly be due to the reason given in the text but it is just as likely to mean that Madame Blavatsky herself considers that her pupil has reached a stage where such special attentions are no longer necessary.

Nhiều đạo sinh của chúng ta biết rằng có thể từ từ cải biến biểu cảm của một bức chân dung bằng cách lâu ngày tham thiền về nó; nhưng đó là một hiện tượng thuộc lớp khác với lớp vừa được nói trên. Việc không còn nhận được các ấn tượng tương tự có thể là do lý do được nêu trong bản văn, nhưng cũng rất có thể có nghĩa rằng chính Bà Blavatsky xét thấy môn sinh của mình đã đạt đến giai đoạn mà những "chăm chút đặc biệt" như vậy không còn cần nữa.

The spiritual duel described in number nine is remarkable and interesting. It is clearly a case of an argument between two egos working on different lines. The physical plane

Cuộc đấu tay đôi tinh thần được mô tả ở số chín thật đáng chú ý và thú vị. Rõ ràng đây là trường hợp một cuộc tranh biện giữa hai chân ngã tiến hóa theo các đường khác nhau. Các

personalities attached to the two egos were brought into a somewhat difficult relationship - one in which our author was expected to adopt the attitude of a submissive disciple. One can see that there were many ways in which this was good and necessary at a certain stage in evolution; but it was inevitable that difficulties should arise, owing to the fact that the dispositions and the lines of evolution of the two egos were so entirely different. If the people concerned had been less forbearing, these innate differences between those who were forced together into such a close relationship would have led to violent quarrels; I think both parties may be congratulated on the good sense with which they faced a delicate situation.)

phàm ngã hồng trần gắn với hai chân ngã đã bị đưa vào một mối tương quan có phần khó xử — một mối tương quan trong đó tác giả của chúng ta được kỳ vọng phải giữ thái độ của một môn đồ vâng phục. Có thể thấy rằng có nhiều phương diện theo đó đây là điều tốt và cần thiết ở một giai đoạn nhất định trong tiến hóa; nhưng khó tránh rằng khó khăn sẽ nảy sinh, do các khuynh hướng và đường tiến hóa của hai chân ngã khác nhau hoàn toàn. Nếu những người liên can ít độ lượng hơn, những dị biệt bẩm sinh giữa những người bị buộc gắn bó trong một mối liên hệ gần như vậy sẽ dẫn tới những cuộc cãi vã kịch liệt; tôi nghĩ cả hai bên đều đáng được chúc mừng về sự khôn ngoan mà họ đã đối diện một tình huống tế nhị.)

V. SEEING IDEAS—V. THẤY CÁC Ý TƯỞNG

Here we enter upon another group of phenomena. They seem, for one thing, to be marked off by the peculiarity that I experienced them only in normal waking consciousness. I find that I have the faculty of occasionally seeing an idea, a conception, in visual form. The vision comes suddenly and unexpectedly. About the nature of this seeing I might expatiate more fully, but the task is too subtle for me. Enough to say that I have not only the impression that I have *seen*, but also the impression that I have not seen *details*. I might put it that I feel as if I had seen the universals of the vision, but not its particulars. As however universals are not objectively existent in the outer world, I do not know what is the 'form' of what I have seen. Yet I have clearly the recollection of form, but not of *a particular* form. So, for instance, in the next example: there I saw *the Masters*, but not any particular Master, not any face or form. Still the recollection was that I *saw* Them. And

Ở đây chúng ta bước vào một nhóm hiện tượng khác. Về một phương diện, chúng như được đánh dấu phân biệt bởi nét riêng là tôi chỉ trải nghiệm chúng trong tâm thức thức tỉnh bình thường. Tôi nhận thấy mình có khả năng đôi khi "thấy" một ý niệm, một khái niệm, dưới dạng thị ảnh. Thị ảnh đến đột ngột và bất ngờ. Về bản chất của cái "thấy" này, tôi có thể bàn rộng hơn, nhưng nhiệm vụ quá tinh tế với tôi. Chỉ cần nói rằng tôi không chỉ có ấn tượng rằng mình đã *thấy*, mà còn có ấn tượng rằng mình không thấy *chi tiết*. Tôi có thể diễn rằng tôi như thể đã thấy những phổ quát của thị ảnh, chứ không phải những biệt thù của nó. Tuy nhiên, vì các phổ quát không hiện hữu khách quan ở ngoại giới, tôi không biết "hình thức" của cái tôi đã thấy là gì. Dẫu vậy, tôi rõ ràng ghi nhớ có "hình tướng", nhưng không phải "một hình tướng cụ thể". Vậy nên, chẳng hạn, trong ví dụ kế: ở đó tôi thấy *các Chân sư*, nhưng không phải bất kỳ một Chân sư cụ thể nào, không phải bất kỳ gương mặt hay hình

at the time of the vision I knew that it was They who were there. I know it is hopeless to try to describe this seeing without seeing, together with the simultaneous knowledge of the meaning of what is seen. It sounds like a paradox, and yet when experienced it is quite simple. The whole question baffles and puzzles me, and only inwardly I understand something of it, but outwardly I cannot describe it satisfactorily. The consciousness can grope further than the brain-instrument is able to record. I add that this class of experiences is to me the most valuable of those I relate. They foreshadow some kind of synthetic, symbolic consciousness which seems altogether nobler and more exalted than that of normal life. I will relate three examples.

dạng nào. Thế mà ký ức vẫn là tôi đã *thấy* Các Ngài. Và khi thị ảnh diễn ra, tôi biết rằng chính là Các Ngài hiện diện ở đó. Tôi biết là vô vọng nếu cố tả cái "thấy mà không thấy", đồng thời lại có tri thức tức thời về ý nghĩa của cái được thấy. Nghe như một nghịch lý, nhưng khi trải nghiệm thì nó lại rất đơn giản. Toàn vấn đề khiến tôi bối rối và thắc mắc, và chỉ ở bên trong tôi mới hiểu được chút gì đó, còn bên ngoài thì tôi không thể mô tả thỏa đáng. Tâm thức có thể lần dò xa hơn điều nhạc cụ não bộ có thể ghi nhận. Tôi xin thêm rằng lớp trải nghiệm này đối với tôi là quý giá nhất trong những điều tôi thuật. Chúng báo trước một dạng tâm thức tổng hợp, biểu tượng nào đó, dường như cao nhã và cao việt hơn hẳn tâm thức đời thường. Tôi sẽ kể ba ví dụ.

V.10. The Secrets of the Master's Mind. One evening, a few years ago, at Adyar, Mr. Leadbeater was answering in one of the meetings a question about how the Master could keep secret from the pupil the mysteries of the higher Initiations even though the pupil's consciousness was partly unified with His. While Mr. Leadbeater was speaking there flashed out before me a vision of a number of lights of varying degrees of brilliancy, from faint and soft luminosity to dazzling and blinding radiance. These globes of light were pupils and Masters, seen from some higher point of view. They did not *represent* these people, but *were* they. The various globes could freely look at each other, communicate with each other and move through each other as long as each one's outlook remained on his own level of brilliancy. But if a lesser light should strain to peer into the contents of any more brilliant globe, such a globe of a higher grade of brilliancy would mechanically blind the sight of the lower individual, and its contents would remain invisible. The content of the higher consciousness was not

V.10. Những Bí mật của Thể trí Chân sư. Một buổi tối, vài năm trước, ở Adyar, Ông Leadbeater đang trả lời trong một buổi họp một câu hỏi về cách Chân sư có thể giữ kín với đệ tử các huyền nhiệm của những lần Điểm đạo cao hơn dù tâm thức của đệ tử đã phần nào hợp nhất với Tâm thức của Ngài. Trong khi Ông Leadbeater đang nói, bỗng lóe ra trước mắt tôi một thị kiến về nhiều luồng sáng có mức độ chói rực khác nhau, từ thứ ánh quang mờ dịu đến rực rỡ lóa mắt. Những quả cầu ánh sáng này là các đệ tử và các Chân sư, được thấy từ một điểm nhìn cao hơn. Chúng không *biểu trưng cho* những người ấy, mà *chính là* họ. Các quả cầu khác nhau có thể tự do nhìn nhau, giao tiếp với nhau và chuyển qua nhau miễn là nhãn quan của mỗi quả cầu còn giữ ở cấp độ quang huy riêng của mình. Nhưng nếu một ánh sáng kém hơn cố căng mình để dòm ngó nội dung của một quả cầu rực sáng hơn, thì quả cầu thuộc cấp độ quang huy cao hơn ấy sẽ một cách cơ học làm mù thị giác của cá nhân thấp hơn, và nội dung của nó sẽ vẫn vô hình. Nội dung của tâm thức cao không hề bị che giấu một cách gượng ép, mà hoàn toàn được

artificially hidden, but was quite automatically protected against prying from below by virtue of its own nature. The whole picture was living, and produced of course a far richer impression than that given in this very lame description. As in the case of the vision of brotherhood (No. 6) the whole was pregnant with meaning, instinct with intelligence. From one point of view it was a pure conception, from the other a vision; but I should not be able to separate the two nor to declare which was the primary aspect. In writing down this I feel keenly the insufficiency of the description.

bảo vệ tự động khỏi sự tò mò từ bên dưới do chính bản tính của nó. Toàn bức họa sống động, và dĩ nhiên gây ấn tượng phong phú hơn xa so với lời mô tả quá vụng về này. Như trong trường hợp thị kiến về tình huynh đệ (số 6), toàn thể mang thai ý nghĩa, đầy ắp trí tuệ. Từ một quan điểm, đó là một quan niệm thuần tịnh; từ một quan điểm khác, là một thị kiến; nhưng tôi không thể tách rời hai điều ấy, cũng không thể nói đâu là phương diện sơ nguyên. Khi viết lại điều này, tôi cảm thấm thía sự bất cập của lời tường thuật.

[CWL note] (The tenth vision belongs in reality to the same class as the sixth and seventh; it is a partial impression on the physical brain of the ego's method of thought; and when our author remarks that a description of such a thought sounds like a paradox, and yet is in reality quite simple - that inwardly he understands something of it, but outwardly he cannot describe it satisfactorily - he is saying what every one of us who can see is feeling all the time with respect to such impressions. His description of the way in which the higher secrets are preserved from possible prying on the part of those at a lower level (if such prying could at all be thinkable) is luminous in more senses than one. It is a suggestive description of the relations between a Master and His pupil.)

[Ghi chú của CWL] (Thị kiến thứ mười thực ra thuộc cùng một loại với thị kiến thứ sáu và thứ bảy; đó là một ấn tượng bán phần trên bộ não hồng trần về phương pháp tư duy của chân ngã; và khi tác giả nhận xét rằng mô tả một tư tưởng như vậy nghe có vẻ nghịch lý, nhưng thực ra lại hết sức giản dị - rằng bên trong ông hiểu được phần nào, nhưng bên ngoài ông không thể mô tả cho thỏa đáng - thì ông đang nói điều mà mỗi người trong chúng ta, những ai có thể thấy được, đều cảm nhận suốt thời gian đối với những ấn tượng như thế. Lời mô tả của ông về cách mà các bí mật cao hơn được gìn giữ khỏi sự tò mò có thể xảy ra từ phía những người ở cấp thấp hơn (nếu quả thật có thể nghĩ đến sự tò mò như vậy) quả là sáng tỏ theo nhiều nghĩa. Đó là một mô tả gợi ý về mối quan hệ giữa một Chân sư và Đệ tử của Ngài.)

V.11. The Chains of Humanity. Concerning the next vision I do not remember under what circumstances it arose, nor exactly when. I should say only a few years ago, at Adyar. Here the significance was primary, the form secondary, and I am able to analyse it a little more clearly in that I feel that the form represents less the vision as seen, than the vision as translated into ordinary brain-forms. I feel as if behind the vision as I

V.11. Những Xiềng xích của Nhân loại. Về thị kiến kế tiếp, tôi không nhớ nó phát sinh trong hoàn cảnh nào, cũng không nhớ chính xác khi nào. Tôi chỉ có thể nói là vài năm trước, ở Adyar. Ở đây, thâm nghĩa là chủ yếu, hình tướng là thứ yếu, và tôi có thể phân tích rõ hơn đôi chút vì tôi cảm thấy rằng hình tướng ít đại diện cho thị kiến như thấy, mà đúng hơn là thị kiến khi đã được chuyển dịch sang các hình thức của bộ não thông thường. Tôi có cảm giác

describe it, there was another, the real vision, the mode of seeing which is different from our ordinary mode. I repeat that this seeing behind the seeing I describe is more a beholding of the *principles* of the things than of the things as they *are* here. The feeling of that higher sight remains, but of the sight itself, only its concrete projection, only a materialized deposit.

như đằng sau thị kiến mà tôi đang mô tả, còn có một thị kiến khác nữa, thị kiến thật sự, một lối thấy khác với lối thấy thông thường của chúng ta. Tôi nhắc lại rằng cái thấy ở sau cái thấy tôi mô tả mang tính chiêm ngưỡng các *nguyên khí* của sự vật hơn là các sự vật như chúng *là* ở đây. Cảm thức về cái thấy cao ấy còn lưu lại, nhưng về chính cái thấy thì chỉ còn sự phóng chiếu cụ thể của nó, chỉ là một trầm tích đã hiện hình.

The picture was that of human beings, not very many, but in some mysterious way so inclusive in their totality as to represent humanity, that is physical humanity, in general. Each individual was as if chained to a kennel as dogs are. There were no chains and no kennels, but nevertheless this is as correct a description as I can make it. Each chain left each individual more or less tether-space. For all that, the tether was relatively small. The significance was that man is strictly chained to a definite locality in space, though thinking himself free. The picture had no reference to free-will and similar abstract problems, but indicated the merely natural facts of the case. The tether had a manifold meaning. Man is practically limited to a spherical plane. He cannot move through space at will. A few miles below the surface of the earth heat and atmospheric pressure make life difficult or impossible; a few miles above that surface the rarefaction of the air and cold do the same. He is restricted, for regular living, to earth, the ocean being unsuitable; he needs fertile land; deserts, marshes, jungles, are forbidden to him. In air he has no support, in water he drowns; through the earth he cannot pass. He cannot move more than a few hours away from his food supply, or he dies of hunger; he must remain near drinking water, or he perishes. He cannot move away from home or family; they claim him back. He cannot depart from the resources of his particular form of

Bức tranh là cảnh những con người, không nhiều lắm, nhưng bằng cách nào đó thật bí nhiệm, trong tính toàn bộ của họ đủ bao trùm để biểu trưng cho nhân loại, tức nhân loại hồng trần nói chung. Mỗi cá nhân dường như bị xích vào một cái chuồng như chó thường bị vậy. Không hề có xích và cũng chẳng có chuồng, nhưng dẫu sao đó vẫn là mô tả xác đáng nhất mà tôi có thể đưa ra. Mỗi sợi xích để cho mỗi người có khoảng không nhất định để đi lại. Tuy vậy, khoảng dây buộc ấy tương đối nhỏ. Thâm nghĩa là: con người bị xiềng chặt vào một địa hạt xác định trong không gian, cho dù tự cho là mình tự do. Bức tranh không nhằm đề cập đến tự do ý chí và những vấn đề trừu tượng tương tự, mà chỉ chỉ ra các sự kiện tự nhiên thuần túy của tình huống. Cái dây buộc mang nhiều tầng nghĩa. Thực tế con người bị giới hạn vào một mặt phẳng hình cầu. Y không thể tùy ý di chuyển trong không gian. Vài dặm dưới bề mặt đất, sức nóng và áp suất khí quyển khiến đời sống khó khăn hoặc bất khả; vài dặm trên bề mặt, không khí loãng và lạnh cũng gây nên điều tương tự. Để sống thường nhật, y bị giới hạn ở đất liền, đại dương thì không thích hợp; y cần đất đai phì nhiêu; sa mạc, đầm lầy, rừng rậm đều cấm cửa y. Trong không khí y không có chỗ tựa, trong nước y bị chìm; xuyên qua đất y không thể đi qua. Y không thể rời nguồn lương thực quá vài giờ, nếu không sẽ chết đói; y phải gần nguồn nước uống, nếu không sẽ tiêu vong. Y không thể rời nhà hay gia đình; họ kéo y trở về. Y không thể

civilisation, or he loses his own form of humanity. The physical as well as social and psychic elements in the chains were all equally discernible, and somehow there was also a suggestion in the illustration of trees waving their branches, but nevertheless firmly rooted in a fixed spot. The vision meant humanity as a whole, and did not specially indicate individuals who cross oceans, travel to the poles or go up in balloons. They were visible in the mass as something like jumping dogs. (Sven Hedin would be a dog who jumped a little bit higher than the others, *voilà tout*; the sailors very lively dogs who were never at rest, and so on. But none of them could outreach the chain.)

lìa các nguồn lực của hình thái văn minh riêng của mình; nếu làm thế, y sẽ đánh mất chính hình thái nhân tính của mình. Các yếu tố về thể chất cũng như xã hội và tâm linh trong những sợi xích đều hiện ra rõ ràng ngang nhau, và bằng cách nào đó trong minh họa còn có ám chỉ về những cái cây đu đưa cành lá, nhưng dẫu vậy vẫn bám rễ chắc nơi một chỗ cố định. Thị kiến này nói về toàn thể nhân loại, chứ không chỉ riêng về những cá nhân vượt đại dương, du hành tới các cực hay bay lên bằng khinh khí cầu. Họ hiện ra trong tổng thể như những chú chó nhảy chồm. (Sven Hedin sẽ là một con chó nhảy cao hơn một chút so với các con khác, *thế thôi*; còn các thủy thủ là những con chó rất hoạt bát, không bao giờ yên, v.v. Nhưng chẳng ai trong số họ có thể vượt khỏi chiều dài sợi xích.)

It struck me as quite instructive that there may be a point of view from which mankind's freedom of motion is not greater, comparatively, than that of the vegetable kingdom is to us, and with some phantasy one might ask whether, similar to our six-day motor races, green peas have also world championships, for a second and a half or so, in rapid growth, which is about all they could know of motion.

Điều làm tôi thấy khá bổ ích là: có thể có một góc nhìn từ đó mà tự do di chuyển của loài người, so sánh ra, không lớn hơn tự do của giới thực vật đối với chúng ta là bao; và với chút tưởng tượng, người ta có thể hỏi liệu, tương tự như cuộc đua mô-tô sáu ngày của chúng ta, các hạt đậu xanh cũng có "giải vô địch thế giới" chăng, trong khoảng một giây rưỡi gì đó, về tốc độ tăng trưởng, vốn là hầu hết những gì chúng có thể gọi là chuyển động.

There was no notion of time and, pondering it over at a later date, I thought of a simile of a cluster of bees or ants. The cluster remains in a fixed spot, though individuals may swarm out and return. This is, however, only a very one-sided illustration.

Không có khái niệm về thời gian; và khi suy ngẫm nó vào một ngày sau đó, tôi đã nghĩ tới một ẩn dụ về một đám ong hay kiến. Cả đám ở yên tại một chỗ cố định, dù các cá thể có thể tỏa ra rồi quay về. Tuy nhiên, đó chỉ là một minh họa rất phiến diện.

[CWL note] (The somewhat uncomplimentary vision of humanity which is given under the number eleven again represents the ego's view with regard to physical limitations. I think that they could hardly be described more graphically. The picture of the vegetable condition of the great mass of humanity, and

[Ghi chú của CWL] (Thị kiến có phần không mấy lịch thiệp về nhân loại được đưa ra dưới số mười một một lần nữa trình bày cái nhìn của chân ngã về các giới hạn hồng trần. Tôi nghĩ rằng khó có thể mô tả chúng một cách sinh động hơn. Bức tranh về tình trạng "thực vật" của đại đa số nhân loại, và hình ảnh vài lữ

of the few travellers as chained dogs jumping about among the vegetables, is distinctly effective!)

V.12. In Him We live and move and have Our Being. The last example I relate in this group is the most impressive and beautiful experience I have had. It came to me many years ago when I was still living in Amsterdam. Towards evening I was walking alone along a road just outside the town. At that place the city ends abruptly, and on the one side stretched vast masses of many-storied houses in unbroken conglomeration, whilst on the other there was the equally unbroken expanse of green meadows losing themselves in the horizon; a peaceful landscape, full of repose, and freshness. The road was a lonely one and, leisurely walking, I must have mused about many things. All of a sudden 'themselves the heavens opened'. I use this biblical phrase because I know no apter one. Suddenly I saw inside and through the mighty expanse of the heavenly vault; and at the same time I realised with the utmost certitude that this whole dome above was nothing but the inside of some gigantic skull. The atmosphere, the space around and above me was not only filled with air and ether, but far more, and above all, with throbbing, living consciousness. And from every point in space, on high and below, in front and behind me, from the right and the left, myriads of invisible threads connected every point in space with every other point in space, serving as invisible wires to report wireless messages from every point to every point simultaneously. I had a sensation of extraordinary wideness, roominess, spaciousness. I *felt* space, as such, better than ever before, and space was conscious. I knew I was inside the consciousness of that measureless skull, as was everything else. And everything was related and correlated with

khách như những con chó bị xích đang nhảy nhót giữa đám thực vật, quả thật gây ấn tượng mạnh!)

V.12. Trong Ngài, chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu. Ví dụ cuối cùng tôi thuật trong nhóm này là trải nghiệm ấn tượng và đẹp đẽ nhất tôi từng có. Nó đến với tôi nhiều năm trước khi tôi còn sống ở Amsterdam. Vào xế chiều, tôi đang đi một mình dọc con đường ở ngay ngoại ô. Ở chỗ đó, thành phố chấm dứt đột ngột, và ở một phía là những khối nhà nhiều tầng đồ sộ trải dài không gián đoạn, trong khi phía kia là khoảng đồng cỏ xanh mướt cũng bất tận không gián đoạn, tan vào nơi chân trời; một phong cảnh thanh bình, đầy an tĩnh và tươi mới. Con đường vắng lặng và, bước chậm rãi, hẳn tôi đã miên man nghĩ ngợi nhiều điều. Bất chợt, "chính các tầng trời mở ra". Tôi dùng cụm từ Kinh Thánh này vì tôi không biết cụm nào xác đáng hơn. Đột ngột tôi nhìn vào bên trong và xuyên qua khoảng mênh mông của vòm trời; và đồng thời tôi nhận ra với sự xác quyết tuyệt đối rằng toàn bộ mái vòm trên kia chẳng là gì khác ngoài phía trong của một cái sọ khổng lồ. Bầu khí quyển, không gian quanh và trên tôi không chỉ đầy không khí và dĩ thái, mà hơn thế nữa, và trên hết, đầy những nhịp đập, sự sống, tâm thức. Và từ mọi điểm trong không gian, trên cao và bên dưới, trước mặt và sau lưng tôi, bên phải và bên trái, vô số sợi dây vô hình nối mọi điểm trong không gian với mọi điểm khác, làm những sợi dây vô hình để truyền các thông điệp không dây từ mọi điểm tới mọi điểm đồng thời. Tôi có một cảm giác về độ mênh mang phi thường, rộng rãi, khoáng đạt. Tôi *cảm nhận* không gian, như chính nó, rõ hơn bao giờ hết, và không gian là có tâm thức. Tôi biết mình đang ở bên trong tâm thức của cái sọ vô lượng ấy, như mọi sự khác. Và mọi sự đều liên hệ và tương quan với mọi sự khác đang hiện hữu trong bộ não vĩ đại ấy. Và tuy vô số vô lượng những mối nối kia vượt quá mọi tính

everything else existing in that mighty brain. And though the myriads and millions of connections were beyond counting or enumerating, still this network formed an ordered whole in which the fulness was organic. I felt as if I had touched some single aspect of some world-enveloping consciousness, embracing not only the world as a whole, but every single, even minutest, item in it, in full knowledge of detail as well as totality, and moreover of all internal and mutual relations. My consciousness was swept up for a moment by that bigger insight, and I felt for that moment as if I myself might understand a whole world.

đếm hay liệt kê, nhưng mạng lưới đó vẫn tạo thành một chỉnh thể trật tự, trong đó sự viên mãn là hữu cơ. Tôi cảm như thể mình đã chạm tới một phương diện nào đó của một tâm thức bao trùm thế giới, ôm trọn không chỉ thế giới như một toàn thể, mà cả từng điều đơn lẻ, dù nhỏ nhiệm nhất, trong đó, với sự thông tri tường tận cả chi tiết lẫn tổng thể, và hơn nữa, cả mọi mối liên hệ nội tại và tương hỗ. Tâm thức của tôi, trong một khoảnh khắc, được cuốn lên bởi tuệ kiến lớn hơn ấy, và trong khoảnh khắc đó tôi cảm như chính mình có thể hiểu cả một thế giới.

Again I have to repeat that the description is poor and inadequate, for the reality of these things lies in the sensation; the forms of the vision are only the fringes of the experience.

Một lần nữa tôi phải nhắc lại rằng mô tả này nghèo nàn và bất cập, vì thực tướng của những điều này nằm trong cảm nghiệm; các hình tướng của thị kiến chỉ là tua viền của trải nghiệm.

Years later I experienced something much akin to this. This was at Adyar, when, whilst walking through one of its wooded spots, I realised the unity of life, of the living force in this world, more vividly than ever before.

Nhiều năm sau tôi đã trải qua một điều rất gần gũi với điều đó. Ấy là ở Adyar, khi trong lúc dạo bước qua một khoảng rừng của nơi ấy, tôi nhận ra sự hợp nhất của sự sống, của sinh lực sống động trong thế giới này, sống động hơn bao giờ hết.

Leaving this class of experiences then with the final warning that my descriptions of them are merely indications rather than real, full, complete descriptions, we will turn to another group.

Vậy, tạm khép lại loại trải nghiệm này với lời cảnh báo sau rốt rằng các mô tả của tôi chỉ là những chỉ dấu hơn là những tường thuật chân thực, đầy đủ, hoàn chỉnh, chúng ta sẽ chuyển sang một nhóm khác.

[CWL note] (The twelfth experience is one of the best of those recorded; yet even that represents but partially the constant experience of one who has opened the higher consciousness. Here, even more than usual, our author insists that his description is inadequate, and one thoroughly realises that that is so, even while one heartily congratulates him upon it; what human

[Ghi chú của CWL] (Trải nghiệm thứ mười hai là một trong những trải nghiệm hay nhất được ghi chép; tuy vậy, ngay cả nó cũng chỉ trình bày phần nào trải nghiệm thường hằng của người đã khai mở tâm thức cao. Ở đây, hơn thường lệ, tác giả nhấn mạnh rằng mô tả của ông là bất cập, và người ta hoàn toàn nhận ra điều đó, ngay cả khi chân thành chúc mừng ông; làm sao lời nói của con người có thể mô tả

words can describe that which is distinctly super-human - not in the sense that it is out of man's reach, but that it is so far above his ordinary experiences? Still, even from what is written we receive a forcible and vivid impression of the fact that everything around us is pulsating with life and intelligence, and yet that all the intelligence is definitely *one*.)

điều vốn rõ ràng là siêu nhân loại - không phải theo nghĩa vượt ngoài tầm với của con người, mà là vượt xa kinh nghiệm thông thường của y? Dẫu vậy, ngay từ những gì đã viết, chúng ta vẫn nhận được một ấn tượng mạnh mẽ và sinh động về sự kiện rằng mọi sự quanh ta đều đang rung động với sự sống và trí tuệ, và rằng tất cả trí tuệ ấy rốt ráo đều là *một*.)

VI. ILLUSTRATIONS—VI. MINH HOẠ

Of this class I quote only a single example. Its chief characteristic is that the vision has a direct illustrative meaning, and no symbolic one. This class also comes in ordinary waking consciousness.

Trong loại này tôi chỉ dẫn một ví dụ duy nhất. Đặc trưng chủ yếu của nó là thị kiến mang nghĩa minh họa trực tiếp, chứ không mang nghĩa tượng trưng. Loại này cũng đến trong tâm thức tỉnh thức thông thường.

VI.13. The Size of the Earth. I do not remember clearly when and where and under what circumstances I saw this vision. I saw before me a sea-surface of immense proportions, the waves surging in mighty curves. One wave in particular drew my attention; it was so huge that it seemed to reach to the utmost heaven, beyond the sun. The primary impression of that ocean was its vastness, its measureless greatness. On the crest of that wave a small globe, our earth, was borne along, a tiny ball tossed about by overwhelming forces. Just as we may say that the moon seems the size of a football, so this little earth seemed about the size of an orange in the shoreless expanse of waters. The other planets, the sun and moon, the stars also, were absent. There was nothing but the illimitable space of sea and the insignificant sphere swept on by it. I realised by this illustration a truer conception of the relation between the dimensions of stellar space and those of our earth than I had done before or have done since. The sense of the vastness of space was for a moment real and living in me. Now I

VI.13. Kích thước của Trái Đất. Tôi không nhớ rõ đã thấy thị kiến này khi nào, ở đâu và trong hoàn cảnh nào. Trước mắt tôi là một mặt biển có kích thước vĩ đại, những làn sóng cuộn dâng thành vòng cung hùng tráng. Một con sóng đặc biệt thu hút sự chú ý của tôi; nó lớn đến nỗi dường như vươn tới tận trời cao nhất, vượt qua mặt trời. Ấn tượng sơ khởi về đại dương ấy là tính mênh mông của nó, là sự vĩ đại không thể đo lường. Trên đỉnh của con sóng ấy, một quả cầu nhỏ, địa cầu của chúng ta, đang được nâng bổng, một trái cầu bé tí bị các lực áp đảo quăng quật. Cũng như ta có thể nói mặt trăng trông lớn bằng một trái bóng đá, thì địa cầu nhỏ bé này cũng trông chừng bằng một trái cam trong bao la vô bờ của đại dương. Các hành tinh khác, mặt trời và mặt trăng, các vì sao cũng vậy, đều không có mặt. Không có gì khác ngoài không gian vô hạn của biển cả và quả cầu nhỏ bé vô nghĩa bị nó cuốn đi. Nhờ minh họa này, tôi đã lĩnh hội một quan niệm chân thực hơn về tương quan giữa các kích thước của không gian tinh tú và kích thước của địa cầu chúng ta, hơn những gì tôi từng có trước đó hay từ đó về sau. Cảm thức về sự mênh

know the greatness theoretically, and I can express it in numbers by speaking of light-years or millions of miles, but then I *felt* it direct and immediately.

mông của không gian, trong một khoảnh khắc, đã sống động và hiện thực trong tôi. Nay tôi biết về cái vĩ đại ấy một cách lý thuyết, và tôi có thể diễn đạt nó bằng con số, nói về năm ánh sáng hay hàng triệu dặm, nhưng khi ấy tôi đã *cảm* nó trực tiếp và tức thời.

As will be seen, there was no symbolic value to the vision; it was only an illustration, and as such it was different from the previous class.

Như sẽ thấy, thị kiến này không có giá trị tượng trưng; nó chỉ là một minh họa, và vì vậy nó khác với loại trước.

[CWL note] (The thirteenth of the series is correctly labelled as an illustration, but once more it is an illustration at the level of the causal body, and belongs to the type of that to which we have already referred. The impression which it gives is that the writer really saw the earth for an instant from outside - or perhaps saw merely the thought-form of someone else who had so seen it, and had been deeply impressed by it. Such a glimpse of the world from outside is by no means impossible to the ego, but in order to have it he must for the moment free himself from his lower vehicles. I know how impossible such an experience appears to us when imprisoned in the physical consciousness; but the very fact that it seems so impossible is merely an illustration of the limitations so forcibly imaged for us by our author in experience number eleven. The ego also has his limitations, but they are not such as to preclude the vision described. To be able to maintain his consciousness for some time at that level - time sufficient to enable him to make detailed observations - would imply high development and a good deal of special practice; but such a glimpse as is here described comes sometimes at an earlier stage, just in the same way as spasmodic fragments of the lower clairvoyance come often long before astral sight is fully developed.)

[Ghi chú của CWL] (Thị kiến thứ mười ba được gắn nhãn đúng là một minh họa, nhưng một lần nữa đó là một minh họa ở cấp độ thể nguyên nhân, và thuộc cùng kiểu mà chúng ta đã đề cập. Ấn tượng mà nó đem lại là người viết thực sự đã thấy địa cầu trong một sát-na từ bên ngoài - hoặc có lẽ chỉ thấy hình tư tưởng của một ai đó đã từng thấy như vậy, và đã bị ấn tượng sâu đậm bởi điều ấy. Một thoáng nhìn thế giới từ bên ngoài hoàn toàn không phải là bất khả đối với chân ngã, nhưng để có nó y phải trong khoảnh khắc giải phóng mình khỏi các vận cụ thấp. Tôi biết trải nghiệm như vậy xem ra bất khả đến thế nào đối với chúng ta khi đang bị cầm tù trong tâm thức hồng trần; nhưng chính sự kiện nó có vẻ bất khả lại chỉ là một minh họa về những giới hạn đã được tác giả miêu tả thật sinh động nơi trải nghiệm số mười một. Chân ngã cũng có những giới hạn, nhưng không phải là những giới hạn ngăn cản thị kiến đã được mô tả. Có thể duy trì tâm thức của mình một thời gian ở cấp ấy - thời gian đủ để cho phép y thực hiện các quan sát chi tiết - sẽ hàm ý một trình độ phát triển cao và kha khá rèn luyện đặc biệt; nhưng một thoáng nhìn như được mô tả ở đây đôi khi cũng đến ở giai đoạn sớm hơn, tương tự như cách mà các mảnh vụn gián đoạn của thông nhãn thấp thường đến từ lâu trước khi thị giác cảm dục phát triển trọn vẹn.)

VII. OBJECTIVE THINGS—VII. NHỮNG SỰ VẬT KHÁCH QUAN

The next class embraces a group of visions which, until I have further information on the subject, I am inclined to put down as seeings of actually existing, objective things, whether thought-forms or otherwise. This statement must be accepted with caution, of course as I lack the necessary power and knowledge to make such a declaration with authority. They seem to me, to be of the nature indicated, and that is all I can say. An Occultist only would be able to pronounce upon them definitely. I am not implying by the above that, for instance, the symbolical visions were not provoked by realities, but it may be that they were based more on contacts of consciousness visually conceived, whereas the visions now alluded to seem to me more based on seeing apart from contact with unusual currents of consciousness.

Loại kế tiếp bao gồm một nhóm thị kiến mà, cho đến khi tôi có thêm thông tin về chủ đề này, tôi thiên về xem như những cái thấy về các sự vật khách quan đang thực sự hiện hữu, dù là hình tư tưởng hay thứ gì khác. Tuyên bố này dĩ nhiên cần được tiếp nhận một cách thận trọng, vì tôi thiếu quyền năng và tri thức cần thiết để đưa ra một khẳng quyết có thẩm quyền. Chúng dường như đối với tôi là thuộc bản chất như vừa gợi ý, và đó là tất cả những gì tôi có thể nói. Chỉ một nhà huyền bí học mới có thể quyết đoán về chúng một cách dứt khoát. Tôi không ngụ ý rằng, chẳng hạn, các thị kiến tượng trưng không được khơi gợi bởi các thực tại, mà có thể là chúng dựa nhiều hơn trên những tiếp xúc của tâm thức được hình dung bằng thị giác, trong khi các thị kiến được nói đến nay có vẻ dựa nhiều hơn trên sự thấy tách khỏi tiếp xúc với những dòng tâm thức bất thường.

VII.14. The Blue Lotus. Once, in meditation, I saw the form of a lotus of the softest shade of blue, exquisitely shaped and mounting upwards in a straight line with a steady, regular motion, neither very slow nor very rapid. My eyes were closed, but the form disappeared from my vision when it reached a point a few yards higher than my head. This is strange - as, the eyes being shut, there was no physically limited field of vision I recognised the form at once for that pictured as Fig. 16 in Annie Besant and C. W. Leadbeater's book on *Thought-Forms*, and described on page 45 of that work. The problem involved is to my mind rather difficult. I was at the time not engaged in the devotional part of meditation, nor thinking about thought-forms or devotion, and the sensation evoked was primarily one of astonishment at seeing the form without any apparent cause. Yet the similarity was so unmistakable and the

VII.14. Hoa Sen Xanh. Một lần, trong tham thiền, tôi thấy hình một đóa sen mang sắc xanh dịu nhất, hình dáng tuyệt mỹ và đang vươn thẳng lên theo một đường thẳng với chuyển động vững vàng, đều đặn, không quá chậm cũng không quá nhanh. Mắt tôi nhắm, nhưng hình tướng ấy biến khỏi thị kiến của tôi khi nó chạm tới một điểm ở trên đầu tôi vài thước. Điều này thật lạ - vì, mắt đã nhắm, nên không có trường thị giác bị giới hạn về mặt thể chất. Tôi lập tức nhận ra hình tướng ấy là đúng như hình minh họa số 16 trong cuốn sách của Bà Annie Besant và Ông C. W. Leadbeater về *Hình Tư Tưởng*, và được mô tả ở trang 45 của tác phẩm ấy. Vấn đề liên quan, theo tôi, khá nan giải. Lúc ấy tôi không tham dự vào phần sùng mộ của tham thiền, cũng không nghĩ về hình tư tưởng hay về sùng mộ, và cảm giác được khơi dậy chủ yếu là sự kinh ngạc khi thấy hình tướng ấy mà không có nguyên do hiển nhiên nào. Thế nhưng sự tương tự lại quá hiển

impression so clear that I cannot admit any possibility of mistake.

nhiên và ấn tượng quá rõ ràng đến nỗi tôi không thể chấp nhận khả năng nhầm lẫn nào.

[CWL note] (The blue lotus described in number fourteen was without doubt a thought-form just like that which is imaged in the book upon the subject. There is no reason whatever to assume that it was the thought-form of the seer himself - indeed, the probability is that it came from quite another source. It must be borne in mind that a strong and definite thought, such as this must have been, persists for many hours, and is on its own plane perfectly objective. Any one who has for a moment a glimpse of the astral or mental vision, whichever may be required (a detail which depends upon the method of formation of the object) will be able to see this thought-form as it floats by him, just as definitely as we should see with our physical eyes a bird or a balloon which passed us in this lower world. It is possible that, if our observer had made an effort to identify himself with the thought-form which he observed, he would have been able to trace it to its maker; but naturally, this did not occur to him. It is true that the astral field of vision is far more extensive than the physical, and that it is therefore not probable that this form passed suddenly out of it; but it must be remembered that there is for the higher vision what may be described as a field of close attention, and it is quite probable that the thought-form may have drifted into and out of *that*. For one not specially trained in the use of the higher vision, its disappearance from that field of attention would be equivalent to losing sight of it, even though that sight could be instantly recovered by one who was practised in such efforts.

[Ghi chú của CWL] (Đóa sen xanh được mô tả trong số mười bốn hẳn là một hình tư tưởng đúng như hình đã được vẽ trong cuốn sách về chủ đề này. Hoàn toàn không có lý do gì để giả định rằng đó là hình tư tưởng của chính người thấy - thực ra, khả năng lớn là nó đến từ một nguồn hoàn toàn khác. Cần ghi nhớ rằng một tư tưởng mạnh và xác định, như hẳn phải là thế trong trường hợp này, tồn tại bền lâu suốt nhiều giờ, và trên cõi riêng của nó thì hoàn toàn là khách quan. Bất kỳ ai trong khoảnh khắc có một thoáng thị kiến cảm dục hay thị kiến trí tuệ, tùy theo yêu cầu (một chi tiết phụ thuộc vào phương pháp hình thành đối tượng) đều sẽ có thể thấy hình tư tưởng này khi nó trôi ngang qua mình, rõ rệt hệt như chúng ta thấy bằng mắt hồng trần một con chim hay một khinh khí cầu lướt qua trước mắt trong cõi thấp này. Có thể rằng, nếu người quan sát của chúng ta đã cố gắng đồng hóa với hình tư tưởng mà ông nhìn thấy, ông đã có thể lần theo nó tới người tạo tác; nhưng dĩ nhiên, điều ấy đã không đến với ông. Đúng là trường thị giác cảm dục bao quát hơn rất nhiều so với trường thị giác hồng trần, và vì thế khó có khả năng hình tướng này bỗng dưng rơi ra khỏi tầm nhìn; nhưng cần nhớ rằng đối với thị kiến cao hơn có một điều có thể gọi là trường của chú ý gần, và rất có thể hình tư tưởng ấy đã trôi vào rồi ra khỏi *trường ấy*. Đối với một người không được huấn luyện đặc biệt trong việc sử dụng thị kiến cao hơn, việc nó biến khỏi trường chú ý sẽ tương đương với đánh mất nó khỏi tầm mắt, cho dù thị kiến ấy có thể lập tức được phục hồi bởi một người đã quen tập luyện như vậy.

Our students sometimes forget that the habit of the physical plane is strongly impressed upon them, and that to overcome it when in

Các đạo sinh của chúng ta đôi khi quên rằng thói quen của cõi hồng trần đã in dấu rất mạnh lên họ, và để vượt thắng nó khi ở cõi cảm dục

the astral world needs either a determined effort or long experience. Our ordinary life on the physical plane is possible to us only because a certain number of actions have become absolutely instinctive to us; the heart beats, the chest expands and contracts without our volition, and in the same way we have learnt to balance ourselves when walking. This also we do entirely without thinking, yet every little child has to learn the art afresh, just as it has to learn to coordinate the senses of sight and touch, and to reverse in practice the inverted image which is imposed upon the retina. One could imagine a limited form of physical existence which would be possible without some of these instinctive adaptations. A man who was content to remain always recumbent in one place need not learn how to balance himself, nor to reverse by the action of his mind all the objects which are shown to him upside-down by the sense of sight. To most of us such an existence would seem hardly worth the trouble; but there is no doubt that it would be possible.

thì cần hoặc một nỗ lực dứt khoát hoặc một kinh nghiệm lâu dài. Đời sống thường nhật của chúng ta trên cõi hồng trần chỉ khả hữu vì một số hành vi đã trở nên tuyệt đối bản năng đối với chúng ta; tim đập, lồng ngực phồng xẹp mà không cần ý chí của ta, và theo cách tương tự, chúng ta đã học cách giữ thăng bằng khi đi. Điều này cũng vậy, chúng ta thực hiện hoàn toàn không cần suy nghĩ, vậy mà mỗi đứa trẻ nhỏ đều phải học lại nghệ thuật ấy ngay từ đầu, cũng như nó phải học phối hợp các giác quan nhìn và chạm, và phải đảo ngược trong thực hành hình ảnh đảo ngược vốn được in trên võng mạc. Ta có thể hình dung một dạng tồn tại hồng trần hạn chế vẫn khả dĩ mà không cần một vài thích nghi bản năng này. Một người mãn nguyện nằm yên ở một nơi có lẽ không cần học cách giữ thăng bằng, cũng chẳng cần đảo ngược bằng hành động của tâm mọi vật bị thị giác trình ra theo kiểu lộn ngược. Đối với đa số chúng ta, một tồn tại như vậy xem ra chẳng đáng công sức; nhưng không nghi ngờ gì nó vẫn khả thi.

A great many people live in the astral world with just as imperfect an idea of its possibilities; for they bring into it all the limitations of the physical life to which they are accustomed. Because in this lower world fire will burn and water will drown, because it is unwise here to throw oneself over a precipice, and impossible to force oneself through a wall or a rock, most people fail to realise that in the astral world the conditions are so different that they may plunge unharmed into the depths of the sea or into the crater of Vesuvius, and that the densest physical matter is no obstacle to perfect freedom of movement. It is precisely in order that the physical instinct may be thoroughly overcome that it is necessary to apply what have been called the tests of earth, air, fire and water to those who wish to join the band of

Rất nhiều người sống ở cõi cảm dục với một ý niệm về các khả tính của nó cũng khiếm khuyết như thế; vì họ mang vào đó tất cả giới hạn của đời sống hồng trần mà họ đã quen thuộc. Bởi vì ở cõi thấp này lửa đốt cháy và nước làm chết chìm, bởi vì thật là không khôn ngoan nếu gieo mình từ vách đá, và bất khả nếu cố ép mình xuyên qua một bức tường hay một khối đá, nên đa số người ta không nhận ra rằng ở cõi cảm dục, các điều kiện quá khác biệt đến nỗi họ có thể đắm mình vô sự vào đáy biển hay vào miệng núi lửa Vesuvius, và rằng vật chất hồng trần dày đặc nhất cũng không là chướng ngại đối với tự do di chuyển hoàn toàn. Chính để bản năng hồng trần có thể được vượt thắng triệt để mà người ta cần áp dụng những điều đã được gọi là các thử thách của đất, khí, lửa và nước cho những ai muốn gia nhập đoàn Trợ Giúp Vô Hình, hầu họ phát triển điều có

Invisible Helpers, so that they may develop what might be called an astral instinct to take the place, while on that plane, of the deeply ingrained physical instinct. Fourth-dimensional sight is within reach of every astral entity, yet most people have no more idea of such a power after death than they had during physical life. So the fact that this devotional thought-form came into our author's field of sight and passed out of it again may perhaps be explained as an instance in which he imported the restriction of his physical field of view into a world where such an idea is in truth unnecessary, because the limitation which causes it does not exist.)

thể gọi là bản năng cảm dục để, khi ở trên cõi ấy, nó thay thế cho bản năng hồng trần đã ăn sâu. Thị kiến chiều thứ tư nằm trong tầm với của mọi thực thể cảm dục, vậy mà đa số người ta đâu có hiểu biết gì về năng lực ấy sau khi chết, hơn hẳn họ từng có trong đời sống hồng trần. Vậy nên sự kiện hình tư tưởng sùng mộ này đi vào rồi ra khỏi trường thị giác của tác giả chúng ta có lẽ được giải thích như một trường hợp mà trong đó ông đã mang sự hạn chế của trường nhìn hồng trần vào một thế giới nơi ý niệm như vậy thực ra là không cần thiết, vì cái giới hạn gây ra nó không tồn tại.)

VII.15. Higher Dimensions. When residing and touring in the North of England, several years ago, I talked and lectured several times on the fourth dimension. One day after having retired to bed, I lay fully awake, thinking out some problems connected with this subject. I tried to visualise or think out the shape of a fourth-dimensional cube, which I imagined to be the simplest fourth-dimensional shape. To my great astonishment I saw plainly before me first a fourth-dimensional globe and afterwards a fourth-dimensional cube, and learned only then from this object-lesson that the globe is the simplest body, and not the cube, as the third dimensional analogy ought to have told me beforehand. The remarkable thing was that the definite endeavour to see the one thing made me see the other. I saw the forms as before me in the air (though the room was dark), and behind the forms I saw clearly a rift in the curtains through which a glimmer of light filtered into the room. This was a case in which I can clearly fix the impression that the objects seen were outside my head. In most of the other cases I could not say so definitely, as they partake of a dual character, being almost equally felt as outside and inside the brain.

VII.15. Các Chiều Cao Hơn. Khi cư trú và đi thuyết giảng ở miền Bắc nước Anh, vài năm trước, tôi đã trò chuyện và diễn giảng nhiều lần về chiều thứ tư. Một ngày nọ, sau khi lên giường, tôi nằm hoàn toàn tỉnh táo, suy nghĩ về một vài vấn đề liên hệ đến chủ đề này. Tôi cố hình dung, hay suy ra hình dạng của một khối lập phương bốn chiều, mà tôi tưởng là hình dạng bốn chiều đơn giản nhất. Đến nỗi kinh ngạc của tôi, tôi rõ ràng thấy trước mắt mình trước hết là một quả cầu bốn chiều rồi sau đó là một khối lập phương bốn chiều, và chỉ từ bài học trực quan ấy tôi mới biết rằng quả cầu mới là vận cụ đơn giản nhất, chứ không phải khối lập phương, như phép loại suy ba chiều lẽ ra phải cho tôi biết trước. Điều đáng chú ý là sự nỗ lực dứt khoát để thấy một thứ đã khiến tôi thấy thứ kia. Tôi thấy các hình thể như ở trước mặt trong không khí (dù căn phòng tối), và phía sau những hình thể ấy tôi rõ ràng thấy một khe hở ở màn cửa, qua đó một tia sáng lờ mờ lọt vào phòng. Đây là một trường hợp mà tôi có thể xác định rõ ấn tượng rằng các đối tượng được thấy ở bên ngoài đầu tôi. Trong hầu hết các trường hợp khác tôi không thể nói rành rẽ như vậy, vì chúng mang một tính chất lưỡng tính, gần như được cảm thấy như ở ngoài và ở trong bộ não ngang

nhau.

I forego the attempt to describe the fourth-dimensional cube as to its form. Mathematical description would be possible, but would at the same time disintegrate the real impression in its totality. The fourth-dimensional globe can be better described. It was an ordinary three-dimensional globe, out of which on each side, beginning at its vertical circumference bent tapering horns proceeded, which, with a circular bend, united their points above the globe from which they started. The effect is best indicated by circumscribing the numeral 8 by a circle. So three circles are formed, the lower one representing the initial globe, the upper one representing empty space, and the greater circle circumscribing the whole. If it be now understood that the upper circle does not exist and the lower (small) circle is identical with the outer (large) circle, the impression will have been conveyed, at least to some extent. We may also call the total impression that of a ring. I think it was then that I understood for the first time that so-called fourth-dimensional sight is sight with reference to a space-conception arising from the visual perception of density. I have always been easily able to recall this globe; to recall the cube is far more difficult, and I have to concentrate to get it back.

Tôi bỏ qua việc cố gắng mô tả khối lập phương bốn chiều về mặt hình tướng. Mô tả toán học là khả dĩ, nhưng đồng thời sẽ làm tan rã ấn tượng chân thực trong tính tổng thể của nó. Quả cầu bốn chiều có thể được mô tả tốt hơn. Đó là một quả cầu ba chiều thông thường, từ hai bên của nó, bắt đầu ở đường tròn thẳng đứng, những chiếc sừng thuôn nhọn uốn cong tiếp tục vươn ra, và với một đường cong tròn, chúng hợp mút nhọn của mình lại ở phía trên quả cầu mà từ đó chúng khởi đi. Hiệu ứng được gợi tả tốt nhất bằng cách vẽ một vòng tròn bao lấy con số 8. Như vậy sẽ thành ba vòng tròn, vòng dưới biểu trưng cho quả cầu khởi nguyên, vòng trên biểu trưng cho khoảng không, và vòng tròn lớn bao trùm toàn thể. Nếu giờ hiểu rằng vòng tròn trên không tồn tại và vòng tròn dưới (nhỏ) là đồng nhất với vòng tròn ngoài (lớn), thì ấn tượng sẽ được truyền đạt, ít nhất là ở một mức độ nào đó. Chúng ta cũng có thể gọi ấn tượng tổng thể ấy là ấn tượng về một chiếc nhẫn. Tôi nghĩ chính khi đó tôi lần đầu hiểu rằng cái gọi là thị kiến bốn chiều là thị kiến liên hệ tới một quan niệm-không-gian phát sinh từ tri giác bằng mắt về mật độ. Tôi luôn có thể dễ dàng hồi tưởng lại quả cầu này; còn hồi tưởng khối lập phương khó hơn nhiều, và tôi phải tập trung mới đưa nó trở lại được.

I have in a like manner had rare visions of fifth and sixth dimensional figures. At least I have felt *as if* the figures I saw were fifth and sixth dimensional. In these matters the greatest caution is necessary. I am aware that I have come into contact with these things as far as the physical brain allows it, without denying that beyond what the brain has caught there was something further, *felt* at the time, which was not handed on. The sixth-dimensional figure I cannot describe. All I remember of it is

Theo cách tương tự, tôi đã hiếm khi có những thị kiến về các dạng hình năm và sáu chiều. Ít nhất tôi đã cảm *như thể* những hình mà tôi thấy là năm và sáu chiều. Trong những việc này, sự thận trọng tối đa là cần thiết. Tôi ý thức rằng tôi đã tiếp xúc với những điều này trong giới hạn mà bộ não hồng trần cho phép, mà không phủ nhận rằng bên ngoài những gì bộ não bắt được vẫn còn cái gì đó nữa, đã được *cảm nhận* lúc ấy, nhưng đã không được truyền xuống. Hình sáu chiều thì tôi không thể mô tả.

that it gave me at the time an impression in *form* of what we might call diversity in unity, or synthesis in differentiation. The fifth-dimensional vision is best described, or rather hinted at, by saying that it looked like an Alpine relief map, with the singularity that all mountain peaks and the whole landscape represented in the map were *one* mountain, or again in other words as if all the mountains had one single base. This was the difference between the fifth and the sixth, that in the fifth excrescences were in one sense exteriorised and yet rooted in the same unit; but in the sixth they were differentiated but not exteriorised; they were only *in different ways identical* with the same base, which was their whole.

Tất cả những gì tôi nhớ về nó là lúc ấy nó đã cho tôi một ấn tượng bằng *hình tướng* về điều mà ta có thể gọi là đa dạng trong hợp nhất, hay tổng hợp trong sai biệt. Thị kiến năm chiều được mô tả tốt nhất, hay đúng hơn là gợi ý, bằng cách nói rằng nó trông như một bản đồ phù điêu vùng An-pơ, với điều lạ lùng là tất cả các đỉnh núi và toàn thể phong cảnh được biểu hiện trong bản đồ đều là *một* ngọn núi, hay nói cách khác, như thể mọi ngọn núi đều có chung một nền móng duy nhất. Đây là khác biệt giữa năm và sáu chiều: rằng ở năm chiều, các chỗ lồi lõm theo một nghĩa đã được ngoại hiện và dẫu vậy vẫn bám rễ trong cùng một nhất thể; còn ở sáu chiều, chúng được biệt hóa nhưng không ngoại hiện; chúng chỉ là *theo những cách khác nhau thì đồng nhất* với cùng một nền tảng, vốn là toàn thể của chúng.

[CWL note] (Among the many and varied subjects which our Theosophical study brings before us, the fourth dimension is at once one of the most difficult and the most fascinating. I believe that the little drawing which our author has given is the first attempt in modern literature at an actual delineation of a fourth-dimensional solid. The winged globe in Egypt was a symbol, or perhaps rather a mnemonic, of this same idea (though it was also used to typify the sun with his attendant zodiacal light); but outside of the Mysteries it was never drawn so nearly in the real shape as this. Striking as this drawing is, its value lies chiefly in its suggestiveness to those who have once seen that which it represents. One can hardly hope that it will convey a clear idea of the reality to those who have never seen it. It is difficult to get an animal to understand a picture - apparently because he is incapable of grasping the idea that perspective on a flat surface is intended to represent objects which he knows only as solid. The average man is in exactly the same position with regard to any drawing or model which is intended to

[Ghi chú của CWL] (Giữa nhiều chủ đề đa dạng mà việc học hỏi Thông Thiên Học đem đến cho chúng ta, chiều thứ tư vừa là một trong những điều khó nhất vừa là một trong những điều mê hoặc nhất. Tôi tin rằng bức vẽ nhỏ mà tác giả đưa ra là nỗ lực đầu tiên trong văn học hiện đại nhằm phác thảo một khối đặc bốn chiều thực sự. "Quả cầu có cánh" của Ai Cập là một biểu tượng, hay đúng hơn là một ký hiệu ghi nhớ, của cùng ý niệm này (dẫu nó cũng được dùng để tượng trưng mặt trời với ánh sáng hoàng đạo đi kèm); nhưng bên ngoài các Nghi lễ Huyền Môn thì nó chưa bao giờ được vẽ gần với hình dạng thật như thế này. Nổi bật như bản vẽ ấy là, giá trị của nó nằm chủ yếu ở tính gợi mở đối với những ai đã từng thấy điều nó biểu thị. Người ta khó có thể hy vọng rằng nó sẽ truyền đạt một ý niệm rõ ràng về thực tại cho những ai chưa từng thấy. Thật khó khiến một con vật hiểu một bức tranh - có vẻ vì nó bất năng nắm được ý niệm rằng phối cảnh trên một mặt phẳng là để biểu trưng cho các đối tượng mà nó chỉ biết như những vật thể rắn. Người thường ở đúng vị thế như vậy đối với bất kỳ bức vẽ hay mô hình nào được dùng để

suggest to him the idea of the fourth dimension; and so, clever and suggestive as this is, I doubt whether it will be of much help to the average reader. The man who has seen the reality might well be helped by this to bring into his ordinary life a flash of that higher consciousness; and in that case he might perhaps be able to supply, in his thought, what must necessarily be lacking in the physical-plane drawing. I am not sure that I agree with our author in regarding the sphere as simpler than the tesseract; but that may be only because all our earlier fourth-dimensional experiments were conducted with the latter. Also I am not sure that one can unreservedly endorse the author's remark that the so-called fourth-dimensional sight is sight with reference to a space-conception arising from the visual perception of density; though I remember a suggestion by Mr. Hinton that the density of a gas may be a measure of its thickness in the fourth dimension.

gợi cho y ý niệm về chiều thứ tư; vì thế, dù bản vẽ này thông minh và gợi ý, tôi e rằng nó sẽ không giúp được bao nhiêu cho độc giả trung bình. Người đã thấy thực tại có thể được điều này hỗ trợ để đưa một tia chớp của tâm thức cao hơn ấy vào đời sống thông thường; và trong trường hợp đó, có lẽ y có thể bổ sung, trong tư tưởng của mình, những gì tất yếu phải thiếu vắng nơi bản vẽ trên cõi hồng trần. Tôi không chắc là tôi đồng tình với tác giả khi xem hình cầu là đơn giản hơn khối siêu lập phương; nhưng có lẽ điều đó chỉ vì tất cả các thí nghiệm bốn chiều trước đây của chúng tôi đều tiến hành với khối sau. Tôi cũng không chắc là có thể hoàn toàn tán thành nhận xét của tác giả rằng cái gọi là thị kiến bốn chiều là thị kiến liên hệ tới một quan niệm-không-gian phát sinh từ tri giác thị giác về mật độ; dù tôi nhớ một gợi ý của Ông Hinton rằng mật độ của một chất khí có thể là thước đo độ dày của nó trong chiều thứ tư.

In the same way we owe our author much thanks for his brave endeavour to give us some suggestion of the appearance of figures belonging to the fifth and sixth dimensions. Once more, we can hardly hope that they will convey much to those who have not seen; to those who have seen, they are, at the same time, tantalising and most suggestive. They begin to express just a little of what one has seen, but has never been able to describe; and yet they do not go far enough to convey anything definite to the student who has not seen. To say that is no reproach, for it is but to say that the writer is a human being working under human limitations; indeed he shows so singular an aptitude for the subject that one cannot but hope that he will some day turn his attention to it more seriously, and produce a book which may help the rest of us to understand as he evidently understands. It is

Tương tự, chúng ta rất biết ơn tác giả vì nỗ lực can đảm nhằm gợi cho chúng ta đôi chút về diện mạo của các hình thuộc chiều thứ năm và thứ sáu. Một lần nữa, ta khó hy vọng rằng chúng sẽ chuyên chở được bao nhiêu đến những ai chưa thấy; đối với những ai đã thấy, chúng vừa gây bứt rứt vừa vô cùng gợi ý. Chúng bắt đầu biểu đạt chỉ một chút ít của điều mà người ta đã thấy nhưng chưa bao giờ có thể mô tả; và dẫu vậy chúng vẫn chưa đủ đi xa để truyền đạt điều gì xác định cho đạo sinh chưa từng thấy. Nói vậy không phải là lời chê trách, vì chỉ có nghĩa rằng người viết là một con người đang làm việc trong những giới hạn của con người; thật vậy, ông cho thấy một thiên hướng đặc biệt đối với chủ đề này đến mức người ta không thể không hy vọng rằng một ngày kia ông sẽ nghiêm túc hơn nữa hướng tâm vào nó, và viết nên một cuốn sách có thể giúp phần còn lại của chúng ta hiểu như

given to but few to be able to grasp these matters at all, and so among those who can there is a certain brotherhood of comprehension - a brotherhood in which it is already evident that Mr. Van Manen may take a high place if he will.)

ông hiển nhiên đã hiểu. Chỉ có rất ít người có thể nắm bắt những điều này, và vì thế, giữa những người có thể, có một tình huynh đệ của sự thấu hiểu - một tình huynh đệ mà trong đó đã hiển lộ rằng Ông Van Manen có thể giữ một vị trí cao, nếu ông muốn.)

VIII. PHENOMENA OF THE HALF-AWAKENED STATE—VIII. HIỆN TƯỢNG CỦA TRẠNG THÁI NỬA THỨC

Here we enter an entirely new class of phenomena. All those previously enumerated belonged either to the fully awakened state of consciousness or to the dream state. There is a third state which hovers between the two. It is entered immediately before falling asleep and before fully waking up out of sleep. During part of my life I went to bed in the morning and woke up in the evening. I often stayed in bed for some time half asleep and half awake, partaking equally and vaguely of both sleep and waking consciousness. I observed my sensations with considerable interest, as they offered some curious characteristics.

Ở đây chúng ta bước vào một loại hiện tượng hoàn toàn mới. Tất cả những điều trước đó hoặc thuộc về trạng thái tâm thức hoàn toàn tỉnh thức, hoặc thuộc về trạng thái mộng. Có một trạng thái thứ ba lơ lửng giữa hai trạng thái ấy. Nó được bước vào ngay trước khi chìm vào giấc ngủ và trước khi hoàn toàn thức dậy khỏi giấc ngủ. Trong một phần đời tôi, tôi đi ngủ vào buổi sáng và thức dậy vào buổi tối. Tôi thường nằm trên giường một lúc trong trạng thái nửa ngủ nửa thức, dự phần một cách mơ hồ và ngang nhau vào cả tâm thức ngủ lẫn tâm thức thức. Tôi quan sát các cảm giác của mình với sự quan tâm đáng kể, vì chúng biểu hiện vài đặc điểm kỳ thú.

VIII.16. Brain Dramatisations. The first characteristic seems to me the dramatic form in which consciousness manifests in that state. I was always aware of persons and things, and actions, but I do not remember instances of argument or reasoning or feelings and moods.

VIII.16. Những Cảnh Kịch hoá của Bộ não. Đặc điểm đầu tiên đối với tôi dường như là hình thức kịch tính mà trong đó tâm thức biểu lộ ở trạng thái ấy. Tôi luôn ý thức có người và vật, và các hành động, nhưng tôi không nhớ có những trường hợp biện luận hay lý lẽ, hoặc các cảm xúc và tâm trạng.

VIII.17. Bliss - of a Sort. A second characteristic is that of perfect bliss. This is difficult to describe, if we wish to avoid the little less or the little more. The feeling' is one of perfect contentment in the sensation of sheer existence. There is no thought of past or future, only a sort of clinging to the present state of well-being. One feels that one does not

VIII.17. Hỷ lạc – theo một nghĩa. Đặc điểm thứ hai là hỷ lạc hoàn toàn. Điều này khó tả, nếu ta muốn tránh nói quá hay nói thiếu. Cảm giác là một sự mãn túc tuyệt đối trong cảm nghiệm của chính sự hiện hữu. Không có ý nghĩ về quá khứ hay tương lai, chỉ là một kiểu bám chặt vào trạng thái an lạc hiện tiền. Người ta cảm thấy không muốn bất kỳ thay đổi nào; người

want any change; one feels mere life as absolutely self-sufficient. There is a complete absence of any feeling of responsibility, and of any duty or relation to anything outside. In a certain sense one might say that one sinks in these moments to the purely animal state, and I should not be surprised if the consciousness of a well-fed cat basking in the sun offered points of affinity with this state. I suppose here we possibly come in contact with a layer of consciousness in ourselves which we have in common with the animal, and which under ordinary circumstances is obscured by the specifically human element of consciousness. This state I know only as occurring after, and never before, sleep.

ta cảm thấy sự sống thuần túy là hoàn toàn tự đủ. Hoàn toàn vắng bóng bất kỳ cảm thức trách nhiệm nào, và mọi bổn phận hay liên hệ với bất cứ điều gì bên ngoài. Theo một nghĩa nào đó có thể nói rằng trong những khoảnh khắc này người ta chìm xuống trạng thái thuần thú, và tôi sẽ không ngạc nhiên nếu tâm thức của một con mèo no nê phơi nắng có những điểm tương ứng với trạng thái này. Tôi cho rằng ở đây chúng ta có thể chạm vào một lớp tâm thức trong chính mình mà chúng ta có chung với loài vật, và vốn trong những hoàn cảnh bình thường bị yếu tố đặc thù nhân loại trong tâm thức che khuất. Trạng thái này tôi chỉ biết như xảy ra sau, và không bao giờ trước, giấc ngủ.

[CWL note] (We may take together the sixteenth and seventeenth experiences, because they are in fact only two sides of the same thing - the realisation of purely physical consciousness in a condition of repose and happiness. Many have experienced the blissful feeling between sleep and waking, and it is often accompanied by the knowledge that fuller awakening will put an end to it; so that one is conscious of a desire to prolong it - of a hope that one will not be too soon further awakened. This condition comes only after sleep and never before it, because it expresses the condition of bliss attained by the physical body *through the process of sleep*. Our author is quite right in describing this as animal consciousness, for it is precisely the condition of the animal resting undisturbed. It is the natural joy of life - the joy which habitually attends all life when in repose. It is only we human beings who contrive to make of life a misery; and even we can only do it by getting away from the realities and creating for ourselves wholly artificial conditions. It is quite natural that, in the blissful life of the physical body, feelings and emotions, arguments and reasonings should have no

[Ghi chú của CWL] (Chúng ta có thể xem chung trải nghiệm thứ mười sáu và mười bảy, vì thực ra chúng chỉ là hai mặt của cùng một điều - sự nhận thức về tâm thức thuần túy hồng trần trong một điều kiện thư thái và hạnh phúc. Nhiều người đã từng trải cảm giác hỷ lạc giữa giấc ngủ và sự thức dậy, và nó thường kèm theo nhận biết rằng sự thức tỉnh trọn vẹn sẽ đặt dấu chấm hết cho nó; đến nỗi người ta ý thức một ước muốn kéo dài nó - một hy vọng rằng mình sẽ không bị đánh thức thêm quá sớm. Trạng thái này chỉ đến sau giấc ngủ và không bao giờ trước đó, vì nó biểu lộ tình trạng hỷ lạc mà thể xác đạt được *nhờ tiến trình của giấc ngủ*. Tác giả hoàn toàn đúng khi mô tả đây là tâm thức thú tính, vì đó chính là tình trạng của con vật đang nghỉ ngơi không bị quấy nhiễu. Đó là niềm vui tự nhiên của sự sống - niềm vui vốn theo thói quen đi cùng mọi sự sống khi ở trạng thái an nghỉ. Chỉ riêng chúng ta, những con người, lại xoay xở biến sự sống thành nỗi khổ; và ngay cả chúng ta cũng chỉ có thể làm điều đó bằng cách lìa xa các thực tại và tự tạo cho mình những điều kiện hoàn toàn giả tạo. Việc trong đời sống hỷ lạc của thể xác, các cảm xúc, tình cảm, lý lẽ và biện luận không có chỗ đứng là điều rất tự nhiên. Thể xác như thế

part. The physical body as such is incapable of these, and they are mirrored in its brain only when the man himself once more takes full possession of his vehicle, bringing along with him the mental and astral bodies which are their proper vehicles.)

bất năng đối với những điều ấy, và chúng chỉ được phản chiếu trong bộ não khi chính con người một lần nữa chiếm trọn vận cụ của mình, mang theo thể trí và thể cảm dục là các vận cụ thích đáng của chúng.)

VIII.18. A Piece of Mysterious Tapestry . Several times before falling asleep I saw a quaint picture somewhat resembling a piece of ancient tapestry. I could never see clearly what it was, but recognised it as the same as the one I had previously seen. It was very vivid, and gradually I formed the habit, when it showed itself again, of trying to the utmost to make out what it really was. I have never succeeded in determining its nature or origin, or its relations to anything else. I saw this, of course, only with the eyes shut, but always when I was on the point of piercing its meaning it would dissolve and nothing would be left. I have also, at various times, seen other ornamental patterns, looking as if in marble or cloth, of a like nature, but never have I found a meaning for them. A friend with whom I discussed this matter suggested that it may have been a purely physiological phenomenon, connected with the nervation of the retina and some stimulation and reaction of these nerves. As to this, I can only record but not explain. This class of visions I only recall as recurring before falling asleep, never after waking.

VIII.18. Một Mảnh Thảm thêu Huyền bí**.** Vài lần trước khi chìm vào giấc ngủ, tôi thấy một bức tranh lạ tựa như một mảnh thảm thêu cổ xưa. Tôi chưa bao giờ thấy rõ nó là gì, nhưng nhận ra rằng đó chính là cái mà trước đó tôi đã từng thấy. Nó rất sống động, và dần dần tôi hình thành thói quen, mỗi khi nó lại hiện ra, là cố gắng hết sức để nhận ra nó thực sự là gì. Tôi chưa từng thành công trong việc xác định bản chất hay nguồn gốc của nó, hay các liên hệ của nó với bất cứ điều gì khác. Tôi dĩ nhiên chỉ thấy điều này khi mắt nhắm, nhưng luôn luôn ngay khi tôi sắp xuyên thấu ý nghĩa của nó thì nó tan biến và chẳng còn gì nữa. Tôi cũng đã, vào nhiều lúc khác nhau, thấy những hoa văn trang trí khác, trông như trên đá cẩm thạch hay vải vóc, có cùng bản chất, nhưng tôi chưa bao giờ tìm thấy ý nghĩa nào cho chúng. Một người bạn, người mà tôi đã trao đổi về vấn đề này, gợi ý rằng đó có thể chỉ là một hiện tượng sinh lý thuần túy, liên quan tới sự chi phối thần kinh của võng mạc và một số kích thích và phản ứng của các dây thần kinh ấy. Về điều này, tôi chỉ có thể ghi nhận chứ không giải thích. Loại thị kiến này tôi chỉ nhớ như lặp lại trước khi chìm vào giấc ngủ, chưa từng sau khi thức dậy.

[CWL note] (The eighteenth experience is not one which has fallen to my lot, but I have heard something like it described by several other persons. It may be purely physiological, as the writer's friend suggested; but I should be inclined to class it rather under the head of that higher physiology which takes cognisance of the astral and mental vehicles. It is true that under certain conditions the

[Ghi chú của CWL] (Trải nghiệm thứ mười tám không phải là điều đã xảy đến với tôi, nhưng tôi đã nghe một vài người khác mô tả điều gì đó tương tự. Nó có thể thuần túy sinh lý, như người bạn của tác giả đã gợi ý; nhưng tôi nghiêng về xếp nó vào loại sinh lý học cao hơn, vốn ghi nhận đến các vận cụ cảm dục và trí tuệ. Đúng là trong những điều kiện nhất định, mi mắt có thể cho một ấn tượng như đã mô tả;

eyelids give some such impression as is described; but I think that is only when there is some light in the room. The colours of a man's own aura when seen against a dark background have sometimes very much the appearance of tapestry; and when they are moving slowly, as is often the case when one is just falling asleep, they could be made into pictures as easily as the clouds or the glowing hollows in a fire. Again, every man surrounds himself with a mass of thought-forms, which he is able to see clearly when he uses the consciousness of the mental body or the astral body, according to the type of thought and the level at which the forms were made. But when his consciousness is in a transition state, half on one plane and half on another, it is eminently probable that these also may present the appearance of a confused pattern. As one glides fully into the higher consciousness, these things become comprehensible, but just at that very moment one loses one's connection with the physical brain and consequently there is usually no coherent recollection.)

nhưng tôi nghĩ đó chỉ là khi trong phòng có một chút ánh sáng. Màu sắc của chính hào quang một người khi được thấy trên nền tối đôi khi có dáng vẻ rất giống thảm thêu; và khi chúng chuyển động chậm, như thường xảy ra khi người ta sắp chìm vào giấc ngủ, chúng có thể được kết thành hình ảnh dễ dàng như mây trời hay những hốc than hồng rực trong lửa. Mặt khác, mỗi người tự bao quanh mình bởi cả một khối hình tư tưởng, mà y có thể thấy rõ khi dùng tâm thức của thể trí hoặc thể cảm dục, tùy thuộc vào loại tư tưởng và cấp độ nơi các hình được tạo. Nhưng khi tâm thức ở trong trạng thái chuyển tiếp, nửa ở cõi này nửa ở cõi khác, thì rất có khả năng những thứ ấy cũng sẽ hiện ra như một hoa văn lẫn lộn. Khi người ta trượt trọn vào tâm thức cao hơn, các điều này trở nên khả hiểu, nhưng đúng vào khoảnh khắc ấy, người ta mất nối kết với bộ não hồng trần và vì thế thường không có ký ức mạch lạc.)

VIII.19. A Sheet of the Vâhan. Once before falling wholly asleep I saw before me one or two pages of *The Vâhan*, as clear as anything. The front page began with an article by an acquaintance of mine, ran on to the next page and was signed with his name. I noticed exactly at what part of the column his name was, *i.e.*, where the article ended. The impression was clear and definite, but up to date no number of *The Vâhan* has appeared with such an article, though the vision belongs by now to ancient history. What I should like to know is, how does such a definite and detailed delusion arise?

VIII.19. Một Trang của The Vâhan. Một lần, trước khi hoàn toàn chìm vào giấc ngủ, tôi thấy trước mắt một hay hai trang của *The Vâhan*, rõ như bất cứ vật gì. Trang bìa mở đầu bằng một bài viết của một người quen của tôi, chạy tiếp sang trang sau và được ký tên ông. Tôi chú ý chính xác vị trí tên ông trong cột, *tức là*, nơi bài viết kết thúc. Ấn tượng rõ ràng và xác định, nhưng cho đến nay chưa có số *The Vâhan* nào xuất hiện với một bài như vậy, dù thị kiến ấy nay đã thuộc về "cổ sử". Điều tôi muốn biết là: làm sao một ảo giác xác định và chi tiết đến thế lại phát sinh?

That the above phenomenon is not rare is proven by the following extract from an article on 'Psychic Experiences' by John W.

Rằng hiện tượng trên không hiếm được chứng minh bởi đoạn trích sau từ một bài viết về "Những Trải nghiệm Thông linh" của John W.

Prentice in *Theosophy in Australasia* for March 1913 (Vol. XVIII, No.12). It furnishes a welcome commentary on my own case and adds material for comparison and judgment.

Prentice trên tạp chí *Theosophy in Australasia* số tháng Ba năm 1913 (Tập XVIII, Số 12). Nó cung cấp một lời bình hoan nghênh cho trường hợp của riêng tôi và thêm chất liệu để so sánh và phán đoán.

"On one occasion I was shown a page of *The Theosophist* on which an important statement, bearing on a matter that was greatly worrying me, appeared. This dream served to quieten my mind greatly, and when *The Theosophist* came to hand about three weeks after, with the page exactly as I had seen it, I believed that I had developed a most trustworthy power; but since then many such pages have been shown me, and still wait verification."

"Một lần, tôi được cho xem một trang của *The Theosophist* trên đó xuất hiện một tuyên bố quan trọng, liên hệ đến một vấn đề đang làm tôi rất băn khoăn. Giấc mơ này giúp làm dịu tâm tôi rất nhiều, và khi *The Theosophist* đến tay khoảng ba tuần sau, với trang y như tôi đã thấy, tôi tin rằng mình đã phát triển một năng lực hết sức đáng tin cậy; nhưng từ đó đến nay nhiều trang như thế đã hiện ra với tôi, và vẫn đang chờ được kiểm chứng."

The author extracts from this the very commonsense conclusion: "From all this I learnt two very valuable lessons; first, never to place any value on what may be called the practical side of such experience (we would prefer "never to rely absolutely on the value of," etc.), and in the second place never to discuss them with other people." (We would say: "never to discuss them indiscriminately or broadcast.")

Tác giả rút ra từ đây kết luận rất hợp lẽ: "Từ tất cả điều này, tôi học được hai bài học hết sức quý báu; thứ nhất, đừng bao giờ đặt trọng lượng vào cái có thể gọi là mặt thực dụng của trải nghiệm như thế (chúng tôi thích nói 'đừng bao giờ tuyệt đối cậy vào giá trị của,' v.v.), và thứ hai là đừng bao giờ thảo luận chúng với những người khác." (Chúng tôi sẽ nói: "đừng bao giờ thảo luận chúng một cách bừa bãi hay tung ra khắp nơi.")

[CWL note] (Vision No. 19 is a specimen of a class by no means uncommon - a clear and definite presentation of something which seems to have no correspondence on the physical plane. Evidently the seer expected that this would prove to be a prognostication of reality; and indeed that was a most natural conclusion, for such forecasts frequently show themselves in precisely that sort of way. Without having actually seen the phenomenon oneself, it is impossible to contradict that hypothesis. It may even yet come true! But it is also possible that what was seen was merely a vivid thought-form. It may be that the friend whose name was seen may

[Ghi chú của CWL] (Thị kiến số 19 là một mẫu mực của một loại hoàn toàn không hiếm - một trình hiện rõ ràng và xác định về điều gì đó dường như không có tương ứng nào trên cõi hồng trần. Rõ ràng người thấy trông đợi rằng đây sẽ hóa ra là một lời dự báo về hiện thực; và quả thật, đó là kết luận hết sức tự nhiên, vì những dự báo như vậy thường tự biểu hiện đúng bằng lối đó. Nếu không tận mắt thấy hiện tượng này, thì không thể bác bỏ giả thuyết ấy. Thậm chí nó còn có thể thành sự thật về sau! Nhưng cũng có thể cái được thấy chỉ là một hình tư tưởng sinh động. Có thể người bạn mà tên ông đã được thấy đã từng có ý viết một bài như thế, và đã nghĩ về nó như

have had it in mind to write such an article, and may have thought of it as occupying about that much of space. Or again, it may have been that the editor of the paper desired such an article, or that some third or fourth person thought that it ought to be written by that friend. There are quite a number of possibilities, but without actually seeing the form it is scarcely possible to pronounce upon it with any safety. Precisely this is frequently an embarrassment in attempting to explain psychic experiences - not that there is any difficulty in accounting for them, but that it is scarcely possible, with the amount of information given, to make the right selection among half a dozen ways in which the effect might have been produced.

chiếm chừng ấy dung lượng. Hoặc cũng có thể là biên tập viên của tờ báo mong muốn một bài như vậy, hoặc một người thứ ba, thứ tư nào đó đã nghĩ rằng nó nên được viết bởi người bạn ấy. Có khá nhiều khả năng, nhưng nếu không trực tiếp thấy hình tướng ấy thì hầu như không thể phán đoán an toàn.

Our author in his concluding words upon this experience seems to favour an explanation which is, I suppose, not impossible, but is nevertheless perhaps the least likely of all solutions - the idea that the whole thing is simply a delusion, which I take to imply that it was an objectless prank of the imagination. It is difficult to suppose this, for in such a sense as that there are very few delusions. Some one must have thought of such an article, and must have thought of it with a certain amount of precision; and it is eminently improbable that he could have done so with the set purpose of deceiving our author, for what could he possibly gain by so foolish an action? It is true that certain classes of nature-spirits occasionally play apparently aimless pranks; but after a little experience of them, one learns to identify their handiwork without much difficulty, and this particular joke is by no means in their style.)

Trong lời kết về trải nghiệm này, tác giả dường như nghiêng về một cách giải thích mà, tôi cho là không phải bất khả, nhưng có lẽ là ít khả dĩ nhất trong mọi lời giải - ý tưởng cho rằng toàn bộ sự việc đơn giản là một ảo giác, mà tôi hiểu hàm ý là một trò đùa vô mục đích của trí tưởng tượng. Thật khó mà giả định như vậy, vì theo nghĩa đó thì có rất ít ảo giác. Hẳn đã có ai đó nghĩ về một bài như vậy, và nghĩ về nó với một mức độ xác định nào đó; và thật hết sức khó tin rằng người đó lại làm như thế với mục đích lừa dối tác giả của chúng ta, vì y ta có thể được gì từ hành động dại dột như vậy? Đúng là một số lớp tinh linh thiên nhiên đôi khi bày những trò đùa có vẻ vô nghĩa; nhưng chỉ sau một chút kinh nghiệm về chúng, người ta sẽ học được cách nhận ra "bút tích" của chúng mà không mấy khó khăn, và trò đùa đặc thù này chẳng hề thuộc phong cách của chúng.)

VIII.20. On the Verge. Another characteristic of this half-between state is that the majority of its. pictures are themselves of an ambiguous nature. Very often indeed I was

VIII.20. Bên Lằn Ranh. Một đặc điểm khác của trạng thái lưng chừng này là đa số các bức tranh của nó tự thân mang bản chất nhập nhằng. Rất thường xuyên, tôi ý thức có những

aware of crowds of people moving about, of figures showing themselves, of actions going on, together with the sensation that what happened was not clearly intelligible and that persons and things were not clearly visible. They were, so to say, just on the verge of definite perception, but remained always at an infinitesimal distance beyond the boundary of full recognition. I felt all the time that one last effort would make the whole thing clear, but precisely this effort would either wake me fully up or disperse the picture. My position was that of some dream-Tantalus. The exact meaning, the exact vision, would ever elude my grasp, but there remained always the endeavour to make one more final effort, always without result.

đám đông người chuyển động, có các hình bóng xuất hiện, có những hành động diễn ra, cùng với cảm giác rằng những gì xảy ra là không rõ ràng khả hiểu và rằng người và vật không hiển hiện minh bạch. Chúng, nói vậy, chỉ ở ngay bên lằn ranh của tri giác xác định, nhưng luôn luôn ở cách ranh giới của nhận thức trọn đủ một khoảng vô cùng nhỏ. Tôi luôn cảm thấy rằng chỉ cần một nỗ lực sau cùng là sẽ làm rõ được toàn bộ, nhưng chính nỗ lực ấy hoặc sẽ đánh thức tôi hoàn toàn hoặc làm tan biến bức tranh. Vị thế của tôi là vị thế của một Tantalus trong mộng. Ý nghĩa chính xác, thị kiến chính xác, cứ mãi trốn tránh tầm với của tôi, nhưng luôn còn đó một nỗ lực muốn thêm một lần quyết liệt lần cuối, luôn luôn vô hiệu.

In conclusion, I think that, on the whole, there is a difference between the half-awake consciousness before falling asleep and that after emerging from sleep.

Kết luận lại, tôi nghĩ rằng, xét chung, có một khác biệt giữa tâm thức nửa tỉnh trước khi chìm vào giấc ngủ và tâm thức nửa tỉnh sau khi thức dậy.

[CWL note] (The twentieth paragraph gives us another prominent characteristic of the visions and impressions which come to a man just as he is falling asleep. He has the idea that a great deal is going on - that much motion is taking place - but the exact meaning of it all eludes him; and when be is on the brink of understanding, he either loses consciousness or finds that the visions slip away from him. But 'these are precisely the only terminations which in the course of nature can come to that half-awake condition. The man's consciousness is half in his physical vehicle and half in the astral, and consequently everything belonging to the latter world is only half seen and realised. The escape from that intermediate condition must be either forwards or backwards; either the man falls backwards into the waking state, and then the half-grasped astral appearances vanish, or he must pass forwards into full astral

[Ghi chú của CWL] (Đoạn thứ hai mươi cho chúng ta một đặc trưng nổi bật khác của những thị kiến và ấn tượng đến với một người ngay lúc y sắp chìm vào giấc ngủ. Y có cảm tưởng rằng có rất nhiều điều đang diễn ra— rằng có nhiều chuyển động đang xảy ra— nhưng ý nghĩa chính xác của tất cả điều ấy lại lẩn tránh y; và khi y ở bờ mép của sự thấu hiểu, hoặc y mất tâm thức hoặc nhận ra rằng những thị kiến trượt khỏi y. Nhưng "đó chính là những kết cục duy nhất mà theo lẽ tự nhiên có thể đến với tình trạng nửa tỉnh ấy. Tâm thức của người ấy nửa ở trong vận cụ hồng trần và nửa ở trong cõi cảm dục, do đó mọi sự thuộc về thế giới sau chỉ được bán thấy và bán nhận. Lối thoát khỏi tình trạng trung gian ấy hoặc phải tiến lên hoặc lùi lại; hoặc người ấy rơi lùi vào trạng thái thức, và lúc đó những hình tướng cảm dục nắm bắt được một nửa sẽ tan biến, hoặc y phải đi tới tâm thức cảm dục trọn vẹn, trong trường hợp ấy y cắt lìa liên hệ với bộ não

consciousness, in which case he severs his connection with the physical brain and loses all memory of what happens. I mean, of course, not that the man himself loses the memory at the time, for he passes straight on into the fuller consciousness; but when he returns to the physical brain in the morning, he finds that just at that point his memory stops. There is a third way out - the development of continuous consciousness; but that means a great deal of patient experiment and much hard work.)

hồng trần và đánh mất mọi ký ức về những gì xảy ra. Ý tôi, dĩ nhiên, không phải là chính con người ấy mất ký ức ngay lúc đó, vì y tiến thẳng vào tâm thức đầy đủ hơn; mà là khi y trở về với bộ não hồng trần vào buổi sáng, y thấy rằng ngay tại điểm đó ký ức của y dừng lại. Có một lối thoát thứ ba—phát triển tâm thức liên tục; nhưng điều ấy đòi hỏi rất nhiều thực nghiệm nhẫn nại và lao động gian khổ.)

IX. False Dreams—IX. Những Giấc mơ Giả

One of the most instructive dreams I ever had was a false one. It was so vivid, was followed by such detailed and profuse physical-plane corroborations, involved such seemingly strong occult authority, that the lesson I received when I learnt that the whole affair was untrustworthy became very precious to me; and struck a note of caution which I shall always remember in dealing with psychic or superphysical matters.

Một trong những giấc mơ dạy dỗ tôi nhiều nhất lại là một giấc mơ giả. Nó sống động đến mức lạ thường, lại được tiếp nối bởi những xác chứng ở cõi hồng trần chi tiết và dồi dào, liên quan đến thẩm quyền huyền bí có vẻ rất mạnh mẽ, đến nỗi bài học tôi nhận được khi biết rằng toàn bộ sự việc không đáng tin trở nên vô cùng quý báu đối với tôi; và gióng lên một âm điệu cảnh giác mà tôi sẽ luôn ghi nhớ khi xử lý các vấn đề thông linh hay siêu vật lý.

For obvious reasons I cannot here indicate names; this would be bad taste and indiscreet, as too intimate feelings are connected with the story. I shall therefore indicate my personages by the letters of the alphabet.

Vì những lý do hiển nhiên, tôi không thể nêu tên ở đây; làm thế là khiếm nhã và thiếu thận trọng, vì có những cảm xúc quá thân mật gắn với câu chuyện. Do đó, tôi sẽ ký hiệu các nhân vật của mình bằng các chữ cái trong mẫu tự.

IX.21. A Salutary Object Lesson. X was a person enjoying the highest respect in a circle of friends, named A, B, C, etc., all of whom regarded X more as a guru, teacher, guide, and a highly evolved Occultist than as an equal. I myself had also a very high regard for X, but had come to the conclusion that I must base my estimate of him on all such good and noble qualities as I myself recognised and saw manifested in him, and not on any claim on his behalf of occult greatness or hidden

IX.21. Một Bài Học Cảnh Tỉnh Bổ Ích. X là một người được trọng vọng bậc nhất trong một vòng bạn hữu, ký hiệu A, B, C, v.v., tất cả đều xem X như một guru, một huấn sư, một người dẫn dắt và một nhà huyền bí học tiến hóa cao, hơn là một người ngang hàng. Bản thân tôi cũng rất kính trọng X, nhưng đi đến kết luận rằng tôi phải đặt đánh giá của mình về y trên tất cả những phẩm hạnh tốt đẹp và cao quý mà chính tôi nhận ra và thấy biểu lộ nơi y, chứ không dựa trên bất kỳ lời tuyên xưng nào thay

attainments. X died, and fairly soon after his death I had a particularly vivid dream in which Mrs. Besant visited me - she was unmistakably and most livingly represented - and chid me for having undervalued X during his lifetime. She added: “If you had only known how great he was, and who he has been, you would have honoured him more.” My answer was to the effect that I was sorry if I had underestimated him, but that I was not able to do better than to recognise greatness to the extent that I realised it myself, and that it was not possible to appreciate qualities which I only knew by reputation and not by experience. And I asked who then X had been. Mrs. Besant answered that X had been Julius Caesar and Marcus Aurelius.

cho y về sự vĩ đại huyền bí hay những thành tựu ẩn tàng. X qua đời, và chẳng bao lâu sau khi y mất, tôi có một giấc mơ đặc biệt sinh động trong đó Bà Besant đến thăm tôi—hình bóng Bà hiện lên rõ ràng và sống động không thể lầm lẫn—và quở trách tôi vì đã xem nhẹ X trong đời y. Bà nói thêm: “Nếu anh chỉ biết y vĩ đại dường nào, và y đã từng là ai, hẳn anh đã tôn kính y nhiều hơn.” Câu trả lời của tôi đại ý rằng tôi rất tiếc nếu tôi đã đánh giá thấp y, nhưng tôi không thể làm gì hơn ngoài việc thừa nhận sự vĩ đại tới mức tôi tự mình nhận ra, và rằng không thể trân trọng những phẩm chất mà tôi chỉ biết qua lời đồn chứ không qua kinh nghiệm. Và tôi hỏi vậy X đã từng là ai. Bà Besant đáp rằng X đã từng là Julius Caesar và Marcus Aurelius.

Next day I told this dream to A, who congratulated me on having had it and told me it was true. When I told the dream to B, he told me that already twenty years ago the same message had come to him through spiritualistic channels. Some time later C told me that she had heard a voice adding another incarnation (I withhold details of this for certain reasons) and D told me that Master K. H. Himself had come to him one day at noon (in meditation, I think) and had also given the two identifications which I received from Mrs. Besant in my dream. Now, previously, in my waking consciousness, I knew nothing of the existence of these identifications; only later I became aware that the circle of friends (A, B, C, etc.) had an elaborate list of identifications of various incarnations of X.

Ngày hôm sau tôi kể giấc mơ này cho A, người chúc mừng tôi vì đã có nó và nói với tôi rằng điều đó là đúng. Khi tôi kể giấc mơ cho B, y nói với tôi rằng cách đây đã hai mươi năm y đã nhận được cùng một thông điệp qua các kênh thần linh học. Vài lâu sau C nói với tôi rằng cô đã nghe một giọng nói bổ sung một hóa thân khác (vì một số lý do tôi giữ kín chi tiết này) và D nói với tôi rằng chính Chân sư KH một ngày nọ vào buổi trưa (tôi nghĩ là trong lúc tham thiền) đã đến với y và cũng đưa ra hai xác nhận mà tôi nhận được từ Bà Besant trong giấc mơ. Trước đó, trong tâm thức thức tỉnh của mình, tôi hoàn toàn không biết đến sự tồn tại của những xác nhận này; chỉ về sau tôi mới biết rằng vòng bạn hữu (A, B, C, v.v.) có một danh mục công phu về các xác nhận những hóa thân khác nhau của X.

Mrs. Besant, whom I met for the first time two years after the experience, denied that she had visited and given me the above information, and Mr. Leadbeater traversed the correctness of the identifications. Nevertheless there remained the fact that in my dream I was told two names which were known in this

Bà Besant, người mà tôi gặp lần đầu tiên hai năm sau trải nghiệm ấy, phủ nhận rằng Bà đã đến thăm và cho tôi biết các thông tin trên, và Ông Leadbeater thì bác bỏ tính đúng đắn của những xác nhận ấy. Tuy nhiên, vẫn còn đó sự kiện rằng trong giấc mơ tôi đã được cho biết hai cái tên vốn được vài người khác biết trong

connection to some other people; and further that some of these names had been communicated to some of these people at various periods, by various means, and in one case seemingly by one of the Masters.

My own guess at what really happened is as follows A had his information from his own power to look up incarnations. He was 'occultly' closest to X, and his chief disciple, as it were. He may have regretted that I was not sufficiently strong in the faith, and may have thought: "He does not believe me; perhaps he will believe when A. B. tells him. I wish that A. B. *would* tell him." Falling asleep with this strong wish, he may. have assumed Mrs. Besant's form on the astral plane and spoken to me himself, with the result as related above. This is only a surmise and goes no further than this. At all events, seeing the clearness and vividness of the impression, the outside physical plane corroboration, and the *mise-en-scène* of Master K. H., this experience has been a formidable warning to me, which I.am indeed thankful to have received.

[CWL note] (In the case of the twenty-first experience, the explanation given by the author himself is distinctly the most probable. It may be said that, if this be true, no one may safely trust to any astral impression, as it is always possible that there may be a case of personation. That is true; personation is undoubtedly much easier in the astral world than in the physical, and only a trained Occultist is thoroughly armed against it. This is a fact which all students of the occult have to face, and it is for this reason that emphatic warnings have been constantly given against placing undue reliance upon information conveyed in this manner. We shall all remember the advice given so decidedly by Aryasangha in *The Voice of the Silence*: "Look not for thy Guru in those mayavic regions." It

mối liên hệ này; hơn nữa, một số tên trong đó đã được truyền đạt cho một vài người này ở những thời điểm khác nhau, bằng nhiều phương tiện khác nhau, và trong một trường hợp dường như bởi một trong các Chân sư.

Phỏng đoán riêng của tôi về điều thực sự đã xảy ra như sau: A có thông tin của mình từ chính năng lực tra cứu các hóa thân. "Về mặt huyền bí", y gần gũi với X nhất, như thể là đệ tử chính của y. Có thể y đã tiếc rằng tôi không đủ vững tin, và có thể đã nghĩ: "Anh ta không tin tôi; có lẽ anh ta sẽ tin khi A. B. nói với anh ta. Ước gì A. B. *nói* với anh ta." Khi chìm vào giấc ngủ với ước muốn mạnh mẽ ấy, y có thể đã khoác lấy hình dạng của Bà Besant trên cõi cảm dục và tự mình nói chuyện với tôi, đưa đến kết quả như đã kể trên. Đây chỉ là một phỏng đoán và không đi xa hơn thế. Dù sao đi nữa, xét đến độ rõ ràng và sống động của ấn tượng, sự xác chứng bên ngoài ở cõi hồng trần, và *bối cảnh dàn dựng* liên quan đến Chân sư KH, trải nghiệm này đã là một lời cảnh tỉnh nghiêm khắc đối với tôi, mà thực sự tôi rất biết ơn vì đã nhận được.

[Ghi chú của CWL] (Trong trường hợp trải nghiệm thứ hai mươi mốt, lời giải thích do chính tác giả đưa ra rõ ràng là khả dĩ nhất. Có thể nói rằng, nếu điều đó là đúng, thì không ai có thể an toàn tin cậy vào bất kỳ ấn tượng cảm dục nào, vì luôn có khả năng xảy ra trường hợp mạo danh. Điều đó đúng; mạo danh ở cõi cảm dục không nghi ngờ gì dễ hơn ở cõi hồng trần, và chỉ một nhà huyền bí học được đào luyện mới có thể hoàn toàn được trang bị chống lại nó. Đây là một sự kiện mà mọi đạo sinh huyền bí đều phải đối mặt, và chính vì thế mà những lời cảnh báo cương quyết đã liên tục được đưa ra chống lại việc đặt quá nhiều tin cậy vào thông tin được truyền đạt theo cách này. Chúng ta đều nhớ lời khuyên được Aryasangha đưa ra rất dứt khoát trong *Tiếng Nói của Im Lặng*: "Đừng tìm Minh sư của con

is of course perfectly possible that any member may meet our President at night in the astral world, and obtain from her valuable information or teaching; but it is also true that the average member has no guarantee that it is really the President whom he has seen, or that, even if it were she, he has brought through the message correctly. It is part of the training of the Occultist to learn how to detect impostures. The only absolutely certain way of doing this is to trace the ego behind the figure which is seen and to be able to do this naturally requires the unfolding of the faculties of the causal body. Short of that, one may develop an instinct with regard to a particular person which is usually reliable - usually, but not invariably; but for most members it is emphatically advisable to write and obtain confirmation on the physical plane when the matter is of any importance.

trong những miền ảo lực ấy." Tất nhiên hoàn toàn có thể là bất kỳ hội viên nào cũng có thể gặp Chủ tịch của chúng ta vào ban đêm ở cõi cảm dục, và nhận từ Bà những thông tin hay chỉ dạy quý giá; nhưng cũng đúng là người hội viên trung bình không có đảm bảo rằng quả thật đó là chính vị Chủ tịch mà y đã thấy, hoặc dẫu có là Bà đi nữa, y đã truyền đạt lại thông điệp cho não bộ một cách đúng đắn. Một phần của sự đào luyện nhà huyền bí học là học cách phát hiện các trò lừa mị. Cách tuyệt đối chắc chắn duy nhất để làm điều này là lần theo chân ngã đứng đằng sau hình bóng được thấy, và để làm được điều đó một cách tự nhiên, tất yếu đòi hỏi sự khai mở các năng lực của thể nguyên nhân. Thiếu điều ấy, người ta có thể phát triển một trực giác liên hệ đến một cá nhân nhất định vốn thường đáng tin—thường thôi, chứ không phải luôn luôn; nhưng đối với đa số hội viên thì rất nên viết thư và nhận xác nhận trên cõi hồng trần khi vấn đề có tầm quan trọng nào đó.

I may mention that I myself well knew and greatly liked the character named X; but he had not the slightest resemblance either to Julius Caesar or Marcus Aurelius.

Tôi có thể nói thêm rằng chính tôi rất hiểu và rất quý mến nhân vật mang tên X; nhưng y chẳng có chút giống nào, dù là nhỏ nhất, với Julius Caesar hay Marcus Aurelius.

Students should endeavour to realise that the mere possession of astral sight no more enables them to judge accurately on astral matters than the physical sight of a newly-born baby gives him an accurate impression of physical distance. Much undeserved discredit has been cast upon occult study by the blind belief of its neophytes in the accuracy of everything which they happen to see and to hear in their earlier astral experiences.)

Các đạo sinh nên cố gắng nhận ra rằng chỉ sở hữu thị kiến cảm dục không khiến họ có khả năng phán đoán chuẩn xác về các vấn đề cảm dục, cũng như thị giác thể chất của một đứa trẻ sơ sinh không cho nó một ấn tượng chính xác về khoảng cách vật lý. Nhiều tai tiếng không đáng đã đổ lên việc học hỏi huyền bí do niềm tin mù quáng của những người sơ cơ vào tính chính xác của mọi điều họ tình cờ thấy và nghe trong những trải nghiệm cảm dục buổi đầu của mình.)

X. MUSICAL FORMS—X. CÁC HÌNH THỂ ÂM NHẠC

Of visual impressions akin to Mr. Leadbeater's

Về những ấn tượng thị giác tương tự các mô tả

descriptions and pictures in the book on *Thought-Forms*, I have experienced none. Music sometimes *suggests* forms to me, but without accompanying vision. There is a phrase in the *Kreuzer Sonata*, for instance, which suggests a waterfall or a big wave breaking with a deep boom. Such suggested forms, however, I do not intend to describe. They seem to belong to the simpler and more exterior forms of mechanical association.

và bức vẽ của Ông Leadbeater trong cuốn *Hình Tư Tưởng*, tôi thì không có trải nghiệm nào. Âm nhạc đôi khi *gợi* cho tôi những hình thể, nhưng không kèm theo thị kiến. Có một câu nhạc trong *Bản Sonata Kreutzer*, chẳng hạn, gợi lên một thác nước hay một con sóng lớn đang vỡ tung với tiếng ầm trầm sâu. Tuy nhiên, tôi không có ý định mô tả những hình thể do gợi ý như vậy. Chúng dường như thuộc về những dạng liên tưởng máy móc đơn giản và bề ngoài hơn.

X.22. A Cathedral and Angels. In Amsterdam I once heard Bach's *Missa Solemnis* executed by Mengelberg's famous band. At a given stage I saw the walls of a magnificent Gothic cathedral slowly arise. The lines and disposition of these walls were in harmony with the strains of the music, and as the music proceeded so did the walls rise up. At last they were completed up to the roof. At this point a new *motif* or a new movement commenced, and the picture followed suit; the roof remained absent, but instead of further construction angels came from above, descended and flew upwards again. There was a system of graceful response and counter-response between these angelic visitors, bringing messages from on high and answering from below. It was a sort of chorus and anti-chorus. All this again was in complete harmony with the music. Then again the music changed and the vision disappeared. What puzzles me specially in this vision is the appearance of orthodox angels, *parfaitement en règle*. I don't believe in them in the Christian sense and form, and had no reason to think on ecclesiastical lines. I knew that the composition was a Mass; but I was merely following and enjoying the music as music.

X.22. Một Nhà Thờ Lớn và Các Thiên Thần. Ở Amsterdam, có lần tôi nghe *Missa Solemnis* của Bach do dàn nhạc lừng danh của Mengelberg trình diễn. Đến một đoạn nhất định, tôi thấy những bức tường của một nhà thờ Gothic tráng lệ từ từ vươn lên. Các đường nét và sự bố trí của những bức tường này hòa điệu với những cung bậc của âm nhạc, và khi âm nhạc tiếp diễn thì các bức tường cũng tiếp tục dựng lên. Cuối cùng chúng hoàn tất đến tận mái. Ở điểm này một *mô-típ* mới hay một chuyển đoạn mới bắt đầu, và bức tranh cũng thay đổi theo; mái vẫn vắng bóng, nhưng thay vì tiếp tục công trình, các thiên thần từ trên cao giáng xuống rồi lại bay lên. Có một nhịp điệu đáp ứng và đối đáp uyển chuyển giữa những vị khách thiên giới ấy, mang thông điệp từ trên cao và hồi đáp từ bên dưới. Đó là một kiểu hợp xướng và đối xướng. Tất cả điều này một lần nữa hoàn toàn hòa hợp với âm nhạc. Rồi âm nhạc lại đổi, và thị kiến biến mất. Điều khiến tôi đặc biệt bối rối trong thị kiến này là sự xuất hiện của những thiên thần theo lối chính thống, *hoàn toàn đúng lề lối*. Tôi không tin vào họ theo nghĩa và hình thức Ki-tô giáo, và cũng không có lý do gì để suy nghĩ theo đường hướng giáo hội. Tôi biết bản nhạc là một Thánh lễ; nhưng tôi chỉ đơn giản theo dõi và thưởng thức âm nhạc như âm nhạc.

In speaking about this matter with a friend recently, she told me that she had once had a

Khi gần đây nói về chuyện này với một người bạn, cô kể rằng mình cũng từng có một trải

similar experience. Hearing some music she suddenly saw a gigantic face, and though she hears very much music she had never had another such vision.

nghiệm tương tự. Nghe một bản nhạc, cô bỗng nhiên thấy một gương mặt khổng lồ, và tuy cô nghe nhạc rất nhiều, cô chưa bao giờ có một thị kiến nào khác như vậy.

These two experiences here related, are, I think, different in nature from what I call the suggestions arising from listening to music. With these one can trace the link, with the former that is not the case. So I have always associated a certain composition by Chopin with Morocco, most likely because whilst hearing the piece played for the first time, I was reading Hall Caine's *Scapegoat*, and because the melancholic and exotic nature of the music fitted in on that occasion with the mood produced by the book.

Hai trải nghiệm được kể ở đây, theo tôi, khác về bản chất với điều tôi gọi là những gợi ý nảy sinh khi nghe nhạc. Với những gợi ý đó, người ta có thể lần ra mối liên kết; còn với những cái trước thì không. Chẳng hạn, tôi luôn liên tưởng một bản nhạc nào đó của Chopin với Maroc, rất có thể vì trong khi nghe bản ấy lần đầu, tôi đang đọc *Kẻ Thế Tội* của Hall Caine, và bởi vì nét sầu muộn và sắc thái ngoại lai của bản nhạc, vào dịp đó, đã đi đôi với tâm trạng do cuốn sách gợi lên.

[CWL note] (The special picture seen in the twenty-second experience may well have been of this nature. Our author wonders that he should have seen angels in the curious and anatomically incorrect form usually adopted by Christian painters; but he is perhaps overlooking the fact that what he saw was not his own thought-form, but probably that of the composer. There is still another possibility - that it may have been the thought-form of some devout auditor, who had heard the composition frequently, and associated it with such a vision as is described; but it is on the whole more probable that we owe so large and so well ordered a form to the marvellous genius of the great musician.

[Ghi chú của CWL] (Bức tranh đặc thù được thấy trong trải nghiệm thứ hai mươi hai rất có thể thuộc loại này. Tác giả của chúng ta lấy làm lạ khi mình lại thấy các thiên thần ở hình thức kỳ lạ và không đúng giải phẫu như các họa sĩ Ki-tô giáo thường vẽ; nhưng có lẽ ông bỏ quên một thực tế là những gì ông thấy không phải là hình tư tưởng của riêng ông, mà rất có thể là của nhà soạn nhạc. Cũng còn một khả năng khác—đó có thể là hình tư tưởng của một thính giả mộ đạo nào đó, người đã nghe bản nhạc nhiều lần, và liên kết nó với một thị kiến như mô tả; nhưng xét chung, có lẽ chúng ta mắc nợ thiên tài kỳ diệu của nhà soạn nhạc vĩ đại kia về một hình thể vừa đồ sộ vừa có trật tự như thế.

The gigantic face seen by a friend is a phenomenon that we can hardly pretend to diagnose without a good deal more information than is given to us. If the music was devotional in character, it may perhaps have been someone s idea of a Divine Face. Or again it may have been a real apparition of one of the great musical angels, or possibly a personification of some of the great powers of

Còn gương mặt khổng lồ mà người bạn trông thấy là một hiện tượng mà chúng ta khó có thể dám chẩn đoán nếu không có nhiều thông tin hơn. Nếu bản nhạc mang tính chất sùng tín, có lẽ đó là ý niệm của ai đó về một Tôn Nhan Thiêng Liêng. Hoặc cũng có thể đó là sự xuất hiện thật sự của một trong những thiên thần âm nhạc vĩ đại, hay có khi là một sự nhân cách hóa một vài quyền năng lớn của thiên nhiên.)

nature.)

XI. NATURAL BEAUTY—XI. VẺ ĐẸP THIÊN NHIÊN

One experience in connection with the beauty of natural scenery stands isolated. It is remarkable enough to relate, however.

Một trải nghiệm liên quan đến vẻ đẹp của phong cảnh thiên nhiên đứng riêng lẻ. Tuy vậy, nó đủ đáng kể để thuật lại.

XI.23. In the Vosges. Some five years ago I made a motor trip in the Vosges with my friends Mr. A. Ostermann, Professor O. Penzig, and Mr. Leadbeater. We left Colmar, in Alsace, went to Gérardmer, in France, and returned to Colmar, crossing the beautiful pass named the Schlucht. We went home towards evening, and when we neared the Schlucht the sun was setting. Alsace with its quaint old towns and villages, itself a broad, flat and verdant valley in which the Rhine winds its silvery stream, flanked on both sides by the Vosges and the Black Forest, both equally beautiful - Alsace is altogether a delightful country. On this occasion the beauty of the Vosges struck me again greatly, and whilst the motor-car was spinning ahead I tried to drink in all the beauty of hillside and valley, of clouds and sun, of pine-forests and rocks. Suddenly a sharp curve of the road changed the position of the car and a new view lay spread out before our sight. At that very moment, a sensation of utter ecstasy, of utter beauty, struck me, so to say, full in the chest; a sensation of such overwhelming happiness and at the same time such strangely deep and endless sadness, that I had to take a firm grip of myself not to cry out. As a matter of fact I felt tears well up in my eyes, and the slightest provocation would have made me weep. The emotion was purely an artistic one, and that accounts for the happiness, but I am ignorant why sadness should have been mingled with it.

XI.23. Ở dãy Vosges. Chừng năm năm trước tôi thực hiện một chuyến đi xe hơi ở Vosges với các bạn tôi là Ông A. Ostermann, Giáo sư O. Penzig, và Ông Leadbeater. Chúng tôi rời Colmar, ở Alsace, đi đến Gérardmer, bên Pháp, và trở về Colmar, băng qua đèo tuyệt đẹp tên là Schlucht. Chúng tôi trở về nhà vào lúc về chiều, và khi tới gần Schlucht thì mặt trời đang lặn. Alsace với những thị trấn và làng mạc cổ kính duyên dáng, bản thân là một thung lũng rộng, phẳng và xanh tươi nơi sông Rhine uốn khúc dòng bạc của mình, kẹp hai bên là Vosges và Rừng Đen, cả hai đều đẹp như nhau—Alsace quả là một xứ sở dễ mến. Lần này, vẻ đẹp của Vosges lại gây ấn tượng mạnh với tôi, và trong khi chiếc xe hơi lao vút về phía trước tôi cố uống cho đầy vẻ đẹp của sườn đồi và thung lũng, của mây và mặt trời, của rừng thông và đá tảng. Đột nhiên một khúc cua gắt của con đường đổi hướng chiếc xe và một cảnh quang mới trải rộng trước mắt chúng tôi. Ngay khoảnh khắc ấy, một cảm giác ngây ngất tột cùng, một vẻ đẹp tột cùng, như đánhập vào ngực tôi; một cảm giác hạnh phúc tràn ngập và đồng thời là một nỗi buồn sâu lạ lùng và dường như bất tận, đến nỗi tôi phải ghìm chặt mình để khỏi bật thành tiếng. Thực tế là tôi cảm thấy nước mắt trào lên mắt, và chỉ cần một khích động nhỏ nhất cũng đủ khiến tôi òa khóc. Xúc cảm này hoàn toàn mang tính nghệ thuật, và đó là lý do của hạnh phúc; còn vì sao nỗi buồn lại hòa lẫn với nó thì tôi không rõ.

This emotion, provoked by either artistic or other causes, I have never before or since felt in any like measure. I am not an emotional man in these matters and I have seen, in three parts of the world, enough beautiful scenery to make me look in vain for an adequate reason for this particular experience. Furthermore I had motored some thousands of miles in and around Alsace without ever experiencing such a feeling. Therefore I simply note it down and add it to my record.

Xúc cảm này, cho dù được khơi dậy bởi nghệ thuật hay nguyên do nào khác, trước đó và từ đó đến nay tôi chưa từng cảm thấy ở mức độ nào tương tự. Tôi không phải là người dễ xúc cảm trong những chuyện này, và tôi đã nhìn thấy, ở ba phương trời, đủ phong cảnh đẹp để khó lòng tìm ra một lý do tương xứng cho trải nghiệm đặc biệt này. Hơn nữa, tôi đã lái xe hàng nghìn dặm trong và quanh Alsace mà chưa hề trải nghiệm cảm giác như thế. Bởi vậy tôi chỉ ghi nhận nó và thêm vào ký sự của mình.

[CWL note] (The twenty-third experience comes evidently from a definitely exterior source. As our author points out, he has seen many beautiful landscapes in various countries, yet they have never produced upon him at all the same kind of impression. Indeed, I believe he had passed over that very spot at other times without unusual agitation. Clearly, therefore, the emotion was not his own, but was impressed upon him from outside. The most probable explanation is that someone of acute perception and intense artistic feeling had recently been admiring the view from that particular spot - had perhaps even been painting it; and that our author happened just at that moment to be sufficiently in sympathy with the mental attitude of that artist to absorb and to reproduce fully all that he felt. Another possibility is that for the moment our author came into union with the angel or great nature-spirit ensouling that particular part of the country. This hypothesis, however, is less likely than the other, since he describes a strong feeling of sadness as part of his experience - an emotion which is little likely to have been part of what may be called the sensations of Nature itself. Either of these temporary unifications of consciousness with another entity is possible to any sensitive person; but he must have within himself the

[Ghi chú của CWL] (Trải nghiệm thứ hai mươi ba hiển nhiên đến từ một nguồn bên ngoài rõ rệt. Như tác giả của chúng ta chỉ ra, ông đã thấy nhiều phong cảnh đẹp ở nhiều quốc gia, vậy mà chúng chưa bao giờ tạo nên trong ông cùng loại ấn tượng như thế. Thật vậy, tôi tin rằng ông đã đi qua chính điểm ấy vào những lần khác mà không có xao động khác thường. Rõ ràng, do đó, xúc cảm ấy không phải của riêng ông, mà được ấn nhập vào ông từ bên ngoài. Lời giải thích có khả năng nhất là có ai đó với tri giác tinh tế và cảm xúc nghệ thuật mãnh liệt đã ngắm cảnh ở chỗ ấy gần đây—thậm chí có lẽ còn đang vẽ nó; và tác giả của chúng ta, đúng vào lúc đó, đã đủ đồng cảm với thái độ thể trí của người nghệ sĩ kia để hấp thu và tái hiện trọn vẹn mọi điều người ấy cảm nhận. Một khả năng khác là trong khoảnh khắc ấy tác giả của chúng ta đã hợp nhất với thiên thần hay đại tinh linh thiên nhiên phú linh cho phần xứ sở đặc thù đó. Tuy nhiên, giả thuyết này kém khả dĩ hơn giả thuyết kia, vì ông mô tả một cảm giác buồn mạnh mẽ như một phần của trải nghiệm—một xúc cảm khó có thể là một phần của cái mà ta có thể gọi là các cảm giác của tự nhiên tự thân. Bất kỳ sự hợp nhất tạm thời nào của tâm thức với một thực thể khác cũng đều khả hữu đối với một người nhạy cảm; nhưng người ấy phải có trong mình sự đồng cảm để thấu hiểu và năng lực để đáp ứng.)

sympathy to understand and the power to respond.)

XII. LECTURING EXPERIENCES—XII. NHỮNG TRẢI NGHIỆM KHI DIỄN THUYẾT

I once had an interesting experience whilst lecturing at Rotterdam.

Tôi từng có một trải nghiệm thú vị khi diễn thuyết tại Rotterdam.

XII.24. A Sea of Light and Lightness. One winter evening I lectured in a fairly big hall in Rotterdam. There was a biting frost, and I came away with a formidable cold. In the midst of the lecture, quite of a sudden, I felt the atmosphere change. A sense of lightness and buoyancy came over me which changed my feelings altogether. At the same time I was aware that I was surrounded by a brilliant (non-physical) light of rich golden colour. The change of atmosphere was so complete and total that it seemed as if the air before had been of mud and slush in comparison with the rarity, refinedness and purity of that which I was now breathing. Simultaneously I was conscious that, instead of being as it were wholly immersed in my subject, I was listening to myself with a corner of my consciousness. It seemed as if my voice had changed also. There was a curious metallic ring in it which was new to me and which pleased me very much. This lasted for some phrases, I think some minutes, five or ten at the utmost, if so much as that, and then the old conditions set in again. The contrast between the feeling of the atmosphere during and before the experience made a very vivid impression on me. (The twenty-fourth experience implies not so much a change of atmosphere as a change of consciousness in the lecturer. It is evident that he at least partially left his body, so that he was able to watch himself from without. The part of

XII.24. Một Biển Ánh sáng và Sự Nhẹ Bổng. Vào một buổi tối mùa đông tôi diễn thuyết trong một hội trường khá lớn ở Rotterdam. Trời rét cắt da, và tôi ra về với một cơn cảm lạnh khiếp đảm. Ngay giữa bài giảng, thình lình, tôi cảm thấy bầu không khí thay đổi. Một cảm giác nhẹ bỗng và khoáng đạt tràn ngập tôi, khiến cảm xúc tôi đổi khác hoàn toàn. Đồng thời tôi nhận biết rằng mình được bao quanh bởi một luồng ánh sáng rực rỡ (phi vật chất) màu vàng sẫm giàu có. Sự thay đổi của bầu khí quyển trọn vẹn và toàn diện đến mức có cảm tưởng như trước đó không khí như bùn lầy so với sự loãng, tinh luyện và tinh khiết của thứ tôi đang hít thở lúc này. Cùng lúc, tôi ý thức rằng, thay vì dường như hoàn toàn chìm đắm trong đề tài, tôi lại đang lắng nghe chính mình bằng một góc của tâm thức. Dường như giọng nói của tôi cũng đã đổi khác. Có một âm sắc kim loại lạ lùng trong đó, điều mới đối với tôi và khiến tôi rất thích. Tôi nghĩ điều này kéo dài trong vài câu, vài phút, tối đa năm hay mười phút, nếu nhiều đến thế, rồi những điều kiện cũ lại trở lại. Sự tương phản giữa cảm giác về bầu không khí trong và trước trải nghiệm đã để lại trong tôi một ấn tượng rất sống động. (Trải nghiệm thứ hai mươi bốn không hàm ý một sự đổi thay bầu không khí cho bằng một sự đổi thay tâm thức nơi diễn giả. Hiển nhiên là ông đã rời thân thể phần nào, đến mức có thể quan sát chính mình từ bên ngoài. Phần bản thân tạm thời được giải phóng khỏi hạn chế vật chất ấy có thể thấy các

himself which was temporarily freed from physical limitation was able to see the mental conditions surrounding him; and the rich golden colour which seems to have been so prominent a feature is exactly what might have been expected as an expression of the mental activity which was being put forth by the lecturer. The description of the difference between that and the physical atmosphere is most graphic; it constitutes precisely one of the little touches which manifest so clearly the author's accuracy, and appeal so strongly to those who have passed through a similar experience. It seems evident that he must have carried with him in his externalisation a certain amount of his etheric double, since he was still able to hear his own physical voice, although with an alteration which suggests the inclusion of higher notes than those perceptible to physical ears, and probably also a compensating exclusion of some of the latter.

điều kiện thể trí bao quanh ông; và màu vàng giàu có dường như là đặc điểm nổi bật chính là điều hoàn toàn có thể chờ đợi như là biểu lộ của hoạt động thể trí đang được diễn giả phát huy. Mô tả về sự khác biệt giữa điều đó và bầu khí vật chất thật sinh động; nó chính là một trong những nét chấm phá nhỏ cho thấy rõ ràng độ chính xác của tác giả, và chạm tới mạnh mẽ những ai đã trải qua một kinh nghiệm tương tự. Có vẻ hiển nhiên rằng trong sự ngoại hiện của mình ông hẳn đã mang theo một phần bản sao dĩ thái, vì ông vẫn có thể nghe tiếng nói thể chất của mình, dù có sự biến đổi gợi ý việc bao gồm những nốt cao hơn mức tai hồng trần tri giác, và có lẽ cũng loại bỏ bù trừ một số nốt thuộc loại sau.

This being a subjective experience, dependent upon a partial projection of the speaker's consciousness, there is no reason why any member of the audience should have noticed it.)

Vì đây là một trải nghiệm chủ quan, tùy thuộc vào sự phóng chiếu một phần tâm thức của người nói, nên không có lý do gì để bất kỳ thành viên nào trong thính giả phải nhận thấy nó.)

XII.25. Other Phenomena connected with Lecturing which are not of my own experiencing. I have several times been told by friends in my audiences that they have seen luminous halos around my head or even figures behind me. In some cases a stately Hindu wearing a turban has been described. I mention this in order to make the catalogue complete, but as the information comes from others I am not responsible for it. I myself have never seen such forms, and the above Rotterdam experience is the only case in which I have experienced a 'light' phenomenon myself. It is amusing that in that case no one of my audience told me he

XII.25. Những Hiện Tượng Khác liên hệ đến Việc Diễn Thuyết mà không do chính tôi trải nghiệm. Nhiều lần tôi được bạn bè trong thính giả cho biết họ đã thấy những quầng sáng quanh đầu tôi hoặc thậm chí cả những hình bóng phía sau tôi. Trong một số trường hợp, người ta mô tả một vị Hindu phong thái trang nghiêm đội khăn xếp. Tôi nêu điều này để hoàn chỉnh bản kê, nhưng vì thông tin đến từ người khác nên tôi không chịu trách nhiệm về nó. Bản thân tôi chưa từng thấy những hình thể như vậy, và trải nghiệm Rotterdam nói trên là trường hợp duy nhất mà chính tôi trải nghiệm một hiện tượng "ánh sáng". Thật khôi hài là trong trường hợp ấy chẳng ai trong

had seen anything of the kind.

[CWL note] (ln the cases described in paragraph 25, there is no change of consciousness in the speaker, but a temporary accession of sensitiveness in certain members of his audience. The halo seen round the head of a lecturer has often been described. It is one of the easiest non-physical phenomena to see. The mental activity of the lecturer projects this strong yellow light, all of it focussed in the upper part of the aura and therefore surrounding the physical head, so that it readily becomes visible to vision even slightly raised above the normal, especially if it happens to be projected against a dark background. The presence of an Oriental stranger on the platform is also by no means unusual, and it would be rash to assume, as our students so often do, that the visitor is necessarily a great Adept. Even after years of reading on the subject, it seems to be difficult for our students to grasp the utter naturalness of the astral life, and to understand that those who have left their physical bodies (either temporarily or permanently) may be just as much interested in a lecture as if they still retained the coarser vehicle. Astral visitors may attend any lecture anywhere, and they constantly do so; but probably the percentage of such visitors is higher at Theosophical lectures than at others, because those who study our subjects are a little more likely than others to know something of their capabilities along these lines. Naturally our subjects have a special interest for Orientals, and Indian members of our Society, whether living or dead, are likely to watch with comparatively keen interest the endeavours to spread their ideas in western lands. It often occurs also that they good-naturedly endeavour to assist the lecturer by suggesting to him additional ideas or illustrations; and if any member of

thính giả nói với tôi rằng họ đã thấy bất cứ điều gì tương tự.

[Ghi chú của CWL] (Trong các trường hợp được mô tả ở đoạn 25, không có sự thay đổi tâm thức nơi diễn giả, mà là sự gia tăng tạm thời độ nhạy cảm nơi một số thành viên trong thính giả của ông. Quầng sáng quanh đầu người diễn thuyết thường được mô tả. Nó là một trong những hiện tượng phi vật chất dễ thấy nhất. Hoạt động thể trí của diễn giả phóng xuất luồng ánh vàng mạnh, tất cả được tập trung ở phần trên của hào quang và vì thế bao quanh đầu thể chất, khiến nó dễ dàng trở nên hiển thị với cái nhìn chỉ hơi vượt trên bình thường, nhất là khi tình cờ nó được phóng chiếu trên một nền tối. Sự hiện diện của một vị khách phương Đông trên bục giảng cũng không hề hiếm, và thật vội vã nếu giả định, như các đạo sinh của chúng ta vẫn hay làm, rằng vị khách ấy tất yếu là một vị Chân sư vĩ đại. Ngay cả sau nhiều năm đọc sách về chủ đề này, dường như các đạo sinh của chúng ta vẫn khó nắm bắt sự tự nhiên tuyệt đối của đời sống cảm dục, và hiểu rằng những ai đã rời bỏ thể xác (tạm thời hoặc vĩnh viễn) có thể hứng thú với một bài giảng chẳng kém gì khi họ còn giữ hiện thể thô trược. Khách cõi cảm dục có thể dự bất kỳ bài giảng nào ở bất cứ đâu, và họ thường xuyên như thế; nhưng có lẽ tỷ lệ những vị khách như vậy cao hơn ở các bài giảng Thông Thiên Học so với những chỗ khác, bởi lẽ những ai học các chủ đề của chúng ta có phần nào hiểu biết hơn người khác về các khả năng của họ theo các tuyến này. Tự nhiên là các đề tài của chúng ta đặc biệt hấp dẫn đối với người Phương Đông, và các hội viên Ấn Độ của Hội chúng ta, dù còn sống hay đã qua đời, có nhiều khả năng theo dõi với mối quan tâm tương đối sâu sắc các nỗ lực truyền bá tư tưởng của họ trên đất phương Tây. Điều cũng thường xảy ra là họ tốt bụng cố gắng trợ giúp diễn giả bằng cách gợi ý cho ông thêm những ý tưởng hay minh họa; và nếu bất kỳ ai trong thính giả tình cờ phát triển đủ mức

the audience happens for the moment to develop sufficient sensitiveness to catch sight of such a visitor, a legend immediately grows up like that which our author describes.)

nhạy cảm để thoáng bắt gặp một vị khách như vậy, thì ngay lập tức một giai thoại sẽ nảy sinh giống như tác giả của chúng ta mô tả.)

XIII. APPARITION AT A DISTANCE—XIII. SỰ HIỆN THÂN Ở XA

The following two incidents concern me, but they are not within my own personal knowledge. Still I think they ought to be mentioned for completeness' sake. They relate to my appearance, without my knowledge, to others - these others being in the waking state. I have two examples.

Hai sự việc sau đây liên quan đến bản thân tôi, nhưng không nằm trong tri thức trực tiếp của tôi. Tuy vậy, tôi nghĩ chúng nên được kể vì tính toàn vẹn. Chúng liên quan đến việc tôi xuất hiện, mà tôi không hề hay biết, với những người khác—những người này đang ở trong trạng thái thức. Tôi có hai ví dụ.

XIII.26. Advice at a Distance. Some years ago a young man, fairly psychic and, I think, also very weak-willed, came several times to me for advice and to talk Theosophy. He was at that time in all sorts of difficulties, financial, domestic and otherwise. He was a black-and-white artist. One day meeting me, he said: "I thank you very much for the advice you gave me yesterday." As I was not aware of having seen him on the day before, I asked him what he meant. He told me that he had stood in one of the streets, leaning against a wall in a state of despondency, and that I had appeared to him and had spoken some cheering words of advice. I had no reason whatever to doubt his good faith. The important point is that I must have been up and doing at the time he mentioned. If I had been asleep the explanation might have been easier.

XIII.26. Lời Khuyên Từ Xa. Vài năm trước, một chàng trai trẻ, khá có khả năng thông linh và, tôi nghĩ, cũng rất yếu ý chí, đã đến gặp tôi vài lần để xin lời khuyên và nói chuyện Thông Thiên Học. Lúc đó y gặp đủ mọi khó khăn, tài chính, gia đình và các mặt khác. Y là một họa sĩ tranh đen trắng. Một ngày nọ gặp tôi, y nói: "Tôi cám ơn ông rất nhiều vì lời khuyên ông đã cho tôi ngày hôm qua." Vì không hay biết rằng mình đã gặp y vào ngày hôm trước, tôi hỏi y muốn nói gì. Y kể rằng y đã đứng trên một con phố, tựa vào tường trong trạng thái chán nản, và rằng tôi đã hiện ra với y và nói vài lời khích lệ. Tôi hoàn toàn không có lý do gì để nghi ngờ thiện chí của y. Điểm quan trọng là vào thời điểm y nói, tôi hẳn đang thức và bận việc. Nếu tôi đang ngủ thì lời giải thích có lẽ dễ hơn.

XIII.27. A Visit aboard a Steamer. The second case of my being told that I appeared was aboard a steamer from Hull to Holland. A friend of mine, travelling on that ship, related to me that she had seen me (I think at about 7 A. M.) and she described my costume completely, a description which

XIII.27. Một Chuyến Thăm trên Tàu Hơi Nước. Trường hợp thứ hai về việc tôi được nói là đã xuất hiện xảy ra trên một con tàu hơi nước từ Hull sang Hòa Lan. Một người bạn của tôi, đi trên chuyến tàu ấy, kể với tôi rằng cô đã trông thấy tôi (tôi nghĩ khoảng bảy giờ sáng) và cô mô tả đầy đủ trang phục của tôi, một mô tả

tallied with the clothes I was then habitually wearing. I do not know whether I was asleep at the moment of the apparition; I also am ignorant if I, or rather my simulacrum, said anything. I, at the time, was in England.

[CWL note] (The appearances described in paragraphs 26 and 27 are examples of a very interesting class about which our information is as yet defective. In the second case it seems probable that the author, was asleep, and so we have merely an ordinary astral visit; but in the former of the two cases he distinctly says that he was awake and going about his work in one place, though at the very same time he appeared in another and gave some useful advice. Several possible explanations of this phenomenon may be offered. It may be a case in which some invisible helper, seeing a poor man sadly in need of counsel and comfort, resolved to give it to him, but took for this purpose the form of a friend who was well known to him, in order to make the advice more natural and acceptable. Another possibility is that our author as an ego was watching with interest a person whom he had already tried to help, and - seeing him urgently in need of further assistance at a time when his own physical body was otherwise employed - materialised a thought-form of himself through which he could convey the ideas which he wished to give. Either of these hypotheses would satisfactorily explain the appearance described by our author; but there are other cases on record in which neither of these suggestions seems appropriate. The double of the late Mr. W. T. Stead, for example, can hardly be supposed to come under either of these heads. It seems rather to be a case of an intensely strong thought-form made of him by another person, and then occupied and energised - whether by his own ego or by someone else we have not sufficient evidence

khớp với bộ quần áo mà lúc ấy tôi thường mặc. Tôi không biết liệu vào lúc hiện thân ấy tôi có đang ngủ hay không; tôi cũng không rõ tôi—đúng hơn là bóng hình của tôi—có nói điều gì không. Lúc đó, tôi đang ở Anh.

[Ghi chú của CWL] (Những lần xuất hiện được mô tả ở các đoạn 26 và 27 là những ví dụ thuộc một lớp hiện tượng rất thú vị mà cho đến nay thông tin của chúng ta vẫn còn thiếu. Trong trường hợp thứ hai, có vẻ khả dĩ rằng tác giả đang ngủ, vậy thì ta chỉ có một chuyến thăm cảm dục thông thường; nhưng trong trường hợp thứ nhất, ông nói rõ rằng ông đang thức và bận công việc ở một nơi, mặc dù cùng lúc đó ông lại xuất hiện ở một nơi khác và đưa ra vài lời khuyên hữu ích. Có thể đưa ra một số lời giải thích cho hiện tượng này. Có thể đó là một trường hợp một người trợ giúp vô hình, khi thấy một người khốn khổ đang rất cần lời khuyên và sự an ủi, đã quyết định ban cho y, nhưng để mục đích này, đã mang hình dạng của một người bạn vốn quen thuộc với y, hầu khiến lời khuyên trở nên tự nhiên và dễ chấp nhận hơn. Một khả năng khác là tác giả của chúng ta, với tư cách chân ngã, đang quan sát với mối quan tâm một người mà ông đã cố gắng giúp đỡ, và—thấy y đang khẩn cấp cần trợ giúp thêm trong lúc thân thể thể chất của chính mình đang bận bịu—đã hiện hình một hình tư tưởng về chính ông qua đó ông có thể truyền đạt những ý niệm mình muốn đưa ra. Bất kỳ giả thuyết nào trong hai giả thuyết này cũng có thể giải thích thỏa đáng sự xuất hiện mà tác giả mô tả; nhưng còn có những trường hợp khác được ghi nhận trong đó dường như không giả thuyết nào phù hợp. Chẳng hạn "bản song trùng" của ông quá cố W. T. Stead, khó lòng được cho là thuộc một trong hai trường hợp trên. Có vẻ đúng hơn đó là một hình tư tưởng về ông được người khác tạo nên với cường độ mãnh liệt, rồi sau đó được nhập vào và gia lực—dù bởi chính chân ngã của ông hay bởi một ai khác thì chúng ta không có đủ

to show. In rare circumstances personation on the physical plane by a materialised astral entity becomes possible. There is, however, no reason to suspect anything of that sort in the case described, for we have no evidence to show that anyone but the young man to whom our author spoke was conscious of his presence at that time and place, so that the phenomenon may have been simply subjective.)

bằng chứng để khẳng định. Trong những hoàn cảnh hiếm hoi, việc mạo danh trên cõi hồng trần bởi một thực thể cảm dục đã hiện hình trở nên khả hữu. Tuy nhiên, không có lý do gì để nghi ngờ điều ấy trong trường hợp được mô tả, vì chúng ta không có bằng chứng cho thấy bất kỳ ai ngoài chàng trai trẻ mà tác giả đã nói chuyện ý thức được sự hiện diện của ông vào lúc và nơi chốn ấy, thành ra hiện tượng có thể đơn thuần là chủ quan.)

XIV. KARMIC PROBLEMS—XIV. CÁC VẤN ĐỀ NGHIỆP QUẢ

I remember twice, at least, in my life having been in serious danger, from which I escaped unhurt. There is no need to invoke hidden intervention to explain the safe endings, but to make sure not to pass by even faint indications I note them down here.

Tôi nhớ đã hai lần, ít ra là vậy, trong đời, lâm vào nguy hiểm nghiêm trọng, nhưng tôi thoát nạn bình yên vô sự. Không cần viện đến sự can thiệp ẩn tàng để giải thích các kết cục an toàn ấy, nhưng để chắc chắn không bỏ qua dù chỉ những dấu hiệu mờ nhạt, tôi ghi lại chúng ở đây.

XIV.28. Trick Cycling. When I was a boy of some twelve years I happened to read in a paper a story of how a cyclist rode down the steps of the Washington Capitol. I may about the same time have seen some trick cycling in a circus. I was then living at Haarlem, not far from the sea-side resort Zandvoort. With a friend of my own age I went one day to Zandvoort, where there is a big flight of stairs, divided into three series of steps, leading from the station below to the Gallery on the top of the dunes. When returning to the station we came to the steps, and the sight of them was too big a temptation. I said I would cycle down them. My friend, who was wiser, protested, but I was obstinate. He ran down the first flight. I started on my adventurous ride, but immediately lost control over the machine and came down crashing, banging and bumping, rapidly gathering speed. Fortunately my friend caught hold of the cycle

XIV.28. Đạp Xe Mạo Hiểm. Khi tôi là một cậu bé chừng mười hai tuổi, tình cờ tôi đọc trong một tờ báo câu chuyện về việc một người đi xe đạp lao xuống các bậc thềm của Tòa Nhà Quốc Hội Washington. Có lẽ vào khoảng cùng thời gian ấy tôi cũng đã xem vài màn đạp xe nhào lộn trong rạp xiếc. Lúc đó tôi sống ở Haarlem, không xa khu nghỉ mát ven biển Zandvoort. Với một người bạn cùng tuổi, một ngày kia tôi đến Zandvoort, nơi có một cầu thang lớn, chia làm ba đợt bậc, dẫn từ nhà ga phía dưới lên Đại Lộ trên đỉnh cồn cát. Khi quay về nhà ga, chúng tôi đến bậc thang, và cảnh tượng ấy là một cám dỗ quá lớn. Tôi nói mình sẽ đạp xe xuống. Bạn tôi, khôn ngoan hơn, phản đối, nhưng tôi thì ngoan cố. Cậu ấy chạy xuống đợt bậc thứ nhất. Tôi bắt đầu cuộc phiêu lưu, nhưng ngay lập tức mất kiểm soát chiếc xe và lao xuống huỳnh huỵch, ầm ầm và bật nảy, nhanh chóng tăng tốc. May mắn thay, bạn tôi đã chộp được chiếc xe và tôi ngã xuống mà

and I fell down without hurt, the machine being only slightly damaged. There is no doubt that he saved my life. But now l ask myself: “An incident of such importance for me, and my present incarnation, can it stand utterly unrelated to my personal karma?” How easily my friend might have missed the grip, how easily might he have become afraid or have lost his head! Was there something lying at the back of his action which made it fatally necessary that he *should* be there to be a karmic agent? Of course, I do not forget God Chance, nor the purely rationalistic explanation; but are they enough? This incident is therefore not so much an occult experience as an experience giving rise to an occult problem! What is the nature of the determining factor which in a crisis leads to a solution in one definite direction with far-reaching and incalculable results, where any other solution would have led to equally far-reaching results of an entirely different character? This seems to me a very difficult problem indeed, only answerable with certainty by Occultists.

không hề hấn gì, chiếc xe chỉ bị hư hại nhẹ. Không nghi ngờ gì, cậu ấy đã cứu mạng tôi. Nhưng giờ đây tôi tự hỏi: “Một biến cố quan trọng như vậy đối với tôi, và với kiếp sống hiện tại của tôi, liệu có thể hoàn toàn không liên quan gì đến nghiệp quả cá nhân của tôi chăng?” Bạn tôi có thể dễ dàng trượt tay, có thể dễ dàng sợ hãi hay mất bình tĩnh! Có phải có điều gì đó nằm sau hành động của cậu khiến nó trở nên tất yếu về mặt định mệnh rằng cậu *phải* có mặt ở đó để làm một tác nhân của nghiệp quả? Tất nhiên, tôi không quên Thần Tình Cờ, cũng như lời giải thích thuần duy lý; nhưng như thế đã đủ chưa? Bởi vậy biến cố này không hẳn là một trải nghiệm huyền bí cho bằng một trải nghiệm nêu lên một vấn đề huyền bí! Bản chất của yếu tố quyết định là gì —yếu tố mà trong một cơn khủng hoảng dẫn đến một lối giải quyết theo một hướng nhất định với những hậu quả sâu rộng và không thể lường, trong khi bất kỳ lối giải quyết nào khác cũng dẫn đến những hậu quả sâu rộng tương đương nhưng hoàn toàn khác hẳn về tính chất? Điều này, theo tôi, là một vấn đề thực sự khó, chỉ có thể được các nhà huyền bí học trả lời chắc chắn.

XIV.29. In the Gorges d’Héric. A similar but less obvious case occurred to me a few years ago in the south of France. Mr. Leadbeater and I were staying in the beautiful district of the southern Cevennes, in the department of Hérault. We used to take long walks, and one day we went to the Gorges d’Héric, descending through them into the plains. We lost our way, and darkness overtook us before we had passed out of the Gorge. We had no guide, no lamp, and no knowledge of the country. At a given moment I, leading the party, crossed - in the dark - the stream over a series of boulders, and so we transferred ourselves from the right to the left bank of the stream near the bottom of the Gorge. At that spot we found a path, and, gropingly following that, reached a point

XIV.29. Ở Hẻm Núi d’Héric. Một trường hợp tương tự nhưng ít hiển nhiên hơn xảy đến với tôi vài năm trước ở miền nam nước Pháp. Ông Leadbeater và tôi lưu trú tại vùng đất tuyệt đẹp thuộc miền nam Cevennes, trong địa phận Hérault. Chúng tôi thường đi bộ đường dài, và một ngày kia chúng tôi đến Hẻm Núi d’Héric, men xuống xuyên qua nó để vào đồng bằng. Chúng tôi lạc đường, và bóng tối ập xuống trước khi chúng tôi thoát khỏi Hẻm Núi. Chúng tôi không có người dẫn, không có đèn, và không biết địa hình. Tới một thời điểm, tôi, người đi đầu, đã băng qua—trong bóng tối—dòng suối trên một chuỗi tảng đá, và như vậy chúng tôi chuyển từ bờ phải sang bờ trái của suối gần cuối Hẻm Núi. Ở chỗ ấy, chúng tôi thấy một con đường mòn, và, lần mò theo nó,

where we saw spots of light. Some shouting brought peasants with lanterns, and eventually we came home safe and sound. Now the peasants told us that had we followed the Gorge for only a quite small distance, we should have come to a sudden drop of some thirty metres, a well-known danger-spot in those parts, where quite frequently some one or more unfortunate tourists, in the same plight as ourselves, meet their end by falling over the edge. Now what I want to know is: what made me cross the stream at that particular spot in the pitch dark? I do not know it in the least. I could not see a track, and on the other side, though there was a path, we had to feel our way along it. May it be that I 'picked up the trail' as a dog does, or was it a case of inspiration?

đến một điểm nơi chúng tôi thấy những đốm sáng. Một vài tiếng gọi khiến những người nông dân cầm đèn lồng tìm đến, và cuối cùng chúng tôi về nhà an toàn. Giờ thì người dân nói với chúng tôi rằng nếu chúng tôi theo Hẻm Núi thêm chỉ một quãng rất ngắn, chúng tôi sẽ gặp một chỗ tụt bất ngờ chừng ba mươi mét, một điểm nguy hiểm nổi tiếng ở vùng ấy, nơi khá thường xuyên có một hay nhiều du khách xấu số, lâm vào hoàn cảnh giống chúng tôi, đã bỏ mạng vì rơi xuống mép vực. Điều tôi muốn biết là: điều gì khiến tôi băng qua suối ở đúng chỗ đó giữa đêm tối mù mịt? Tôi hoàn toàn không biết. Tôi không nhìn thấy lối mòn, và ở phía bên kia, dù có đường mòn, chúng tôi vẫn phải lần sờ mà đi. Có thể nào là tôi đã "nhặt được vết" như một con chó, hay đó là một trường hợp linh hứng?

As said before I record these two cases more as involving problems than as being occult experiences in the true sense of the word, for (faithful to H. P. B.'s injunction) we should be attentive to the smallest details.

Như đã nói, tôi ghi lại hai trường hợp này nhiều hơn là vì chúng nêu vấn đề, chứ không hẳn là những trải nghiệm huyền bí theo nghĩa đích thực của từ, vì (trung thành với lời huấn thị của H. P. B.) chúng ta nên lưu tâm đến những chi tiết nhỏ nhất.

[CWL note] (Experiences 28 and 29 are not, strictly speaking occult at all, but we may certainly take them to represent items in the working out of the destiny of the persons concerned. It clearly was not intended by the Powers directing his evolution that our author should perish at the age of twelve in a cycle accident. And since that was not intended, it became necessary to circumvent him in his little effort at self-destruction. The easiest way to do this was through the hands of his companion, who seems to have arrested him precisely at the only point of his descent where such interference would have been possible. I do not know that we are bound to infer anything more than courage and promptitude on the part of that friend; but if more be necessary, the presence of some

[Ghi chú của CWL] (Trải nghiệm 28 và 29, nói nghiêm ngặt, không phải là huyền bí, nhưng chúng ta chắc chắn có thể xem chúng như những hạng mục trong tiến trình khai triển số phận của người liên hệ. Rõ ràng là không nằm trong ý định của các Quyền năng chỉ đạo tiến hóa của ông rằng tác giả của chúng ta phải chết ở tuổi mười hai trong một tai nạn xe đạp. Và bởi vì điều ấy không nằm trong ý định, nên cần phải ngăn chặn ông trong nỗ lực nhỏ của mình nhằm tự hủy hoại. Cách dễ nhất để làm điều này là qua đôi tay của người bạn đồng hành của ông, người dường như đã chặn ông lại chính xác ở điểm duy nhất trong cuộc lao dốc nơi sự can thiệp như vậy có thể thực hiện được. Tôi không biết chúng ta có nhất thiết phải suy ra điều gì hơn ngoài lòng can đảm và sự nhanh trí nơi người bạn ấy; nhưng nếu cần

invisible helper to steady the friend's hand, and show him exactly what to do and when to do it, would surely be sufficient to account for what happened. And in this case, when I speak of an invisible helper, I do not at all necessarily mean to imply a member of the band of Theosophical students who devote themselves especially to such work. Any dead person of promptitude and resource who happened to be on the spot may have shown the boy-friend how to do what was necessary, and strengthened him in the action. The very fact that he ran ahead to the only place where he could check the headlong descent seems to show that a certain amount of prevision was exercised - most likely not by the boy. Another possibility is that the author's ego awoke to the danger of the situation. He was unable to control his juvenile personality, which had apparently taken the bit between its teeth, and was in a condition of excited determination. The ego may have found it easier to control for a moment the other boy (who was apparently not excited) than his own lower manifestation; and we have the yet further possibility that the ego of the friend saw here an opportunity of a good piece of work. Or indeed he may have undertaken it at the urgent request of the other's ego; for this is something which one sees not infrequently in ordinary life. A personality may for some reason take up obstinately some line of action of which the ego behind does not at all approve; and when that happens it is sometimes actually easier for that ego to induce a friend or friends to remonstrate and advise, than to act directly upon the fragment of himself which by its stubbornness has shut itself away for the moment from higher influences.

thêm nữa, thì sự hiện diện của một người trợ giúp vô hình để giữ vững tay người bạn, và chỉ cho cậu ấy chính xác phải làm gì và khi nào phải làm, hẳn cũng đủ để giải thích điều đã xảy ra. Và trong trường hợp này, khi tôi nói đến một người trợ giúp vô hình, tôi hoàn toàn không nhất thiết muốn ám chỉ một thành viên của nhóm các đạo sinh Thông Thiên Học chuyên dấn thân vào công việc như thế. Bất kỳ người đã qua đời nào có sự nhanh trí và tháo vát tình cờ có mặt tại chỗ cũng có thể cho cậu bé-bạn biết cách làm điều cần thiết, và gia cố cậu trong hành động. Chính việc cậu ấy chạy trước đến điểm duy nhất nơi có thể chặn cuộc lao dốc dường như cho thấy đã có một mức độ tiên kiến nào đó—nhiều khả năng là không phải do cậu bé sở hữu. Một khả năng khác là chân ngã của tác giả đã tỉnh thức trước sự nguy hiểm của tình huống. Ông không thể kiểm soát phàm ngã trẻ con của mình, vốn rõ ràng đã "ngậm chặt hàm thiếc", và đang ở trong trạng thái hăng hái quyết liệt. Chân ngã có thể thấy dễ dàng hơn khi kiểm soát tạm thời cậu bé kia (người hình như không bị kích động) hơn là hạ thể của chính mình; và chúng ta còn có khả năng nữa là chân ngã của người bạn thấy đây là cơ hội để làm một việc tốt. Thật vậy, y có thể đã đảm nhận điều ấy theo lời thỉnh cầu khẩn cấp của chân ngã bên kia; vì điều này ta không hiếm khi thấy trong đời thường. Một phàm ngã có thể vì lý do nào đó bám chặt một đường hướng hành động mà chân ngã đứng sau hoàn toàn không chấp thuận; và khi điều đó xảy ra, đôi khi chân ngã ấy thực sự dễ dàng hơn khi thuyết phục một người bạn hay nhiều người bạn khuyên can và khuyên bảo, hơn là tác động trực tiếp lên mảnh phần của chính mình, vốn vì cố chấp mà tạm thời tự khép kín khỏi các ảnh hưởng cao hơn.

We should say Theosophically that "it was not in his karma" that our author should come to

Theo ngôn ngữ Thông Thiên Học, chúng ta sẽ nói rằng "điều ấy không có trong nghiệp quả

an untimely end in that particular ways and therefore, since he insisted on making so wild an experiment, he put somebody to the trouble of interfering with its natural result. I know that many similar cases are allowed to pass without interference, and consequently end fatally. In them we are bound to assume that there is something in the stored-up karma of the person concerned which can discharge itself in that particular way, and consequently there is no interference with his free-will. Evidently our author was needed for other work later, and consequently in his case the interference took place. Readers may think that this is very much like the old Christian idea of a Providence which watched over,every moment of our lives. It is precisely the reality which lay behind that idea - the difference being that we do not recognise any principle of arbitrary selection, but hold that such interference can take place only under the working of natural law.

của ông" rằng tác giả của chúng ta phải kết thúc không đúng lúc theo cách đặc thù đó; và vì thế, bởi ông nhất quyết liều một thí nghiệm quá đỗi liều lĩnh, ông đã khiến ai đó phải nhọc công can thiệp để ngăn chặn kết quả tự nhiên của nó. Tôi biết rằng nhiều trường hợp tương tự được để cho qua đi mà không có sự can thiệp, và hệ quả tất yếu là kết cục bi thảm. Trong những trường hợp ấy, chúng ta buộc phải giả định rằng có điều gì đó trong nghiệp quả tích trữ của người liên hệ có thể phóng ra theo cách đặc thù kia, và do đó không có sự can thiệp vào ý chí tự do của y. Rõ ràng là tác giả của chúng ta còn cần cho công việc khác về sau, và vì vậy trong trường hợp của ông sự can thiệp đã xảy ra. Độc giả có thể nghĩ rằng điều này rất giống với ý niệm Ki-tô giáo xưa về Sự Quan Phòng theo dõi từng khoảnh khắc trong đời chúng ta. Đó chính là thực tại nằm sau ý niệm ấy—chỉ khác là chúng ta không thừa nhận bất kỳ nguyên tắc tuyển chọn tùy tiện nào, mà cho rằng sự can thiệp như vậy chỉ có thể xảy ra theo sự vận hành của định luật tự nhiên.

In case 29 we have no proof as to whether the guiding force was that of the ego or some friend, or whether it may have been, as our author himself suggests, the action of some sort of survival of animal instinct. From what we were afterwards told by the inhabitants of the neighbourhood, it would appear the there had been cases in which no such interference took place. Once more, we can only say that he was not destined to die at that time and in that particular way.)

Trong trường hợp 29, chúng ta không có bằng chứng liệu lực hướng dẫn là của chân ngã hay của một người bạn, hay có thể đó là, như chính tác giả gợi ý, tác động của một thứ bản năng thú vật còn lưu tồn nào đó. Từ những gì chúng ta được kể sau đó bởi dân cư vùng lân cận, có vẻ như đã từng có những trường hợp trong đó không hề có sự can thiệp nào. Một lần nữa, chúng ta chỉ có thể nói rằng ông không được định mệnh để chết vào thời điểm ấy và theo cách đặc thù đó.)

XV. UNPLEASANT EXPERIENCES—XV. NHỮNG TRẢI NGHIỆM KHÓ CHỊU

Most of the visions related up to now are of a pleasant and elevating nature. I have also experienced some unpleasant sights which

Phần lớn các thị kiến được thuật cho đến giờ đều êm ái và nâng đỡ tinh thần. Tôi cũng đã trải nghiệm vài cảnh tượng khó chịu mà

should not be omitted from this catalogue.

XV.30. An Unwelcome Visitor. One evening when just about to step into my bed, in Amsterdam, I saw a sort of elemental creature of a most objectionable kind sitting on my pillow. It consisted of a soft round body from which, at what may be called the waist, some ten long necks extended, each one something like the neck of a swan. These necks wriggled and twisted and wound through each other as snakes do. The evil eyes in the heads leered and sneered in a wicked way. The colour of the thing was green, that particular slimy and filthy green associated with old stones which have lain in a gutter for a long time, or with the stomach of some frogs. The creature gave an impression of softness and decay, like a jelly-fish or cuttle-fish. Besides, it spread a horrible and filthy stench. Its height was something over a foot. It happened that I was absolutely tired out on that evening, and that I had but one thought, that of rest. I felt that the creature could not *do* anything to me, and I was in no mood to wait or to try some elaborate magic. So I jumped into my bed and laid my head on the pillow, thinking at the time There is no room for both of us here; either you go, or I." And at the moment I lay down the creature burst up, as it were, and disappeared. I have never seen it or its brothers since. At the time I wondered much if a creature like this may have had any connection with the origin of the story of Medusa's head.

XV.31. Undesirable Cattle. On a few other occasions I have seen creatures, seemingly of the same class. I remember in particular a herd of cattle-like beings, somehow a cross between calves and elephants. They had the trunks of elephants (only the ends resembled the snouts of pigs), and something of the build and size of calves. They were white in colour,

không nên bỏ qua trong bản kê này.

XV.30. Một Vị Khách Bất Chào Đón. Một buổi tối, ngay khi sắp bước lên giường, ở Amsterdam, tôi thấy một loại sinh linh hành khí cực kỳ đáng ghét ngồi trên gối của tôi. Nó gồm một thân tròn mềm, từ "chỗ eo" vươn ra chừng mười chiếc cổ dài, mỗi chiếc trông như cổ thiên nga. Những chiếc cổ này ngoằn ngoèo, uốn éo, và quấn lấy nhau như rắn. Đôi mắt ác độc trên các đầu nhìn hau háu và nhếch mép độc địa. Màu của vật ấy là xanh lục, cái sắc xanh nhớp nhúa gớm ghiếc gợi đến những hòn đá cũ nằm lâu trong rãnh nước, hoặc đến cái bụng của vài con ếch. Sinh vật gây ấn tượng mềm nhũn và rữa rã, như sứa hay mực nang. Ngoài ra, nó tỏa ra một mùi hôi khủng khiếp và dơ bẩn. Chiều cao của nó hơn một gang tay. Tối hôm đó tôi mệt rã rời, và tôi chỉ có một ý nghĩ, là nghỉ ngơi. Tôi cảm thấy sinh vật ấy chẳng thể *làm* gì tôi, và tôi không có tâm trạng chờ đợi hay thử một vài phép huyền thuật công phu nào. Thế là tôi nhảy lên giường và đặt đầu lên gối, lúc ấy tôi nghĩ: Ở đây không có chỗ cho cả hai chúng ta; hoặc ngươi đi, hoặc là ta." Và ngay khoảnh khắc tôi nằm xuống, sinh vật ấy như vỡ tung và biến mất. Tôi chưa bao giờ thấy nó hay "anh em" của nó nữa. Lúc đó tôi đã tự hỏi nhiều liệu một sinh vật như thế có liên quan gì đến nguồn gốc câu chuyện về cái đầu của Medusa hay không.

XV.31. Lũ Gia Súc Bất Tường. Vài dịp khác tôi cũng thấy những sinh vật dường như cùng một loại. Tôi nhớ đặc biệt một bầy sinh vật giống gia súc, bằng cách nào đó là con lai giữa bê và voi. Chúng có vòi voi (chỉ khác là phần chót giống mõm heo), và phần nào có vóc dáng và kích thước của bê. Chúng có màu trắng, với một gợi ý phong hủi trong sắc trắng ấy, và

with a suggestion of leprosy in the whiteness, and these bodies gave the impression of corruption. All over the bodies were festering circular sores, like red flowers on a white field, altogether nauseating. I am reminded in thinking of them of Mr. Leadbeater's description of the hosts of elementals which he saw tramp past him when he had his experience on the Adyar river island (*The Perfume of Egypt*, 'A Test of Courage'). In this case also the malignant gleam in the eyes of the creatures was the chief characteristic. The beasts spelled evil.

những thân thể này gây ấn tượng hư hoại. Khắp thân là những vết loét tròn mưng mủ, như hoa đỏ trên nền trắng, hoàn toàn gây buồn nôn. Khi nghĩ về chúng, tôi nhớ đến mô tả của Ông Leadbeater về đoàn quân hành khí mà ông thấy giậm chân đi qua khi ông trải nghiệm trên hòn đảo giữa sông Adyar (*Hương Thơm của Ai Cập*, 'Một Phép Thử về Can đảm'). Trong trường hợp này nữa, tia nhìn hiểm độc trong mắt các sinh vật là đặc trưng chủ yếu. Lũ thú ấy toát ra mùi ác.

[CWL note] (The unpleasant entities described in paragraphs 30 and 31 are specimens of low and undesirable forms which prey almost exclusively on the emanations, produced by a particular type of emotion. Their appearance must, I fear, indicate the presence somewhere in the neighbourhood of a person in the habit of yielding himself to unrestrained sensuality. At least, that is almost certainly the origin of the peculiarly objectionable creature described in 30, and the form of the story suggests that it had been intentionally sent by someone. Those mentioned in 31 may have been of the same nature, but may also have been attracted by abnormal manifestations of aggravated envy and jealousy. The author may be congratulated on his courage in so entirely ignoring the horrible beast which he describes. Assuredly most of us would have spent some time and trouble in driving it away or dissipating it, instead of calmly lying down to sleep, secure in the conviction it could do no harm.)

[Ghi chú của CWL] (Những thực thể khó chịu được mô tả ở các đoạn 30 và 31 là những mẫu dạng thấp và bất hảo sống bám gần như hoàn toàn vào các phóng xuất do một loại cảm xúc đặc thù tạo ra. Sự xuất hiện của chúng, e rằng, cho thấy đâu đó trong vùng lân cận có một người quen buông mình cho dục tính không kiềm chế. Ít nhất, đó gần như chắc chắn là nguồn gốc của sinh vật đặc biệt đáng ghét mô tả trong đoạn 30, và hình thức câu chuyện gợi ý rằng nó đã bị ai đó cố ý sai phái. Những sinh vật nêu ở đoạn 31 có thể cùng bản chất, nhưng cũng có thể đã bị hấp dẫn bởi những biểu hiện bất thường của lòng ghen tị và đố kỵ bị kích động mạnh. Tác giả xứng đáng được chúc mừng về lòng can đảm của mình khi hoàn toàn phớt lờ con quái vật ghê tởm mà ông mô tả. Chắc chắn hầu hết chúng ta sẽ bỏ thời gian và công sức để xua đuổi nó đi hay làm tiêu tan nó, thay vì bình thản nằm ngủ, vững tin rằng nó không thể gây hại.)

XVI. SUNDRIES—XVI. LINH TINH

With the above cases I have practically exhausted my personal experience of things

Với những trường hợp trên, tôi hầu như đã kể hết các trải nghiệm cá nhân của mình về

psychic or occult. It only remains to gather together and enumerate a few items which fall within the scope of this article without being readily susceptible of special illustration.

những điều thông linh hay huyền bí. Chỉ còn lại việc gom góp và liệt kê vài điều thuộc phạm vi bài viết này nhưng khó có ví dụ minh họa riêng.

XVI.32. Thought-Action on Dreamers. There are two cases known to me in which I, awake, exercised thought-influence on different other persons who were then asleep. The interesting point to me was to hear the reports of their dreams, and to note the dream symbolism, which had completely transformed the formal side of the transaction, but had kept it absolutely intact from a symbolical point of view.

XVI.32. Tác Động Tư Tưởng lên Người Đang Mộng. Có hai trường hợp tôi biết, trong đó, khi đang thức, tôi đã tác động tư tưởng lên hai người khác nhau lúc họ đang ngủ. Điều khiến tôi hứng thú là nghe tường trình về các giấc mơ của họ, và ghi nhận biểu tượng giấc mơ, vốn đã hoàn toàn chuyển hóa mặt hình thức của sự việc, nhưng vẫn giữ nguyên trọn vẹn về phương diện biểu tượng.

The two cases were slightly dissimilar in nature. In the first, I was in a highly excited and turbulent state of mind of an undesirable nature. A very good and intimate friend of mine slept in the room next to me. He was asleep when I was still lying awake. Next morning he told me that he had had a vivid dream about me being in a burning house, and that he had rushed up to help me and to extricate or rescue me from the danger. I recognised at once the 'fire of passion' in the burning house, and could not but feel grateful for my friend's astral loyalty.

Hai trường hợp này có bản chất hơi khác nhau. Trong trường hợp thứ nhất, tôi đang ở trong một trạng thái thể trí bị kích động mạnh và xáo trộn theo một cách không đáng mong muốn. Một người bạn rất thân và rất gần gũi của tôi ngủ ở căn phòng bên cạnh. Anh ấy đã ngủ khi tôi vẫn còn thức nằm thao thức. Sáng hôm sau, anh kể với tôi rằng anh đã có một giấc mơ sống động về việc tôi ở trong một ngôi nhà đang cháy, và rằng anh đã lao tới để giúp tôi và kéo tôi ra, hoặc cứu tôi khỏi hiểm nguy. Tôi lập tức nhận ra "ngọn lửa dục vọng" trong ngôi nhà bốc cháy ấy, và không thể không cảm thấy biết ơn lòng trung thành trên cõi cảm dục của người bạn tôi.

In the second case I was deliberately thinking of another person with regard to a certain course of action. Next day that friend told me that he had dreamt that I had come to him, and my appearance and conduct as he described it tallied *mutatis mutandis* with my thoughts of the previous night. Only I, knowing the details, knew also what his description meant; whereas he, not having any data to go on, could not see further than his mere recollection, symbolising but not

Trong trường hợp thứ hai, tôi cố ý nghĩ về một người khác liên quan tới một đường hướng hành động nhất định. Ngày hôm sau người bạn ấy nói với tôi rằng anh đã mơ thấy tôi đến với anh, và hình dạng cũng như cách cư xử của tôi như anh mô tả thì khớp, *với những điều chỉnh cần thiết*, với những ý nghĩ của tôi đêm hôm trước. Chỉ có tôi, do biết các chi tiết, nên cũng biết lời mô tả của anh có ý nói gì; còn anh, không có dữ liệu nào để dựa vào, thì không thể thấy xa hơn ngoài ký ức đơn thuần của mình,

explaining the affair.

chỉ biểu tượng hóa mà không giải minh sự việc.

[CWL note] (In the first case mentioned in paragraph 32, the author's astral body was in a turbulent condition - which means not only brilliant colour and energetic vibration, but also great temporary expansion and vehement pulsations extending over a considerable area. The friend sleeping in the next room could not but be within the sphere of influence of these alarums and excursions, and when his attention was attracted by them, his innate spirit of helpfulness immediately asserted itself, and he pluckily rushed in to try to readjust matters.

[CWL note] (Trong trường hợp thứ nhất nêu ở đoạn 32, thể cảm dục của tác giả ở trong tình trạng xáo động—nghĩa là không chỉ có màu sắc rực rỡ và rung động mãnh liệt, mà còn có sự phồng nở tạm thời rất lớn và những nhịp xung dữ dội lan ra trên một vùng khá rộng. Người bạn ngủ ở phòng bên cạnh ắt hẳn nằm trong phạm vi ảnh hưởng của những náo động và xao động ấy, và khi sự chú ý của anh bị chúng lôi cuốn, tinh thần giúp đỡ bẩm sinh của anh lập tức tự biểu lộ, và anh đã gan dạ lao vào để cố điều chỉnh lại tình trạng.

In the second case, the writer gives us scarcely sufficient detail to enable us usefully to comment upon it further than to remark that during sleep people are specially susceptible to thought-influence, and that each ego has usually his own system of symbolism into which he would be likely to translate whatever was impressed upon him.)

Trong trường hợp thứ hai, tác giả hầu như không cho chúng ta đủ chi tiết để có thể bình luận hữu ích thêm gì ngoài nhận xét rằng trong khi ngủ con người đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi tư tưởng, và rằng mỗi chân ngã thường có hệ biểu tượng riêng, trong đó người đó có khuynh hướng phiên dịch bất cứ điều gì được in ấn vào mình.)

XVI.33. Dream Interpretation. I have noticed that I am very often able when a dream is told to me, to give on the spur of the moment and quite spontaneously an interpretation of it to the dreamer, with which he is satisfied. Again, this is merely a note in passing, which is given only for what it is worth. I have never studied dream-books, or dream interpretation, and am not specially interested in the subject, except so far as it forms a branch of general psychology.

XVI.33. Giải đoán giấc mơ. Tôi nhận thấy rằng rất thường khi có người kể cho tôi một giấc mơ, tôi có thể ngay tức khắc và hoàn toàn tự nhiên đưa ra một cách giải đoán cho chính người mơ, và điều đó làm người ấy hài lòng. Một lần nữa, đây chỉ là một ghi chú lướt qua, được nêu ra theo đúng giá trị của nó mà thôi. Tôi chưa từng học các sách mộng tượng hay giải mộng, và cũng không đặc biệt quan tâm đến đề tài này, ngoại trừ chừng mực nó là một nhánh của tâm lý học nói chung.

[CWL note] (In 33 we see the manifestation of a useful and valuable faculty - evidence of an ego which is quick to read the symbolism of other egos, and has the power of impressing the results of his knowledge upon his own physical brain.)

[CWL note] (Ở đoạn 33, chúng ta thấy sự bộc lộ của một năng khiếu hữu ích và quý giá—bằng chứng của một chân ngã nhanh nhạy trong việc đọc biểu tượng của các chân ngã khác, và có năng lực in ấn kết quả tri thức của mình lên chính bộ não hồng trần của mình.)

XVI.34. Running water. I notice, has always a strange fascination for me. Whether it be a waterfall, rapids in a river, a swiftly rushing stream, waves by the sea, merely rain or even water running from a tap, the motion and sound always please me. I like sitting near a stream or staring at the sea. The sound nearly always suggests voices to me, in a language I do not understand, but *might* understand if I just could get a little bit more *inside* it.

XVI.34. Dòng nước chảy. Tôi nhận thấy, luôn có một sức quyến rũ lạ lùng đối với tôi. Dù là thác nước, ghềnh trên sông, dòng suối lao nhanh, sóng biển, chỉ là mưa hay thậm chí nước chảy từ vòi, chuyển động và âm thanh ấy luôn làm tôi thích thú. Tôi thích ngồi bên suối hoặc nhìn đăm đăm ra biển. Âm thanh hầu như luôn gợi với tôi những giọng nói, trong một ngôn ngữ tôi không hiểu, nhưng *có thể* hiểu nếu tôi chỉ có thể đi thêm một chút *bên trong* nó.

An American author describes something similar in a recent story. An invalid is lying in a hospital, wearily awaiting convalescence:

Một nhà văn Mỹ tả điều gì đó tương tự trong một truyện gần đây. Một người bệnh nằm trong bệnh viện, mỏi mòn chờ ngày bình phục:

"She listened. Rushing down the valley in the large grounds, there was a stream - a liquid, unending, deep chord of many broken notes!.... The sweet hollow silver of the booming water divided, changed into voices that called, talked, laughed. There were long, low sentences; there were single questioning words; there were murmuring names spoken, and tender half-sounds, all unhurried, all contented and sure and adequate. She did not catch definite words, only intonations, the rise and fall; but the steady strength of the voices seemed to lift her weakness and bear it out on a calm flood. The stream was her friend; the voices of the stream were unreal voices, yet peace-giving."

"Nàng lắng nghe. Chảy xiết xuống thung lũng trong khu đất rộng, có một dòng suối—một hợp âm lỏng, bất tận, sâu thẳm của nhiều nốt nhạc vỡ!.... Tiếng ngân bạc rỗng ngọt ngào của làn nước ầm ào tách ra, biến thành những giọng nói gọi nhau, trò chuyện, cười vang. Có những câu dài, trầm; có những từ đơn chất vấn; có những cái tên thì thầm được gọi, và những nửa âm dịu nhẹ, tất cả đều ung dung, thảy đều mãn nguyện, vững tin và đủ đầy. Nàng không bắt được những từ xác định, chỉ là ngữ điệu, những nhịp lên xuống; nhưng sức mạnh bền bỉ của các giọng nói dường như nâng sự yếu đuối của nàng lên và chở nó đi trên một dòng lũ êm đềm. Dòng suối là bạn của nàng; những giọng nói của dòng suối là những giọng nói không thật, nhưng mang lại bình an."

I thought that this feeling might have something to do with the water elementals, but recently whilst motoring in a particularly noiseless motor-car I experienced the same feeling in hearing the smooth swish of its revolving machinery.

Tôi đã nghĩ rằng cảm giác này có lẽ liên quan đến các hành khí nước, nhưng gần đây, khi lái một chiếc xe hơi đặc biệt êm ái, tôi lại trải nghiệm cùng cảm giác ấy khi nghe tiếng rì rào mượt mà của bộ máy quay của nó.

[CWL note] (As to paragraph 34, I incline to

[CWL note] (Về đoạn 34, tôi nghiêng về gợi ý

our author's suggestion that it does indicate that he is in special sympathy with the element of water - with what have sometimes been called water-elementals, or perhaps rather nature-spirits; and I would suggest that the sound of machinery which he describes as having produced upon him a similar effect, produced that effect precisely because it *was* similar, and so gave subconsciously a suggestion of the sound of water. Such a sound consists of a set of vibrations which evidently exercise a special soothing influence upon the writer, and obviously similar vibrations would produce a similar result even independently of the mental suggestion conveyed by them.)

của tác giả chúng ta rằng điều đó quả cho thấy ông có sự đồng cảm đặc biệt với nguyên tố nước—với cái đôi khi được gọi là các hành khí nước, hay có lẽ đúng hơn là tinh linh thiên nhiên; và tôi muốn gợi rằng âm thanh máy móc mà ông mô tả là đã tạo nên nơi ông một hiệu quả tương tự, chính vì nó *giống*, nên đã gợi một cách tiềm thức ám chỉ về âm thanh của nước. Một âm thanh như thế gồm một tập hợp những rung động rõ ràng gây một ảnh hưởng xoa dịu đặc biệt đối với người viết, và hiển nhiên những rung động tương tự sẽ tạo ra kết quả tương tự ngay cả độc lập với ám chỉ tâm trí do chúng truyền đạt.)

XVI.35. An Anecdote. To finish this lengthy article I relate an insignificant little anecdote about a dream I had the other night. It is amusing.

XVI.35. Một giai thoại. Để kết bài viết dài này, tôi kể một giai thoại nhỏ nhặt về một giấc mơ tôi có đêm trước. Thật thú vị.

I dreamed I was in London, where I moved through parts I know well in my waking consciousness. Suddenly and without any transition I was in Paris, which I know equally well, physically, continuing my wanderings which I had begun in England. The curious thing is that the action was unbroken and did not change, whereas the scene was cut clean in two halves. It was like a conversation begun in English and continued in French without change of subject, listener or speaker. And herewith my catalogue is complete. Johan van Manen.

Tôi mơ thấy mình ở London, nơi tôi đi qua những khu vực tôi rất quen trong trạng thái thức. Bỗng nhiên, không hề có chuyển đoạn, tôi đã ở Paris, nơi tôi cũng quen thuộc như vậy về phương diện thể xác, tiếp tục những cuộc dạo bước tôi đã bắt đầu ở Anh. Điều lạ là hành động thì liền mạch và không thay đổi, trong khi khung cảnh thì bị cắt làm hai nửa rõ rệt. Nó giống như một cuộc đối thoại bắt đầu bằng tiếng Anh và được tiếp tục bằng tiếng Pháp mà không đổi đề tài, người nghe hay người nói. Và với đây, bản kê của tôi đã hoàn tất. Johan van Manen.

[CWL note] (The concluding anecdote gives us a characteristic example of the instantaneous changes which are possible, when one functions in the mental body. It might happen equally well in the astral, but not quite without at least a momentary sense of transition. The strong probability is, therefore, that our author was at the moment

[CWL note] (Giai thoại kết thúc cho chúng ta một ví dụ đặc trưng về những chuyển đổi tức thời có thể xảy ra khi người ta vận dụng thể trí. Điều ấy cũng có thể xảy ra tương tự trong thể cảm dục, nhưng khó mà hoàn toàn không có ít nhất một cảm giác chuyển tiếp thoáng qua. Do đó, khả năng cao là vào lúc có trải nghiệm này, tác giả của chúng ta đã sử dụng vận cụ thể trí;

of this experience using the mental vehicle; but that also implies that he may not really have been either in London or Paris at all. He may simply have been moving among his own mental reproductions of parts of these two cities.

nhưng điều đó cũng hàm ý rằng có thể thực ra ông không hề ở London hay Paris. Ông có thể chỉ đang di chuyển giữa những tái tạo mang tính trí tuệ của riêng ông về những phần của hai thành phố ấy.

It is one of the peculiarities of this set of stories that the hero of them appears to be more at home in the mental world than the emotional - that so many of his glimpses of higher consciousness show him to be using the causal or mental vehicle rather than that astral body in which most of us have to be content to begin our superphysical voyagings. But students who may be disposed to look enviously upon such capacity may console themselves by the thought that each line of development has its special perils, and that ready use of the mental body brings with it a dangerous facility in criticism which, if indulged to excess, may hold a man back from those still higher realms which are the kingdom of the humble and the especial inheritance of those that be pure in heart.

Một điều đặc thù của loạt câu chuyện này là nhân vật chính dường như cảm thấy thân thuộc với thế giới trí tuệ hơn là thế giới cảm xúc—đến mức nhiều thoáng thấy tâm thức cao của ông cho thấy ông dùng vận cụ nguyên nhân hoặc thể trí hơn là thể cảm dục, trong đó phần đông chúng ta đành phải chấp nhận bắt đầu những cuộc du hành siêu vật chất của mình. Nhưng các đạo sinh có thể khuynh hướng nhìn khả năng như thế với con mắt ganh tị thì có thể tự an ủi bằng ý nghĩ rằng mỗi đường hướng phát triển đều có những hiểm nguy riêng, và sự quen tay dùng thể trí kéo theo một năng lực phê phán dễ dãi nguy hiểm, mà nếu buông thả quá mức, có thể kìm hãm một người khỏi những cảnh giới còn cao hơn nữa, vốn là vương quốc của người khiêm nhu và là gia tài đặc thù của những ai thanh sạch trong tâm.

As a concluding note I can only repeat what I have suggested in the beginning, that the man who has had this singularly complete series of experiences ought to have had more - and even yet should have many more - since they clearly show a degree and type of sensitiveness which is very well worth cultivating, with a view to practical results. We must all thank our author for having thus so fully and so carefully unbosomed himself. He may assuredly take unto himself such reward as is involved in the knowledge that what he has written will be useful to many, and will help them to understand and to coordinate similar happenings in their own lives. Few students have such a wealth of varied experiences; fewer still have the faculty

Như một lời kết, tôi chỉ có thể lặp lại điều tôi đã gợi ở phần đầu, rằng người đã có chuỗi trải nghiệm trọn vẹn kỳ lạ này lẽ ra phải có nhiều trải nghiệm hơn nữa—và ngay cả bây giờ vẫn nên có thêm nhiều hơn—vì chúng rõ ràng cho thấy một mức độ và loại nhạy cảm rất đáng để tu dưỡng, hướng tới những kết quả thực tiễn. Tất cả chúng ta phải cảm ơn tác giả vì đã tự bộc bạch mình đầy đủ và cẩn trọng đến vậy. Ông hẳn có thể nhận cho mình phần thưởng nằm trong sự biết rằng những gì ông đã viết sẽ hữu ích cho nhiều người, và sẽ giúp họ hiểu và phối hợp những sự việc tương tự trong đời họ. Ít có đạo sinh nào có được nhiều trải nghiệm phong phú và đa dạng như thế; lại càng ít người sở hữu năng khiếu trình bày chúng rành mạch và vô tư đến vậy; vì thế chúng ta có thể kết, như

of stating them so clearly and so impersonally; so we may end, as we began, with thanks and congratulations, and (let me add) with high hopes for the future of the author.

C. W. Leadbeater

July 1913 p581 *The Theosophist*

đã mở, bằng lời cảm ơn và chúc mừng, và (cho phép tôi thêm) bằng kỳ vọng lớn lao nơi tương lai của tác giả.

C. W. Leadbeater

Tháng 7 năm 1913 tr. 581 *The Theosophist*